

Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+” (RECAF)

KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

(bao gồm cả những cân nhắc về khí hậu)

29/8/2024

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này được Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (Tổ chức được công nhận) đệ trình để xin tài trợ của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) cho dự án RECAF. Báo cáo do bà Alessandra Gage (Cán bộ môi trường, FAO) biên soạn với sự đóng góp chính của ông Lê Tuấn Anh (Chuyên gia tư vấn của FAO) và ông Dhrupad Choudhury (Chuyên gia tư vấn của IFAD), theo hướng dẫn chung của bà Cora Dankers (Trưởng nhóm thiết kế dự án, Cán bộ kinh doanh nông nghiệp, FAO), ông Nguyễn Ngọc Quang (Trưởng nhóm thiết kế dự án, IFAD Việt Nam), ông Francisco Pichon (Giám đốc quốc gia tại Việt Nam và Thái Lan, IFAD) và ông Nguyễn Thanh Tùng (Cán bộ chương trình, IFAD Việt Nam). Bà Nguyễn Khanh (IFAD Việt Nam) đã hỗ trợ hành chính hiệu quả cho các cuộc họp và tham vấn trực tuyến. Báo cáo này nên được đọc cùng với các tài liệu khác về MTXH (Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, Kế hoạch dành cho người DTTS và Kế hoạch Hành động & Đánh giá Giới).

Đánh giá rủi ro và tác động, cả rủi ro vốn có và rủi ro liên quan đến dự án, đều được thực hiện dựa trên các báo cáo bối cảnh, rà soát tài liệu và các dự án tương tự, và tham vấn sâu rộng trong quá trình thiết kế dự án. Nhiều thành viên đã tham gia vào quá trình tham vấn từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2021 và tháng 5 đến tháng 7 năm 2022. Xin trân trọng cảm ơn các cán bộ đầu mối của 05 tỉnh dự án đã nỗ lực trong việc tổ chức các cuộc khảo sát hộ gia đình (HGD), thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu: ông Trần Đình Triết, ông Trần Nhật Thành (Gia Lai), ông Nguyễn Thanh Vân, ông Trần Văn Khoa, Bà Huỳnh Thị Minh Quyên (Đắk Lắk), ông Lê Huyền, ông Phan Ninh Thuận, ông Lê Cảnh Hậu (Ninh Thuận), ông Phạm Tuấn Anh, ông Dương Quốc Thịnh (Đắk Nông), ông Nguyễn Văn Trung, ông Cao Việt Tân, bà Nguyễn Thị Thanh Sơn (Lâm Đồng) và các thành viên khác từ 05 tỉnh dự án. Nếu không có sự cam kết và hỗ trợ tích cực của họ trong việc tổ chức các cuộc tham vấn sâu rộng trong giai đoạn bùng phát COVID-19, các cuộc tham vấn sẽ không thể thực hiện được.

Chúng tôi vô cùng biết ơn đại diện của các cộng đồng mục tiêu từ 21 huyện của 05 tỉnh dự án đã tham gia các buổi tham vấn để chia sẻ hiểu biết của họ về cộng đồng của họ và đưa ra các đề xuất cho thiết kế dự án. Thông tin họ cung cấp vô cùng hữu ích cho việc xây dựng tài liệu kinh tế xã hội cơ bản cho cộng đồng mục tiêu của dự án cũng như định hướng trọng tâm, thiết kế và thực hiện các hoạt động dự án theo đúng kế hoạch.

Trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp và các chuyên gia đánh giá đã chia sẻ những hiểu biết sâu sắc, góp ý và đề xuất, bao gồm: bà Antonella Cordone, bà Cora Dankers, ông Francisco Pichon, ông Jim Hancock, ông Nguyễn Ngọc Quang, ông Nguyễn Thanh Tùng, bà Rachele Arcese, ông Alberto TordesillasTorres, bà Safia Aggarwal và nhiều đồng nghiệp khác đã phản hồi, góp ý và đề xuất giúp nâng cao chất lượng các báo cáo về môi trường - xã hội.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATSKNN	An toàn sức khỏe nghề nghiệp
BCĐDA	Ban chỉ đạo dự án
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BQLDA	Ban quản lý dự án
BVMT	Bảo vệ môi trường
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐGMTCL	Đánh giá môi trường chiến lược
DTTS	Dân tộc thiểu số
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ECOP	Bộ quy tắc thực hành về môi trường (Environmental Codes of Practices)
ESA	Đánh giá môi trường xã hội (Environmental Social Assessment)
ESIA	Đánh giá tác động môi trường xã hội (Environmental Social Impact Assessment)
ESMF	Khung quản lý môi trường xã hội (Environmental and Social Management Framework)
ESMP	Kế hoạch quản lý môi trường xã hội (Environmental and Social Management Plans)
ESS	Tiêu chuẩn môi trường & xã hội của GCF (Environmental & Social Standards)
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (Food and Agriculture Organization of the United Nations)
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (Free, Prior, and Informed Consent)
GAP	Kế hoạch đánh giá và hành động về giới (Gender Assessment and Action Plan)
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh (Green Climate Fund)
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại (Grievance Redress Mechanism)
HGD	Hộ gia đình
IEE	Đánh giá môi trường sơ bộ (Initial Environmental Examination)

IFAD	Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (International Fund for Agricultural Development)
IPP	Kế hoạch dành cho người dân tộc thiểu số (Indigenous People's Plan)
LMP	Quy trình quản lý lao động (Labor Management Procedures)
MTXH	Môi trường - xã hội
NN&PTNT	Nông nghiệp & phát triển nông thôn
QLRCĐ	Quản lý rừng cộng đồng
SECAP	Quy trình đánh giá xã hội, môi trường và khí hậu (Social, Environmental, and Climate Assessment Procedures)
SEP	Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (Stakeholder Engagement Plan)
TNMT	Tài nguyên và môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam
WB	Ngân hàng thế giới (World Bank)

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	2
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
TÓM TẮT BÁO CÁO.....	7
I. GIỚI THIỆU	9
1.1 BỐI CẢNH QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN	9
1.2 MỤC ĐÍCH VÀ ỨNG DỤNG CỦA KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI (ESMF).....	12
1.3 PHẠM VI CỦA ESMF	13
II. MÔ TẢ DỰ ÁN.....	13
2.1 MỤC TIÊU, HỢP PHẦN, ĐỊA BÀN VÀ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI CỦA DỰ ÁN	13
2.2 PHÂN LOẠI ĐẦU TƯ	17
2.3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN	18
III. KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LÝ VÀ HÀNH CHÍNH.....	20
3.1 LUẬT VÀ QUY ĐỊNH TRONG NƯỚC	20
3.2 ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN/QUY TRÌNH RỦI RO MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ KHÍ HẬU CỦA IFAD VÀ GCF	27
3.3 PHÂN TÍCH KHOẢNG TRỐNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP LẤP ĐẦY KHOẢNG TRỐNG	33
IV. ĐÁNH GIÁ MTXH CỦA DỰ ÁN VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐƯỢC ĐỀ XUẤT.....	43
4.1 ĐỊA BÀN DỰ ÁN	43
4.2 ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG TIỀM TANG CỦA DỰ ÁN.....	56
4.3 BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐƯỢC ĐỀ XUẤT	58
V. QUY TRÌNH RÀ SOÁT, PHÊ DUYỆT VÀ THỰC HIỆN CÁC CÔNG CỤ MTXH CỦA DỰ ÁN CSHT 64	
5.1 MỤC TIÊU VÀ CÁCH TIẾP CẬN	64
5.2 CÁC BƯỚC CHÍNH	65
5.3 ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MTXH.....	68
5.4 PHÁT TRIỂN CÁC TÀI LIỆU MTXH.....	68
5.5 XEM XÉT, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ CÁC TÀI LIỆU MTXH	68
5.6 THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, THEO DÕI VÀ BÁO CÁO	69
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	70
6.1 TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ESMF	70
6.2 GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO	70
6.3 ĐƯA ESMF VÀO SỔ TAY VẬN HÀNH DỰ ÁN.....	71
VII. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT.....	71
7.1 ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỂ CHẾ	71
7.2 ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT	72
7.3 HỖ TRỢ KỸ THUẬT VỀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC MTXH.....	73
VIII. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN ESMF	73
IX. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI.....	74
X. THAM VẤN VÀ CÔNG KHAI ESMF.....	74
10.1 YÊU CẦU THAM VẤN	75
10.2 TÓM TẮT QUÁ TRÌNH THAM VẤN	75
10.3 KẾT QUẢ THAM VẤN CÔNG KHAI BAN ĐẦU.....	75
10.4 TIẾT LỘ THÔNG TIN	75
PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH LOẠI TRỪ.....	76
PHỤ LỤC 2. BIỂU MẪU SÀNG LỌC TIỂU DỰ ÁN.....	78
PHỤ LỤC 3. MẪU MỤC LỤC ESMP.....	86
PHỤ LỤC 4. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO VỊ TRÍ TƯ VẤN GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI.....	88

PHỤ LỤC 5. QUY TRÌNH XỬ LÝ KHI PHÁT LỘ HIỆN VẬT	91
PHỤ LỤC 6. QUY TẮC THỰC HÀNH VỀ MTXH TRONG XÂY DỰNG	92
PHỤ LỤC 7. NGUYÊN TẮC ĐỐI VỚI KHU LÁN TRẠI CỦA CÔNG NHÂN	96
PHỤ LỤC 8. HƯỚNG DẪN CHUNG CỦA NHÀ THẦU VỀ CÁC LƯU Ý ĐỐI VỚI COVID-19 TẠI CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	98
PHỤ LỤC 9. QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	99
PHỤ LỤC 10. HƯỚNG DẪN CHUNG CỦA NHÀ THẦU VỀ COVID-19 TRONG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	103
PHỤ LỤC 11. MẪU ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO VỊ TRÍ CHUYÊN GIA MÔI TRƯỜNG VÀ KHÍ HẬU	104
PHỤ LỤC 12. MẪU ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO VỊ TRÍ CHUYÊN GIA VỀ GIỚI VÀ XÃ HỘI.....	106
PHỤ LỤC 13. ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG CÔNG NHÂN TRONG DỰ ÁN.....	108
PHỤ LỤC 14. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG QUY TRÌNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG	110
PHỤ LỤC 15. KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ VÀ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP (EPRP).....	111
PHỤ LỤC 16. MÔ TẢ MỘT SỐ RỦI RO ĐƯỢC ĐỀ CẬP Ở MỤC 4.3.....	112
PHỤ LỤC 17. QUY TRÌNH HIẾN TẶNG TỰ NGUYỆN	116

TÓM TẮT BÁO CÁO

- Phương pháp phân loại rủi ro:** Các rủi ro về môi trường, xã hội và khí hậu vốn có và liên quan đến dự án được xác định bằng cách: (i) sàng lọc các hoạt động của dự án theo các yêu cầu về Quy trình Đánh giá Xã hội, Môi trường và Khí hậu (SECAP) của Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) cũng như các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (ESS) của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF); (ii) xem xét các phát hiện từ nghiên cứu tài liệu về các rủi ro liên quan đến các dự án tương tự và các báo cơ bối cảnh có liên quan; và (iii) kết hợp các phát hiện từ khảo sát hộ gia đình (tổng cộng 353 hộ), thảo luận nhóm tập trung (tổng cộng 280 người tham gia) và phỏng vấn sâu (phỏng vấn tổng cộng 21 người).
- Đánh giá SECAP ban đầu đã xác định các vấn đề hiện hữu vốn có trong địa bàn dự án có thể làm tăng rủi ro cho dự án, cho nhân sự của dự án và/hoặc người thụ hưởng dự án. Nghiên cứu tài liệu bổ sung đã làm nổi bật thêm các lĩnh vực có rủi ro tiềm ẩn và bài học kinh nghiệm từ các dự án khác. Việc sàng lọc các hoạt động của dự án RECAF, kết hợp với kết quả khảo sát hộ gia đình (HGĐ), thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn sâu và các chuyến thăm thực địa kết hợp với tham vấn đã cung cấp thông tin chi tiết về các điều kiện mới nhất có thể ảnh hưởng đến sự thành công của dự án và các tác động tiềm ẩn của dự án (cả tích cực và tiêu cực).
- Phương pháp tiếp cận khung:** Do chưa chốt địa điểm thực hiện dự án nên nhóm thiết kế đã đồng ý sử dụng phương pháp tiếp cận khung phù hợp với SECAP của IFAD và ESS của GCF. Quá trình tài liệu hóa dựa trên định dạng thường được cung cấp cho một dự án do GCF tài trợ, thay vì định dạng SECAP của IFAD để đơn giản hóa quy trình phê duyệt. Điều này đã được thống nhất với trụ sở chính của IFAD trước khi xây dựng Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF) này.
- Tác động của dự án và các rủi ro vốn có:** Cả tác động và rủi ro về mặt môi trường – xã hội của RECAF đều được phân loại ở mức trung bình. Việc giảm thiểu rủi ro về khí hậu đã được đưa vào thiết kế của dự án thông qua các hoạt động và thông số kỹ thuật cho các hoạt động cơ sở hạ tầng (CSHT) được đầu tư trong dự án vì thiết kế dự án nhằm mục tiêu rõ ràng vào việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH).
- Các tác động xã hội quan trọng dự kiến là kết quả của các hoạt động dự án** bao gồm: (i) khả năng mắc các bệnh (ví dụ các bệnh lây truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS, COVID-19 và/hoặc các bệnh truyền nhiễm khác) do dòng lao động đổ vào; (ii) khả năng xung đột với người dân tộc thiểu số (DTTS) địa phương do công nhân xây dựng làm việc và ở gần các cộng đồng DTTS; (iii) khả năng xảy ra tai nạn lao động đối với những người được các công ty xây dựng của dự án thuê để hỗ trợ công việc xây dựng mùa vụ; (iv) bạo lực trên cơ sở giới và/hoặc quấy rối và lạm dụng tình dục (ví dụ như lăng mạ bằng lời nói và hành động, quấy rối tình dục, bạo lực đối với trẻ em) do dòng lao động đổ vào; (v) lao động trẻ em/công việc không phù hợp với độ tuổi, nếu nhà thầu xây dựng thuê người địa phương cho các công trình xây dựng nặng [mặc dù điều này bị cấm theo Bộ luật Lao động hiện hành (2019)]; (vi) lao động cưỡng bức (ví dụ như bị ép làm việc thông qua việc sử dụng bạo lực/đe dọa, hoặc bằng các biện pháp tinh vi hơn như thao túng nợ nần, giữ lại giấy tờ tùy thân hoặc các mối đe dọa tương tự); (vii) khả năng bị lèse hóa (do dễ bị tổn thương, các vấn đề về quyền sở hữu đất đai, người khuyết tật, v.v...); (viii) thiếu hợp đồng lao động đối với người DTTS, đặc biệt là đối với công việc mùa vụ có thời hạn dưới một tháng.
- Các rủi ro trên được đánh giá là dao động từ thấp đến trung bình vì không có biện pháp thực tế nào đảm bảo tránh hoàn toàn. Tuy nhiên, khi các biện pháp cần thiết được áp dụng và thực hiện hiệu quả, khả năng xảy ra những hậu quả này có thể giảm xuống mức có thể quản lý được. Các biện pháp giảm thiểu được nêu chi tiết trong Chương IV của Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF) này.

7. **Dự kiến các tác động môi trường chính do các hoạt động của dự án:** Dự kiến dự án sẽ có tác động tích cực đáng kể đến môi trường, bao gồm cải thiện các dịch vụ hệ sinh thái, độ phì nhiêu/sức khỏe của đất, sức khỏe của rừng và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Các tác động tiêu cực tiềm tàng đến môi trường dự kiến sẽ nhỏ, giới hạn về thời gian/quy mô và có thể đảo ngược vì chúng liên quan đến CSHT quy mô nhỏ (ví dụ: xây dựng/sửa chữa đường nông thôn quy mô nhỏ, kênh tưới tiêu, hồ chứa quy mô nhỏ, v.v...). Những tác động này có thể bao gồm: (i) xói mòn và nước mặt chảy tràn vào các thủy vực trong quá trình đào đắp/xây dựng; (ii) tình trạng tắc nghẽn giao thông tạm thời và các vấn đề an toàn liên quan trong quá trình xây dựng và vận hành; (iii) ô nhiễm tạm thời từ quá trình xây dựng (ví dụ: bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải và nước thải phát sinh từ khu lán trại của công nhân); (iv) ô nhiễm nước có thể xảy ra từ nguồn cung cấp cốt liệu/vật liệu xây dựng (đất, sỏi); và (v) tăng mức tiêu thụ nước. Các rủi ro môi trường khác (không liên quan trực tiếp đến các hoạt động xây dựng) bao gồm: (i) sự hiện diện của các vật liệu nổ chưa nổ (UXO) tại các địa bàn dự án (một rủi ro vốn có được liệt kê bên dưới); và (ii) tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu do thâm canh cây trồng/năng suất cây trồng được cải thiện. Tương tự như các rủi ro và tác động xã hội, các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tác động môi trường được nêu chi tiết trong Chương IV của tài liệu Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF) này.

8. Để giảm thiểu các vấn đề liên quan đến lè hóa xã hội và xung đột về sử dụng đất/quyền sở hữu đất/quản lý đất đai, các tài liệu khác về môi trường - xã hội (MTXH), như Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP), Kế hoạch dành cho người DTTS (IPP) và Kế hoạch Hành động và Đánh giá về Giới (GAP), đã được xây dựng để bổ sung cho tài liệu ESMF này và cải thiện thiết kế tổng thể của dự án. Ngoài ra, Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) cũng đã được chuẩn bị trong trường hợp bất kỳ người nào bị ảnh hưởng bởi dự án cảm thấy họ đã bị tác động tiêu cực hoặc bị loại trừ và được nêu chi tiết trong Chương IX của tài liệu ESMF này.

9. **Rủi ro vốn có:** Có những rủi ro thường trực liên quan đến sự hiện diện của mìn và vật liệu nổ chưa nổ (UXO) nếu hoạt động xây dựng diễn ra ở những khu vực mới (tức là những khu vực chưa có hoạt động xây dựng/ CSHT). Đại dịch COVID-19 toàn cầu cũng gây ra rủi ro vì việc đi lại và/hoặc các hoạt động đòi hỏi tiếp xúc trực tiếp có thể làm tăng tỷ lệ lây truyền nếu những người tiếp xúc không tuân thủ các hướng dẫn về giãn cách xã hội và thiết bị bảo hộ lao động cá nhân (PPE) khi được chính phủ yêu cầu, tùy thuộc vào tình hình đại dịch tại Việt Nam tại thời điểm triển khai. Các rủi ro vốn có được giải quyết bằng các tác động liên quan đến dự án theo Chương IV của ESMF.

10. **Thực hiện:** ESMF sẽ được triển khai với sự hỗ trợ của hai chuyên gia về MTXH tại mỗi Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh (BQLDA cấp tỉnh). Hỗ trợ thêm ở cấp xã sẽ được xác định bằng cách đưa các nghĩa vụ liên quan đến biện pháp bảo vệ vào Điều khoản tham chiếu của nhân viên dự án/cơ quan thực hiện. Đối với công trình xây dựng được cấp ngân sách bởi dự án, các nhà thầu sẽ có nghĩa vụ tuân thủ các yêu cầu về MTXH của GCF và IFAD, ngoài các luật/quy định trong nước, và lập Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) hoặc Bộ Quy tắc Thực hành Môi trường (ECOP) (miễn là các tài liệu này bao gồm các nội dung về quản lý rủi ro xã hội) như một phần của hợp đồng.

I. GIỚI THIỆU

1.1 Bối cảnh quốc gia và dự án

1. **Tổng quan:** Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, có diện tích khoảng 331.231 km², trong đó đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp lần lượt chiếm 46% và 44%. Trong 30 năm qua, Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người là 6,4% mỗi năm¹. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này phần lớn dựa trên việc khai thác không bền vững tài nguyên đất, nước và rừng và sự suy thoái và mất mát các dịch vụ sinh thái. Đại dịch COVID-19 đã bộc lộ những lỗ hổng lớn gây ra tác động đáng kể đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong năm 2020 và 2021. Tăng trưởng GDP trong sáu tháng đầu năm 2021 là khoảng 4%².

2. Khu vực Tây Nguyên của Việt Nam nghèo hơn so với hầu hết các khu vực khác trong cả nước và vẫn bị chi phối bởi các ngành trọng yếu, đó là nông lâm nghiệp. Các ngành trọng yếu chiếm từ 28-50% GDP của tỉnh; tuy nhiên, việc làm trong nông nghiệp và lâm nghiệp cao hơn nhiều, khoảng 80-90% dân số ở Tây Nguyên. Do đó, cả hai ngành đều rất quan trọng đối với nền kinh tế và sinh kế của người dân trong khu vực. Cà phê, cao su, sắn và hồ tiêu là những cây trồng chính ở đây. Khu vực Tây Nguyên có hơn 450.000 ha đồn điền cà phê, chiếm gần 90% diện tích trồng cà phê của cả nước. Việc mở rộng các loại cây trồng này và việc chuyển thế nền nông nghiệp tự cung tự cấp đã tạo nên động lực chính của nạn phá rừng và suy thoái rừng tại khu vực Tây Nguyên.³

3. **Khí hậu:** Ngân hàng Thế giới (WB) xếp Việt Nam vào danh sách năm quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH).⁴ Trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam đã tăng khoảng 0,5-0,7°C và tăng nhanh hơn ở các tỉnh dự án (0,9-1,0°C). Nhiệt độ dự kiến tăng trong khoảng từ 1,0°C đến 3,4°C vào năm 2080-2099 so với mức cơ sở ở giai đoạn 1986 – 2005. Các dự báo cho địa bàn dự án cho thấy xu hướng tăng rõ ràng về nhiệt độ trung bình, nhiệt độ tối đa, những ngày khô hạn và những ngày cực nóng. Các dự báo về lượng mưa hàng năm không cho thấy một mô hình rõ ràng cho địa bàn dự án. Các sự kiện khí hậu cực đoan đã tăng về tần suất và cường độ,⁵ và hạn hán là một mối nguy hiểm khí hậu quan trọng, đặc biệt là ở Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ. Hạn hán nghiêm trọng năm 2015-2017 ở những khu vực này đã gây ra thiệt hại đáng kể về mùa màng, ảnh hưởng đến 175.000 ha, chiếm khoảng 9% tổng diện tích cây trồng ở bốn tỉnh Tây Nguyên⁶.

4. **AFOLU:** Mặc dù chịu ảnh hưởng của BĐKH, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và các mục đích sử dụng đất khác (AFOLU) cũng là nguyên nhân hàng đầu thứ hai gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu (sau sản xuất năng lượng) và chịu trách nhiệm cho khoảng 24% lượng khí thải carbon.⁷ Tổng lượng khí thải ròng của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp (không bao gồm rừng) đã tăng từ 52 triệu tấn CO₂e vào năm 1994 lên 98,7 triệu tấn CO₂e vào năm 2016.⁸ Tuy nhiên,

¹ 2019. Chương trình hợp tác quốc gia Việt Nam và IFAD (COSOP) 2019-2025

² <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/05/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-5-va-5-thang-dau-nam-2021/>

³ Phạm TT, Hoàng TL, Nguyễn DT, Đào TLC, Ngô HC và Phạm VH. 2019. Bối cảnh cho REDD+ tại Việt Nam: Nguyên nhân, đối tượng và thể chế, ấn bản lần 2. Bài báo định kỳ 196. CIFOR. Bogor, Indonesia.

⁴ Ngân hàng Thế giới, 2018. Bước tiến mới: Giảm nghèo và thịnh vượng chung ở Việt Nam. Báo cáo cập nhật năm 2018.

⁵ <https://www4.unfccc.int/sites/ndcstaging/PublishedDocuments/Viet%20Nam%20First/VIET%20NAM%27S%20INDC.pdf>

⁶ JICA 2018. Kết quả khảo sát thu thập số liệu về quản lý tài nguyên nước tại khu vực Tây Nguyên

⁷ IPCC 2018

⁸ BUR 3 https://unfccc.int/sites/default/files/resource/Viet%20Nam_BUR3.pdf Năm 2016, AFOLU không còn được chia thành nông nghiệp và LULUCF nữa. Đây là tổng lượng phát thải không tính phần hấp thụ từ đất rừng.

Sử dụng Đất, Thay đổi Sử dụng Đất và Lâm nghiệp (LULUCF) (hay “đất rừng” trong dữ liệu năm 2016) đã thay đổi từ nguồn thành bể chứa các-bon ròng do những nỗ lực của quốc gia trong việc trồng rừng và phục hồi rừng. Do đó, lượng khí thải ròng từ AFOLU, kết hợp nông nghiệp và đất rừng, đã giảm từ 72 triệu tấn CO₂e năm 1994 xuống còn 44 triệu tấn CO₂e năm 2016 (tức là từ 69% xuống 14% tổng lượng khí thải ròng hàng năm của Việt Nam).

5. Mặc dù những con số này là tích cực nhưng chúng không phản ánh được lượng khí thải từ quá trình suy thoái rừng và từ việc chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng. Hầu hết quá trình cô lập các-bon đến từ việc trồng các loại cây độc canh cho mục đích công nghiệp (đặc biệt là cây keo và cao su). Do đó, trong khi toàn bộ diện tích rừng được duy trì thì tính đa dạng sinh học (ĐDSH) của các loại cây độc canh như vậy lại thấp hơn nhiều và không cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái ở mức độ ngang nhau. Nông nghiệp vẫn là động lực quan trọng của nạn phá rừng và suy thoái rừng, trong khi nhu cầu thị trường thúc đẩy sự phát triển của các mặt hàng nông sản. Các động lực chính khác bao gồm phát triển CSHT, khai thác gỗ không kiểm soát, quản lý rừng kém và quyền sở hữu đất đai của cộng đồng còn yếu.

6. **Đễ bị tổn thương nhất bởi BĐKH:** Người nghèo ở nông thôn dễ bị tổn thương nhất trước những cú sốc từ thiên tai và các mối nguy hiểm do BĐKH gây ra và những người này chiếm tỷ lệ lớn hơn ở các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ so với các vùng khác của Việt Nam. Tỷ lệ nghèo là 8,3% ở Tây Nguyên và 12,7% ở Ninh Thuận⁹ và nền kinh tế của cả hai khu vực này đều do nông nghiệp và lâm nghiệp chi phối. Tỷ lệ nghèo của các DTTS tại khu vực Tây Nguyên là 40,4% và người DTTS nghèo chiếm 53,8% trong số người cực nghèo. Khi nạn phá rừng làm trầm trọng thêm tác động của khí hậu và các đốn đẵn độc canh làm giảm khả năng phục hồi của cộng đồng trước BĐKH, người nghèo ở nông thôn - đặc biệt là các DTTS - phải gánh chịu hậu quả về mặt rủi ro gia tăng.

7. **Từ chính sách đến hành động:** Hội nghị các bên (COP) tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về BĐKH (UNFCCC) khuyến khích các quốc gia giải quyết các động lực của nạn phá rừng và suy thoái rừng trong số những vấn đề khác. Giảm phát thải từ nạn phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) là một công cụ then chốt cho Chiến lược Quốc gia về BĐKH của Việt Nam. Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+ giai đoạn 2011-2020 (NRAP) được phê duyệt vào năm 2012 và được cập nhật vào năm 2017 cho giai đoạn đến năm 2030 cung cấp khung pháp lý quốc gia để thực hiện REDD+.

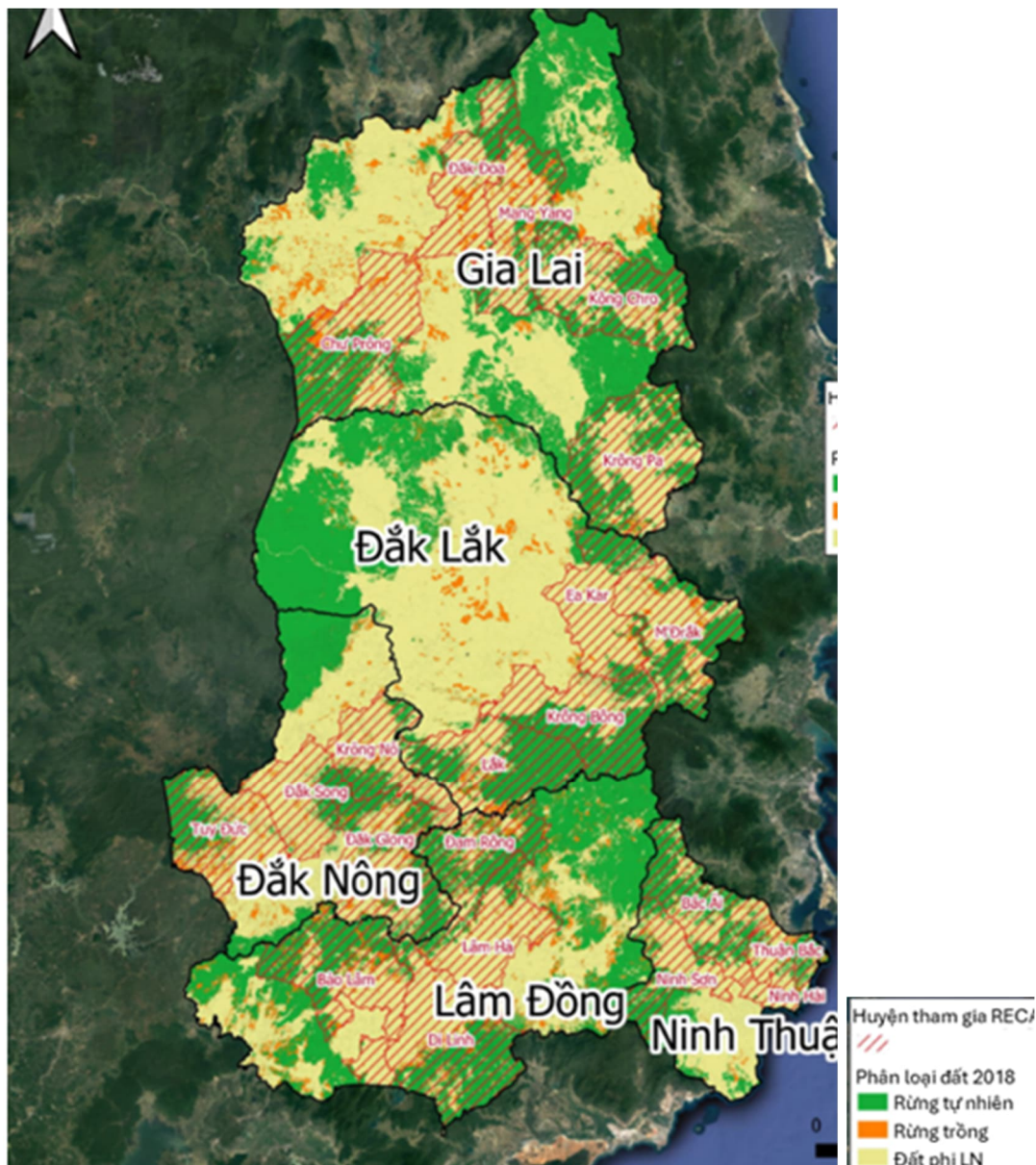
8. **Các can thiệp được đề xuất:** Trong bối cảnh trên, dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+” (RECAF) được thiết kế để giải quyết các vấn đề tại năm tỉnh tham gia dự án: (i) Đắk Lắk; (ii) Đắk Nông; (iii) Gia Lai; (iv) Lâm Đồng; và (v) Ninh Thuận. Các tỉnh này rất cần các biện pháp thích ứng và giảm thiểu BĐKH cùng với sự tập trung vào những cộng đồng dễ bị tổn thương nhất (mục tiêu cụ thể của dự án là đảm bảo có sự tham gia của 40% người DTTS trong dự án). Dự án nhằm mục đích tạo điều kiện chuyển đổi khả thi về mặt kinh tế sang quản lý rừng bền vững, các chuỗi giá trị nông sản bền vững không gây mất rừng và sinh kế có khả năng chống chịu với BĐKH. Dự án sẽ giải quyết các rào cản đối với quá trình chuyển đổi này, bao gồm: (i) các khoảng trống về chính sách và thể chế để thực hiện REDD+ ở cấp tỉnh (ví dụ: thiếu sự phối hợp liên sở, liên ngành và công-tư; thiếu hệ thống giám sát để báo cáo kết quả giảm phát thải); (ii) phân phối không công bằng chi phí và lợi ích của việc bảo vệ rừng; (iii) quyền sở hữu đất đai chưa được đảm bảo; và (iv) thiếu các động lực thúc đẩy hành động của khu vực tư nhân và thiếu khả năng tiếp cận các sản phẩm tín dụng dài hạn để đầu tư vào giảm thiểu và thích ứng với BĐKH.

9. Dự án sẽ đầu tư vào: (i) lồng ghép Kế hoạch Hành động Quốc gia REDD+ (NRAP) vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sự phối hợp và năng lực thực hiện REDD+; (ii) quản lý

⁹ https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/03/Thong-cao-bao-chi-MDP_MPI_edited.pdf

rừng hiệu quả dựa vào cộng đồng và chia sẻ lợi ích; và (iii) phát triển chuỗi giá trị không gây mất rừng, CSHT chống chịu với BĐKH và phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp. Địa bàn dự án được thể hiện trong Hình 1.

Hình 1: Địa bàn dự án



10. **Sự tham gia của các bên liên quan:** Để hỗ trợ quá trình phát triển và thiết kế dự án này, chúng tôi đã thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan để hiểu rõ các tác động tích cực và tiêu cực tiềm tàng của dự án, cũng như các cơ hội chính để cải thiện khả năng tiếp cận và sự tham gia. Việc này bao gồm các cuộc tham vấn lập đi lập lại trong suốt vòng đời của dự án, đặc biệt chú ý đến các nhóm dễ bị tổn thương, có thể là do giới tính, khuynh hướng tính dục, độ tuổi, khả năng, tín ngưỡng và/hoặc dân tộc. Các hướng dẫn về sự tham gia của các bên liên quan có trong Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP).

11. **Người DTTS, phụ nữ và các cộng đồng dễ bị tổn thương:** Để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các nhóm DTTS, phụ nữ và các cộng đồng dễ bị tổn thương khác, *Kế hoạch dành cho người DTTS* (IPP) và Kế hoạch Hành động & Đánh giá Giới (GAP) đã được lập ra để hướng dẫn những bên thực hiện dự án và đảm bảo rằng các cân nhắc về nhu cầu khác biệt của cộng đồng DTTS, phụ nữ và những người dễ bị tổn thương được đưa vào thiết kế dự án và các chỉ số giám sát.

12. **Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF) bao gồm các cân nhắc về khí hậu:** Tài liệu ESMF này, bao gồm các cân nhắc về khí hậu, đóng vai trò là tài liệu hướng dẫn chính cho việc quản lý và giảm thiểu rủi ro và tác động về môi trường, xã hội và khí hậu trong suốt chu trình dự án.

1.2 Mục đích và ứng dụng của Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF)

13. Dự án RECAF liên quan đến nhiều chương trình và hoạt động CSHT, trong đó các địa điểm cụ thể vẫn chưa được xác định trong quá trình triển khai. Do chưa thể xác nhận các tiểu dự án cụ thể trước khi thẩm định dự án nên ESMF này đã được lập ra. Do có một số khác biệt nhỏ trong định dạng tài liệu về rủi ro/tác động môi trường, xã hội và khí hậu được yêu cầu đối với các dự án do IFAD và GCF tài trợ nên Chính phủ Việt Nam đã nhất trí với các chuyên gia SECAP tại trụ sở chính của IFAD để tuân theo tài liệu GCF chuẩn thay vì xây dựng hai bộ tài liệu riêng biệt. Theo Quy trình Đánh giá Xã hội, Môi trường và Khí hậu (SECAP) của IFAD và Tiêu chuẩn MTXH của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF), Cơ quan Chủ trì của dự án được đề xuất sẽ lập và công bố ESMF này¹⁰ trước khi thẩm định.

14. Mục đích của ESMF là đảm bảo rằng dự án có các kế hoạch và quy trình cụ thể để tránh, giảm thiểu và/hoặc giảm nhẹ các rủi ro và tác động tiêu cực tiềm tàng về môi trường xã hội (MTXH) liên quan đến dự án, bao gồm rủi ro khí hậu, sau khi các hoạt động RECAF và/hoặc các chương trình CSHT được xác định, lập kế hoạch và triển khai. Tài liệu này: (i) đánh giá và tóm tắt các rủi ro và tác động liên quan đến dự án; và (ii) đặt ra các nguyên tắc, quy tắc, hướng dẫn và quy trình để đánh giá mọi rủi ro và tác động tiềm ẩn của chương trình và hoạt động CSHT trong tương lai được xác định sau này. Tài liệu này cung cấp các biện pháp để giảm thiểu, giảm nhẹ và/hoặc bù đắp những rủi ro và tác động tiêu cực đó từ dự án và cung cấp thông tin về các khu vực dự kiến sẽ có các chương trình CSHT (bao gồm tình trạng dễ bị tổn thương cụ thể liên quan đến MTXH của các khu vực đó; các tác động tiềm ẩn có thể xảy ra; và các biện pháp giảm thiểu có thể được sử dụng). Các mục tiêu cụ thể của ESMF này là:

- Đánh giá các rủi ro và tác động tiềm ẩn liên quan đến môi trường, xã hội và khí hậu của dự án, cả tích cực và tiêu cực, và đề xuất các biện pháp giảm thiểu có thể giải quyết hiệu quả các rủi ro và tác động này;
- Thiết lập các quy trình rõ ràng cho việc lập kế hoạch, xem xét, phê duyệt và thực hiện MTXH đối với các hoạt động CSHT và các hoạt động khác được tài trợ theo dự án;
- Chỉ định các vai trò và trách nhiệm phù hợp và phác thảo các quy trình báo cáo cần thiết để quản lý và giám sát các vấn đề/mối quan ngại về MTXH liên quan đến CSHT, hỗ trợ kỹ thuật và các hoạt động;
- Xác định đào tạo, xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để thực hiện thành công các điều khoản của ESMF này;
- Phác thảo và giải quyết các cơ chế tham vấn công khai và công bố tài liệu dự án, cũng như giải quyết các khiếu nại có thể xảy ra; và
- Thiết lập các yêu cầu về ngân sách để thực hiện ESMF này.

¹⁰ ESMF xem xét các rủi ro và tác động khi một dự án bao gồm một chương trình và/hoặc một loạt các kế hoạch CSHT, và không thể xác định được các rủi ro và tác động cho đến khi nào xác định được chương trình hoặc kế hoạch CSHT chi tiết.

15. ESMF này cung cấp thông tin về (i) các mục không đủ điều kiện để được tài trợ cho Dự án; (ii) cách tiến hành sàng lọc MTXH; (iii) phân loại rủi ro và tác động; (iv) xác định các tài liệu MTXH khác nhau cần chuẩn bị (cả trước và sau khi dự án được phê duyệt) và quy trình cần tuân theo để chuẩn bị các tài liệu này (bao gồm quy trình phê duyệt); (v) tổ chức thực hiện; (vi) đào tạo và xây dựng năng lực; (v) cơ chế giải quyết khiếu nại; (vi) chi phí ước tính và yêu cầu ngân sách; và (vii) hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể để chuẩn bị các tài liệu MTXH đã xác định theo yêu cầu. **ESMF này sẽ được áp dụng cho tất cả các chương trình và hoạt động CSHT được RECAF tài trợ.**

1.3 Phạm vi của ESMF

16. ESMF này được xây dựng dựa trên việc xem xét các luật, quy định và các văn bản pháp lý khác của chính phủ có liên quan đến dự án; nhiều báo cáo và tài liệu cơ sở liên quan đến các điều kiện MTXH của các địa bàn dự án được đề xuất và các địa điểm tiềm năng của chương trình CSHT; cũng như các chuyến thăm thực địa, khảo sát HGD, thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn sâu và các cuộc tham vấn khác tại các khu vực đó. Các tài liệu về MTXH được chuẩn bị cho các dự án tương tự và/hoặc các dự án trong các lĩnh vực liên quan (ví dụ các dự án khác do IFAD, WB, FAO, v.v... tài trợ) cũng đã được xem xét.

17. ESMF này tuân thủ các yêu cầu SECAP của IFAD và Tiêu chuẩn Môi trường & Xã hội của GCF, có tính đến các ghi chú hướng dẫn và tài liệu liên quan. Thông tin được trình bày trong 10 mục như sau:

- I. Giới thiệu
- II. Mô tả dự án
- III. Khung chính sách, pháp lý và hành chính
- IV. Đánh giá MTXH và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất
- V. Các quy trình rà soát, phê duyệt và thực hiện các công cụ MTXH đối với hoạt động CSHT
- VI. Tổ chức thực hiện
- VII. Xây dựng năng lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật
- VIII. Ngân sách thực hiện ESMF
- IX. Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)
- X. Tham vấn và công bố ESMF

18. Phụ lục cung cấp thêm thông tin chi tiết về: (i) các hoạt động không hợp lệ; (ii) sàng lọc MTXH, phân loại rủi ro và tác động; (iii) các cuộc tham vấn được tiến hành để xây dựng ESMF và các tài liệu khác về MTXH. Thông tin về quy trình GRM có trong Chương IX của ESMF này.

II. MÔ TẢ DỰ ÁN

2.1 Mục tiêu, hợp phần, địa bàn và đối tượng hưởng lợi của dự án

19. Mục tiêu của RECAF là đưa REDD+ vào các chính sách, kế hoạch và đầu tư liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Sử dụng đất khác (AFOLU) ở cấp quốc gia, tỉnh và địa

phương để nâng cao sinh kế và khả năng phục hồi của cộng đồng. Cụ thể hơn, dự án hướng tới một mục tiêu giảm thiểu chính và một mục tiêu thích ứng chính:

- **Mục tiêu giảm thiểu:** Giảm phát thải từ nạn phá rừng và suy thoái rừng. Dự án sẽ thực hiện điều này bằng cách giải quyết các động lực chính tại giao điểm của các ngành lâm nghiệp và nông nghiệp và thông qua việc khuyến khích các khoản đầu tư chiến lược, hiệu quả cho phép phục hồi rừng và quản lý rừng bền vững.
- **Mục tiêu thích ứng:** Trao quyền và tăng cường khả năng phục hồi của các cộng đồng và tổ chức mục tiêu nhằm cải thiện sinh kế và ứng phó tốt hơn với BĐKH.

20. **Đối với mục tiêu giảm thiểu**, dự án đặt mục tiêu giảm tổng lượng phát thải ròng là 1 MtCO_{2e} trong giai đoạn sáu năm và giảm tổng lượng phát thải ròng là 6 MtCO_{2e} trong vòng đời dự án 12 năm, tương đương với 15% lượng loại bỏ hàng năm theo FRL (Forest Reference Level - Mức tham chiếu rừng) và 8% mục tiêu của NDC/LULUCF. Các ước tính chi tiết sẽ được cung cấp ở giai đoạn thiết kế bằng cách sử dụng công cụ EX-ACT. Điều này sẽ đạt được thông qua các hoạt động nhằm giảm và tránh nạn phá rừng và suy thoái rừng tại các điểm nóng với tổng diện tích là 0,7 triệu ha và thông qua các hoạt động nhằm tăng cường trữ lượng các-bon của rừng trên 0,5 triệu ha đất. Địa bàn dự án bao gồm tổng cộng 12 huyện, với một triệu ha rừng ở 05 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng và Ninh Thuận.

21. **Đối với mục tiêu thích ứng**, dự án sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận cảnh quan để phân tích tốt hơn mối quan hệ phức tạp giữa sử dụng nông nghiệp, bảo vệ rừng và giảm nghèo. Dự án sẽ hỗ trợ phát triển (và chứng nhận) các chuỗi giá trị nông sản chính (ví dụ như cà phê) không gây mất rừng. Các hoạt động sẽ đòi hỏi sự kết hợp giữa đầu tư công và tư dọc theo chuỗi giá trị, bao gồm mở rộng tín dụng cho và thông qua các tác nhân trong chuỗi giá trị này. Điều này bao gồm cải thiện năng lực quản lý và quản trị rừng, đồng thời hỗ trợ chính phủ vượt qua các rào cản trong việc huy động REDD+ để khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân vào chuỗi cung ứng nông nghiệp không gây mất rừng và hỗ trợ các hoạt động quản lý rừng bền vững ở cấp địa phương, đồng thời huy động đầu tư để giúp các nông hộ nhỏ phát triển sinh kế thích ứng với BĐKH và chia sẻ lợi ích từ rừng công bằng hơn thông qua chi trả dịch vụ môi trường rừng. Để thực hiện được điều này, dự án sẽ hỗ trợ thực hiện các cải cách cần thiết để tăng cường các điều kiện thuận lợi; các cải cách đã được Chính phủ Việt Nam khởi xướng khi đưa ra các chính sách và kế hoạch mới nhằm khuyến khích sử dụng đất và rừng bền vững trong cả nước.

22. Dự án sẽ đạt được các mục tiêu thông qua 03 hợp phần: (1) Môi trường thuận lợi cho việc lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính; (2) Các biện pháp thực hiện để giảm phát thải khí nhà kính từ nạn phá rừng, thúc đẩy nông nghiệp bền vững và tăng cường khả năng phục hồi khí hậu; và (3) Điều phối, giám sát và quản lý tri thức. Sau đây là phân tích về kết quả, đầu ra và hoạt động của các hợp phần:

KẾT QUẢ 1: Các trụ cột thiết kế REDD+ của Việt Nam được hoàn thiện và lồng ghép hoàn toàn vào các khung thể chế và chính sách cấp tỉnh với quan hệ đối tác công-tư-nhà sản xuất (4P) được tăng cường để hiện thực hóa REDD+

Đầu ra 1.1: Hoàn thiện chính sách và cơ chế REDD+ quốc gia để thực hiện tất cả các chức năng cần thiết, bao gồm cả trồng rừng.

Hoạt động 1.1.1: Nâng cấp Hệ thống giám sát rừng quốc gia (NFMS) và Hệ thống thông tin về đảm bảo an toàn (SIS)

- Hoạt động thành phần 1.1.1.1. Nâng cấp hệ thống giám sát để báo cáo kết quả giảm thiểu phát thải và giảm phát thải xuống bằng 0
- Hoạt động thành phần 1.1.1.2. Triển khai Hệ thống thông tin về các biện pháp đảm bảo an toàn REDD+

- Hoạt động thành phần 1.1.1.3. Thúc đẩy phối hợp liên tỉnh và quản lý tri thức

Hoạt động 1.1.2: Huy động nguồn lực để thực hiện NRAP và lập kế hoạch đầu tư toàn diện và cơ chế phân bổ nguồn lực công bằng

- Hoạt động thành phần 1.1.2.1. Chuẩn bị kế hoạch đầu tư NRAP
- Hoạt động thành phần 1.1.2.2. Nâng cao năng lực để huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân
- Hoạt động thành phần 1.1.2.3. Thực hiện đối thoại chính sách trong nước đa bên về việc bao gồm các dịch vụ hấp thụ các-bon vào cơ chế DVMTR và soạn thảo hướng dẫn đối với cơ chế quản lý hợp tác về rừng đa bên cấp xã (MCCFM)

Đầu ra 1.2: Lồng ghép các chính sách, khung pháp lý và thể chế cũng như cơ chế điều phối các bên liên quan của tỉnh vào Kế hoạch hành động quốc gia REDD+ (NRAP).

Hoạt động 1.2.1: Lồng ghép NRAP vào các chính sách và khung thể chế pháp lý của tỉnh

- Hoạt động thành phần 1.2.1.1. Tăng cường năng lực lãnh đạo, ý chí và cam kết chính trị của chính quyền tỉnh
- Hoạt động thành phần 1.2.1.2. Hỗ trợ hệ thống thông tin và giám sát REDD+ (MIS) cấp tỉnh và khảo sát kiểm kê rừng có sự tham gia

Hoạt động 1.2.2: Cải thiện sự phối hợp liên ngành để quản lý rừng tốt hơn và chuyển đổi sang phát triển kinh tế không gây mất rừng

- Hoạt động thành phần 1.2.2.1. Tạo điều kiện cho các nền tảng 4P cung cấp thông tin đầu vào và đảm bảo thực hiện PRAP hiệu quả
- Hoạt động thành phần 1.2.2.2. Tạo điều kiện phối hợp liên ngành, đối thoại chính sách và nâng cao năng lực về phân vùng, giao đất giao rừng (FLA), Mô hình quản lý hợp tác về rừng đa bên cấp xã (MCCFM) và chi trả DVMTR

Hoạt động 1.2.3: Tăng cường Quan hệ đối tác công-tư-nhà sản xuất (4) nhằm phát triển kinh tế không gây mất rừng

- Hoạt động thành phần 1.2.3.1. Tạo kiến thức cơ bản
- Hoạt động thành phần 1.2.3.2. Xác định các hệ thống nông lâm kết hợp vững chắc và hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội thích ứng với các vùng sinh thái nông nghiệp
- Hoạt động thành phần 1.2.3.4. Chia sẻ kiến thức với cộng đồng rộng lớn hơn và tuyên truyền vận động

KẾT QUẢ 2: Giảm phát thải từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất khác (AFOLU) được tạo ra thông qua chuỗi giá trị không gây mất rừng trên nền tảng 4P & tài chính dựa trên hiệu quả thực hiện

Đầu ra 2.1: Chuỗi giá trị không gây mất rừng được xây dựng bởi nền tảng 4P và tăng khả năng tiếp cận tài chính

Hoạt động 2.1.1: Phát triển chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng thông qua nền tảng 4P

- Hoạt động thành phần 2.1.1.1. Phát triển chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng (cây lâu năm, cây keo, tre)
- Hoạt động thành phần 2.1.1.2. Phát triển chuỗi giá trị cho các sản phẩm ngành không gây mất rừng (mật ong, nấm, cây thuốc, thảo mộc, các lâm sản ngoài gỗ khác)

Hoạt động 2.1.2: Nâng cao năng lực của nông dân, các nhóm đồng sở thích (CIG), hợp tác xã và doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) về chuỗi giá trị không gây mất rừng và phát triển sinh kế thay thế

- Hoạt động thành phần 2.1.2.1. Thành lập các nhóm đồng sở thích (CIGs)
- Hoạt động thành phần 2.1.2.2. Đào tạo tập huấn cho nông dân, các nhóm đồng sở thích, các HTX và DNVVN

Hoạt động 2.1.3: Hỗ trợ các nhà cung cấp tài chính phát triển và quảng bá các sản phẩm tài chính để phát triển chuỗi giá trị không gây mất rừng

- Hoạt động thành phần 2.1.3.1. Tăng cường các Quỹ HTPNPT và Quỹ HTPHTX để quản lý quỹ và phát triển các sản phẩm hỗ trợ đầu tư vào các chuỗi giá trị không gây mất rừng
- Hoạt động thành phần 2.1.3.2. Tạo khả năng tiếp cận vốn cho WDF và CDF để mở rộng quy mô hoạt động tín dụng nhanh hơn
- Hoạt động thành phần 2.1.3.3. Nâng cao năng lực của các ngân hàng thương mại để phát triển sản phẩm, quan hệ đối tác và ứng dụng fintech hỗ trợ đầu tư vào các chuỗi giá trị không gây mất rừng và thúc đẩy việc đạt được các mục tiêu dự án

Đầu ra 2.2: Thiết lập và nâng cấp chuỗi giá trị không gây mất rừng và cơ sở hạ tầng khôi phục rừng

Hoạt động 2.2.1: Xây dựng cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị không gây mất rừng

- Hoạt động thành phần 2.2.1.1. Thúc đẩy nông lâm kết hợp bền vững thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và siêu nhỏ, bao gồm phát triển hệ thống tưới vi mô và cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ
- Hoạt động thành phần 2.2.1.2: Tăng cường cơ sở vật chất sau thu hoạch của các chuỗi giá trị được lựa chọn bằng cách lồng ghép kỹ thuật chế biến tạo giá trị gia tăng

Hoạt động 2.2.2: Thiết lập và nâng cấp cơ sở hạ tầng khôi phục rừng (IFAD đồng tài trợ)

- Hoạt động thành phần 2.2.2.1. Tăng cường cơ sở hạ tầng giám sát và bảo vệ rừng thông qua nâng cấp toàn diện
- Hoạt động thành phần 2.2.2.2.: Thành lập vườn ươm cây giống của đơn vị công lập, xây dựng hạ tầng thiết yếu cho các sáng kiến trồng rừng và tái trồng rừng

Đầu ra 2.3: Nâng cao năng lực quản lý hợp tác về rừng thông qua các biện pháp khuyến khích dựa trên hiệu quả thực hiện

Hoạt động 2.3.1: Xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES) dựa trên kết quả để quản lý hợp tác về rừng

- Hoạt động thành phần 2.3.1.1. Hỗ trợ Quỹ Phát triển Bảo vệ Rừng cấp tỉnh (PFPDF) thiết kế và thực hiện cơ chế chi trả dựa trên hiệu quả hoạt động cho các dịch vụ cô lập carbon
- Hoạt động thành phần 2.3.1.2. Nâng cao năng lực Quỹ BVPTR cấp tỉnh

Hoạt động 2.3.2: Hỗ trợ quản lý hợp tác về rừng đa bên cấp xã (MCCFM)

- Hoạt động thành phần 2.3.2.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho quy trình lập bản đồ và quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia
- Hoạt động thành phần 2.3.2.2. Xây dựng dự án thí điểm Quản lý rừng hợp tác đa bên cấp xã (MCCFM)
- Hoạt động thành phần 2.3.2.3. Nâng cao năng lực cho các thành viên MCCFM cấp thôn

- Hoạt động thành phần 2.3.2.4. Tăng cường hệ thống hỗ trợ MCCFM

23. **Ngân sách dự án:** Tổng ngân sách dự án là 116,2 triệu đô la Mỹ, trong đó 86,2 triệu đô la Mỹ từ nguồn vốn của VN và IFAD (chủ yếu thông qua khoản vay của IFAD) và 30 triệu đô la Mỹ từ nguồn tài trợ của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF).

24. **Địa bàn dự án:** Dự án sẽ được triển khai tại 21 huyện thuộc 5 tỉnh: (i) Đắk Lắk; (ii) Đắk Nông; (iii) Gia Lai; (iv) Lâm Đồng; và (v) Ninh Thuận. Tổng quan về địa bàn dự án được thể hiện trong Hình 1 (xem trang sau).

25. **Người thụ hưởng dự án:** Đối tượng thụ hưởng dự án bao gồm khoảng 100.000 HGD là người hưởng lợi trực tiếp và 420.000 người hưởng lợi gián tiếp, dựa trên các tài liệu thiết kế dự án mới nhất (tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2022). Những người hưởng lợi dự án là những người sống gần rừng và/hoặc sinh kế của họ phụ thuộc vào rừng. Cụ thể, các nhóm mục tiêu của dự án bao gồm: (i) các HGD nghèo ở nông thôn có đất và lực lượng lao động; (ii) người dân nông thôn đang lao động, nhưng thiếu kỹ năng; (iii) người dân nông thôn không có đất để sản xuất bền vững nhưng có đầu óc và đam mê kinh doanh; và (iv) những người nông dân chủ chốt có kỹ năng và tài sản để thúc đẩy sản xuất nông lâm kết hợp/nông nghiệp thương mại. Các HGD dễ bị tổn thương, chẳng hạn như các HGD nghèo, cận nghèo và/hoặc do phụ nữ làm chủ hộ, thanh niên và những người khác được xác định thông qua các quy trình lập Kế hoạch Phát triển KT-XH và Chương trình hành động quốc gia tại địa phương (ví dụ: tham gia vào các hệ thống sản xuất dễ bị tổn thương, thực hiện các hoạt động sản xuất ở các khu vực dễ bị tổn thương được xác định theo quy hoạch/phân vùng Quản lý Rủi ro Thiên tai) và các HGD DTTS sẽ được ưu tiên trong các nhóm mục tiêu. RECAF sẽ đề xuất các biện pháp cụ thể để đảm bảo sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động có liên quan, bao gồm tỷ lệ tham gia tối thiểu (ít nhất 40%). Ngoài ra, dự án cũng sẽ bao gồm ít nhất 500 doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp vừa và nhỏ/doanh nghiệp nông nghiệp và các tổ chức sản xuất (hợp tác xã, nhóm đồng sở thích (CIG), tổ hợp tác (CG), nhóm tiết kiệm và tín dụng tham gia vào các chuỗi giá trị không gây mất rừng do dự án hỗ trợ.

2.2 Phân loại đầu tư

26. Việc sàng lọc, quản lý và giảm thiểu rủi ro và tác động được thực hiện hiệu quả nhất khi các hoạt động có bản chất tương tự nhau có thể được nhóm lại với nhau (ví dụ: hoạt động đào tạo, hoạt động xây dựng, hoạt động lập kế hoạch chính sách). Các hoạt động và can thiệp theo thiết kế dự án RECAF có thể được phân loại như sau:

- **Các hoạt động lập kế hoạch chính sách thuộc Hợp phần 1** (Hoạt động 1.1.1 về Lồng ghép NRAP vào các chính sách của tỉnh và khung pháp lý và thể chế; Hoạt động 1.1.2. về Phối hợp liên ngành để quản lý rừng tốt hơn và chuyển đổi sang phát triển kinh tế không gây mất rừng)
- **Các hoạt động lập kế hoạch hành động chuỗi giá trị & phát triển nền tảng chuỗi giá trị 4P thuộc Hợp phần 2** (Hoạt động 2.1.1. Lập kế hoạch hành động cho các chuỗi giá trị của các mặt hàng nông sản, lâm sản và lâm sản ngoài gỗ; Hoạt động 2.2.1 Nền tảng 4P của chuỗi giá trị nhằm xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động cho các mặt hàng không gây mất rừng và các sản phẩm đặc biệt hướng tới dinh dưỡng)
- **Các hoạt động xây dựng năng lực thuộc Hợp phần 1 và Hợp phần 2** (Hoạt động 1.1.3 về Nâng cao năng lực của khu vực công và tư để cho phép chuyển đổi sang phát triển kinh tế không gây mất rừng và chống chịu với BĐKH; Hoạt động 1.2.1 về Nâng cấp Hệ thống thông tin và giám sát REDD+ quốc gia (MIS) và Hệ thống thông tin bảo vệ (SIS); Hoạt động 2.1.2 về Xây dựng năng lực cho các nhóm nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp vừa và

nhỏ về hệ thống canh tác phát thải thấp và chống chịu với BĐKH và phát triển doanh nghiệp)

- **Các hoạt động huy động tài chính thuộc Hợp phần 1 và Hợp phần 2** (Hoạt động 1.2.2. Huy động nguồn lực tài chính để thực hiện NRAP và các cơ chế chia sẻ lợi ích; Hoạt động 2.1.3 về Tài chính nông thôn toàn diện cho các khoản đầu tư vào các mặt hàng không gây mất rừng và các dự án chuyên sâu tập trung vào dinh dưỡng)
- **Các hoạt động phát triển CSHT thuộc Hợp phần 2** (Hoạt động 2.2.2 về CSHT bảo vệ và phục hồi rừng)
- **Các hoạt động huy động công đồng và thanh toán dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) thuộc Hợp phần 2** (Hoạt động 2.3.1 Phát triển cơ chế DVMTR dựa trên kết quả; Hoạt động 2.3.2 Hỗ trợ Quản lý rừng dựa vào cộng đồng (CFM))
- **Các hoạt động quản lý dự án thuộc Hợp phần 3** (Điều phối và quản lý dự án; Đo lường tác động của dự án (bao gồm giám sát các biện pháp bảo vệ và cải thiện thông tin về rừng); cơ chế trao đổi thông tin với các cơ quan thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về REDD+ (NRAP))

2.3 Tổ chức thực hiện dự án

27. Chính phủ Việt Nam đã chỉ định VNFOREST (Tổng cục Lâm nghiệp) là Cơ quan điều phối dự án và UBND các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng và Ninh Thuận là Cơ quan chủ trì thực hiện dự án. Cả VNFOREST và UBND cách tỉnh trên đều chịu trách nhiệm thực hiện dự án. UBND mỗi tỉnh sẽ thành lập các Ban Chỉ đạo Dự án (BCĐDA) tại mỗi tỉnh do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu. VNFOREST và BCĐDA được giao nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện dự án, đảm bảo phối hợp và lồng ghép dự án với tất cả các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án viện trợ nước ngoài khác.

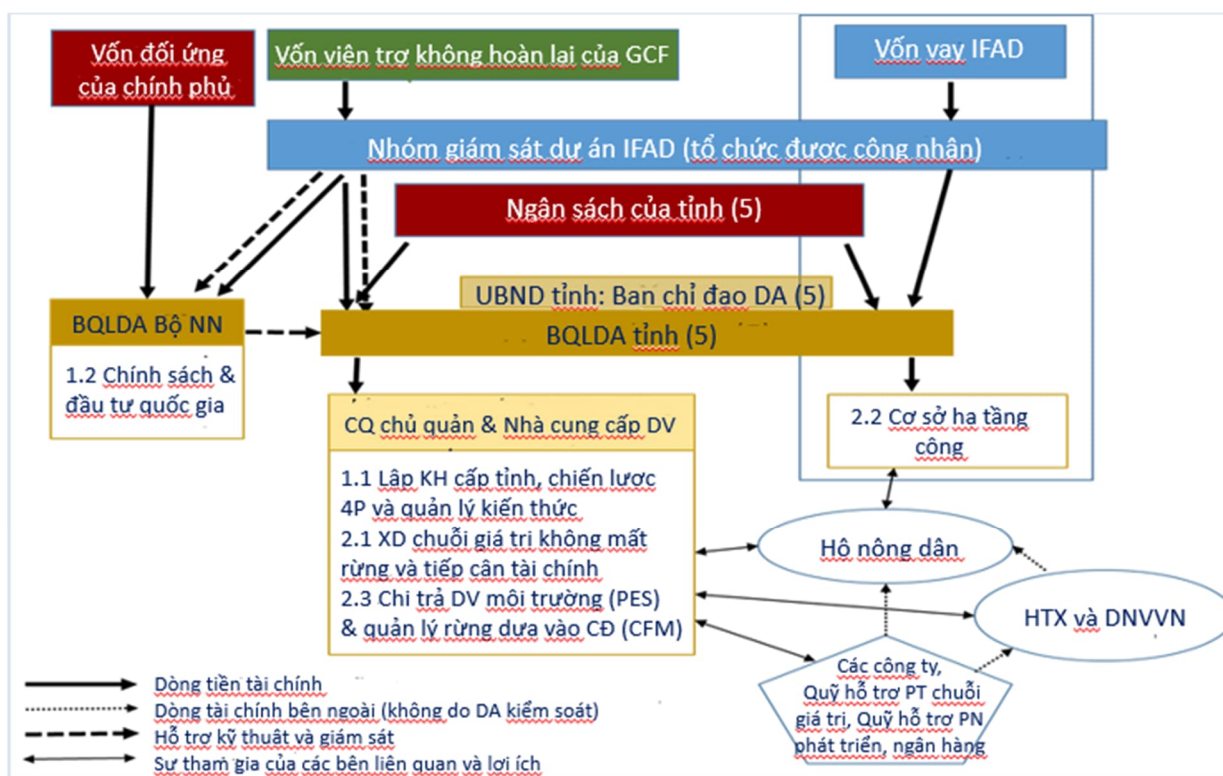
28. Các BCĐDA cấp tỉnh bao gồm các cơ quan chủ quản của tỉnh, PCEM, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ/ Quỹ Phát triển Phụ nữ và Đoàn Thanh niên, các BCĐDA cấp huyện, các đối tác phát triển và các công ty tư nhân tham gia RECAF. BCĐDA đưa ra định hướng chiến lược cho việc thực hiện RECAF, giám sát quá trình lập kế hoạch dự án, phân bổ kinh phí và mua sắm, huy động nguồn tài chính đầy đủ và kịp thời cho Kế hoạch và Ngân sách Hoạt động hàng năm (AWPB) của dự án, xem xét tiến độ và báo cáo kết quả. BCĐDA sẽ tổ chức các cuộc họp chung cho 3 chương trình mục tiêu quốc gia (phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững) và các dự án viện trợ nước ngoài khác tại các tỉnh dự án. VNFOREST và mỗi trong năm UBND tỉnh thành lập 01 Ban Quản lý Dự án (BQLDA) và 05 BQLDA cấp tỉnh để thực hiện RECAF.

29. Để hỗ trợ VNFOREST trong việc điều phối và triển khai dự án, một BQLDA cấp trung ương sẽ được thành lập theo quy định của Việt Nam về quản lý dự án ODA. BQLDA cấp trung ương sẽ huy động hỗ trợ kỹ thuật từ các đơn vị khác thuộc Bộ NN&PTNT, VNFOREST, các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn như Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD), Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Đại học Lâm nghiệp (Chương Mỹ, Hà Nội) và Khoa Nông Lâm nghiệp (Đại học Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột) để hỗ trợ kỹ thuật cho việc triển khai dự án. BQLDA cấp trung ương cũng sẽ huy động các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài để hỗ trợ trong các lĩnh vực chuyên môn, chẳng hạn như tổ chức IDH và tổ chức SNV về cách tiếp cận cảnh quan đối với quản lý chuỗi cung ứng không gây mất rừng; tổ chức SNV về tài chính nông thôn; và tổ chức ICRAF về nông lâm kết hợp, quản lý rừng dựa vào cộng đồng (CFM) và chi trả DVMTR.

30. 05 Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh (BQLDA cấp tỉnh) được thành lập theo và báo cáo trực tiếp cho UBND tỉnh tại mỗi tỉnh. Các BQLDA cấp tỉnh được lãnh đạo bởi một Giám đốc Dự án từng tỉnh. Đây là một vị trí toàn thời gian được bổ nhiệm từ ban lãnh đạo cấp sở. Các BQLDA cấp tỉnh bao gồm ba bộ phận kỹ thuật: (i) Quản lý Chiến lược bao gồm nhân viên chuyên trách lập kế hoạch và giám sát/đánh giá các hoạt động của dự án và các mảng xã hội (giới, thanh niên, DTTS) - môi trường và các hoạt động REDD+ và thích ứng BĐKH, (ii) Quản lý CSHT bao gồm một Kỹ sư có kinh nghiệm về xây dựng CSHT không gây mất rừng để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về MTXH và (iii) Quản lý Tài chính. Các UBND cấp huyện và cấp xã có trách nhiệm điều phối việc thực hiện dự án. Việc thực hiện dự án trên thực tế là trách nhiệm của các cơ quan tuyến huyện và xã và các tổ chức quần chúng (Hội ND; Hội PN; Đoàn TN).

31. Đội ngũ nhân sự của BQLDA cấp trung ương/cấp tỉnh và các bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật thuê ngoài sẽ hỗ trợ cho việc triển khai RECAF ở cấp huyện và xã. Việc triển khai dự án sẽ được lồng ghép vào các thể chế hiện có tại địa phương để đảm bảo quyền sở hữu, liên kết trực tiếp với các nhà hoạch định chính sách cấp cao hơn, tính bền vững, xây dựng năng lực địa phương và giảm chi phí quản lý.

Hình 2: Tổ chức thực hiện



32. **Kinh nghiệm thực hiện:** Bộ NN&PTNT và các tỉnh nhìn chung có nhiều kinh nghiệm trong việc triển khai các dự án quốc tế, trong đó có các dự án IFAD. Các nhóm hoạt động (về tài chính, MTXH và Giám sát & Đánh giá) thuộc hệ thống Bộ NN&PTNT đã được thiết lập ở cấp trung ương và cấp tỉnh và có đủ năng lực thực hiện dự án RECAF. Tuy nhiên, phần lớn hoạt động, bao gồm tất cả các hoạt động thực tế, sẽ được thực hiện ở cấp địa phương (tức là cấp huyện và xã) - nơi có năng lực thấp hơn. Vì vậy, để giảm thiểu những rủi ro này, dự án nên tuyển dụng và thuê hỗ trợ kỹ thuật từ Bộ NN&PTNT và các sở chuyên ngành (cấp tỉnh) liên quan để đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho các nhân sự có liên quan trong (và các cơ quan địa phương được cử tham gia bởi) UBND tỉnh theo hướng dẫn của Cố vấn Trưởng về MT&XH.

III. KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LÝ VÀ HÀNH CHÍNH

3.1 Luật và quy định trong nước

33. Việt Nam có các luật, quy định và chính sách liên quan đến việc thực hiện dự án và cụ thể hơn là thực hiện các hoạt động và biện pháp về MTXH. Tổng quan về các luật và quy định áp dụng cho dự án được cung cấp trong **Bảng 1** và các hướng dẫn kỹ thuật bổ sung được cung cấp sau đó. Để dễ tham khảo, các luật và quy định được nhóm lại dựa trên lĩnh vực/ngành (ví dụ: BVMT, lao động, v.v...), tránh lặp lại (tức là chỉ liệt kê một lần).

Bảng 1: Luật và quy định trong nước

Bảo vệ môi trường (BVMT)
2013 – Nghị định số 179/2013/NĐ-CP (ngày 14 tháng 11 năm 2013) quy định xử phạt hành chính về BVMT.
2014 – Luật BVMT (số 72/2020/QH14, ngày 17 tháng 11 năm 2020) nêu rõ các quy định của pháp luật về hoạt động BVMT; biện pháp, nguồn lực sử dụng cho mục đích BVMT; quyền, nghĩa vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức, HGD, cá nhân được giao nhiệm vụ BVMT.
2014 – Luật Xây dựng (Số 50/2014/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2014).
2015 – Luật An toàn, Vệ sinh Lao động (Số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015).
2017 – Luật Thủy lợi (Số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017).
2014 – Quyết định số 166/QĐ-TTg (ngày 21 tháng 01 năm 2014) về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
2015 – Nghị định số 03/2015/NĐ-CP (ngày 06 tháng 01 năm 2015) quy định về đánh giá thiệt hại về môi trường.
2015 – Nghị định số 18/2015/NĐ-CP (ngày 14 tháng 02 năm 2015) về (a) Quy hoạch BVMT; (b) ĐGMTCL; (c) Đánh giá tác động môi trường (ĐTM); và (d) Kế hoạch BVMT.
2015 – Nghị định số 19/2015/NĐ-CP (ngày 14 tháng 02 năm 2015) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.
2015 – Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT (ngày 31 tháng 12 năm 2019) về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (ngày 13 tháng 5 năm 2019) của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT và quy định về quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (về ĐGMTCL, ĐTM và kế hoạch BVMT).
2015 – Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT (ngày 24 tháng 7 năm 2015) về BVMT trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.
2015 – Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT (ngày 24 tháng 7 năm 2015) về BVMT trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.
2016 – Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT (ngày 24 tháng 6 năm 2016) quy định một số nội dung về ĐGMTCL, ĐTM thuộc phạm vi quản lý của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT.

- 2018 – Thông tư số 02/2018/TT-BXD (ngày 06 tháng 02 năm 2018) quy định về BVMT trong xây dựng và chế độ báo cáo.
- 2019 – Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (ngày 13 tháng 5 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019) điều chỉnh, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BVMT.

Lao động và Điều kiện làm việc

- 2002 – Quyết định 3733/2002/BYT (ngày 10 tháng 10 năm 2002), ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, năm nguyên tắc và bảy biện pháp vệ sinh lao động.
- 2006 – Luật Bình đẳng giới (Số 73/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 năm 2006).
- 2009 – Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg (ngày 17 tháng 11 năm 2009) phê duyệt Quy hoạch tổng thể đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
- 2010 – Luật Người khuyết tật (Số 51/2010/QH12, ngày 17 tháng 6 năm 2010).
- 2011 – Thông tư số 19/2011/TT-BYT (ngày 06 tháng 6 năm 2011) hướng dẫn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.
- 2019 – Bộ luật Lao động (Số 45/2019/QH14, ngày 20 tháng 11 năm 2019).
- 2013 – Luật Công đoàn (Số 12/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012).
- 2013 – Luật Việc làm (Số 38/2013/QH13, ngày 16 tháng 11 năm 2013).
- 2013 – Luật Đấu thầu (Số 43/2013/QH13) ngày 26 tháng 11 năm 2013.
- 2013 – Nghị định số 43/2013/NĐ-CP (ngày 10 tháng 5 năm 2013) hướng dẫn chi tiết thi hành Điều 10 Luật Công đoàn, quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của Công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động (Tiếng Việt).
- 2013 – Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBWH (ngày 10 tháng 6 năm 2013) Ban hành danh mục công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người chưa thành niên làm việc.
- 2013 – Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH (ngày 11 tháng 6 năm 2013) quy định danh mục công việc nhẹ mà người lao động dưới 15 tuổi được làm (Tiếng Việt).
- 2013 – Thông tư số 26/2013/TT-BLĐTBXH (ngày 18 tháng 10 năm 2013) quy định danh mục nghề không được sử dụng lao động nữ.
- 2015 – Nghị định số 04/2015/NĐ-CP (ngày 09 tháng 01 năm 2015) về việc thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
- 2015 – Nghị định số 05/2015/NĐ-CP (ngày 12 tháng 01 năm 2015) quy định và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động năm 2012.
- 2015 – Luật An toàn, vệ sinh lao động (Số 84/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015).
- 2015 – Bộ quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc (ngày 25 tháng 5 năm 2015)

Quy định về ô nhiễm, nước thải, tài nguyên, sử dụng và nhập khẩu thuốc trừ sâu/phân bón

- 2013 – Nghị định số 25/2013/NĐ-CP (ngày 29 tháng 3 năm 2013) về phí BVMT đối với nước thải.
- 2015 – Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (ngày 24 tháng 4 năm 2015) về quản lý chất thải và phế liệu.
- 2007 – Luật Hóa chất (Số 6/2007/QH12, ngày 21 tháng 11 năm 2007).

- 2007 – Nghị định số 174/2007/NĐ-CP (ngày 29 tháng 11 năm 2007) về phí BVMT đối với chất thải rắn;
- 2007 – Thông tư số 13/2007/TT-BXD (ngày 31 tháng 12 năm 2007) hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP (ngày 09/4/2007) của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- 2009 – Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 (Đã phê duyệt theo Quyết định 1419/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2009).
- 2010 – Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Số 50/2010/QH12, ngày 17 tháng 6 năm 2010).
- 2010 – Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Số 44/2013/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2013).
- 2010 – Luật Thuế BVMT (Số 57/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010).
- 2012 – Luật Tài nguyên nước (số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012) quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng ngừa, đấu tranh và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.
- 2013 – Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (ngày 27 tháng 11 năm 2013) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
- 2013 – Nghị định số 25/2013/NĐ-CP (ngày 29 tháng 3 năm 2013) về phí BVMT đối với nước thải
- 2014 – Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 quy định về thoát nước và xử lý nước thải.
- 2014 – Nghị định số 21/2011/NĐ-CP (ngày 29 tháng 3 năm 2011) quy định chi tiết Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các biện pháp thi hành.
- 2015 – Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT (ngày 30 tháng 6 năm 2015) về quản lý chất thải nguy hại.
- 2015 – Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT (ngày 30 tháng 6 năm 2015) quy định về BVMT khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- 2015 – Luật Tài nguyên và Môi trường biển và hải đảo (Số 82/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015).
- 2015 – Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải, phế liệu và vật liệu thải bỏ.
- 2015 – Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT (ngày 08 tháng 06 năm 2015) về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- 2015 – Nghị định 54/2015/NĐ-CP về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.
- 2016 – Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT (ngày 14 tháng 10 năm 2016) quy định về BVMT đối với cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề, cơ sở sản xuất, thương mại, dịch vụ.
- 2016 – Nghị định số 154/2016/NĐ-CP (ngày 16 tháng 11 năm 2016) về phí BVMT đối với nước thải.
- 2017 – Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (ngày 09 tháng 10 năm 2017) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Sức khỏe và An toàn cho cộng đồng

- 2002 – Nghị định số 71/2002/NĐ-CP (ngày 23 tháng 7 năm 2002) quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp khi xảy ra thiên tai lớn, dịch bệnh nguy hiểm.
- 2006 – Luật Phòng, chống HIV/AIDS (Số 64/2006/QH11, ngày 29 tháng 6 năm 2006).
- 2007 – Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Số 02/2007/QH12, ngày 21 tháng 11 năm 2007).
- 2007 – Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm (Số 03/2007/QH12, ngày 21 tháng 11 năm 2007).
- 2007 - Luật Chất lượng hàng hóa (ngày 11 tháng 11 năm 2007)
- 2008 – Luật Giao thông đường bộ (Số 23/2008/QH12, ngày 13 tháng 11 năm 2008).
- 2010 – Luật An toàn Thực phẩm (Số 55/QH12/2010, ngày 17 tháng 6 năm 2010).
- 2013 – Luật Phòng, chống thiên tai (số 33/2013/QH13, ngày 19 tháng 6 năm 2013) quy định về hoạt động phòng, chống thiên tai; quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, HGĐ, cá nhân tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai; quy định chi tiết về quản lý nhà nước và bảo đảm nguồn lực phòng, chống thiên tai.
- 2014 – Luật Công an Nhân dân (số 73/2014/QH13, ngày 27 tháng 11 năm 2014), trong đó có quy định về bảo vệ công trình của Nhà nước theo Điều 15.
- 2015 – Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (ngày 12 tháng 5 năm 2015) về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- 2015 – Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (ngày 23 tháng 9 năm 2015) hướng dẫn về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- 2016 – Nghị định số 96/2016/NĐ-CP (ngày 01 tháng 7 năm 2016) quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
- 2018 – Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (ngày 02 tháng 02 năm 2018) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Nghị định này thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP (ngày 25 tháng 04 năm 2012) trước đây quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- 2018 – Nghị định số 114/2018/NĐ-CP (ngày 04 tháng 9 năm 2018) về quản lý an toàn đập và hồ chứa nước (tiếng Việt).

Quy trình dân chủ, sự tham gia của người dân, khiếu nại, sử dụng đất đai và tái định cư

- 2007 – Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 về việc thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn (ngày 20 tháng 4 năm 2007). Pháp lệnh này thay thế Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2003 ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, thay thế Nghị định số 29/1998 về dân chủ cơ sở ở xã.
- 2011 – Luật Khiếu nại (Số 02/2011/QH13, ngày 11 tháng 11 năm 2011).
- 2011 – Luật Tố cáo (Số 03/2011/QH13, ngày 11 tháng 11 năm 2011).
- 2012 – Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg (ngày 16 tháng 11 năm 2012) về chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo nghề cho người nông dân bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp.
- 2013 – Luật tiếp công dân (Số 42/2013/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2013).
- 2013 – Nghị định số 60/2013/NĐ-CP (ngày 19 tháng 6 năm 2013) quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 Bộ luật Lao động về Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại nơi làm việc (Tiếng Việt).
- 2013 – Hiến pháp Việt Nam.
- 2013 – Luật Đất đai (số 45/2013/QH13, ngày 29 tháng 11 năm 2013) quy định về chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn, trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai

và thống nhất quản lý đất đai, chế độ quản lý, sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với đất đai trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

- 2014 – Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (ngày 15 tháng 5 năm 2014) hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Đất đai (tiếng Việt).
- 2014 – Nghị định số 44/2014/NĐ-CP (ngày 15 tháng 5 năm 2014) quy định phương pháp định giá đất; điều chỉnh khung giá đất, bảng giá đất; định giá đất cụ thể và hoạt động tư vấn xác định giá đất (tiếng Việt).
- 2014 – Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT (ngày 02 tháng 6 năm 2014) quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
- 2014 – Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (ngày 15 tháng 5 năm 2014) hướng dẫn chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Việt Nam).
- 2014 – Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về khung giá đất.
- 2014 – Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT (ngày 30 tháng 6 năm 2014) quy định về phương pháp định giá đất, định giá xây dựng, điều chỉnh giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất.
- 2014 – Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT (ngày 30 tháng 6 năm 2014) quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (tiếng Việt).
- 2014 – Luật phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật (Số 14/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012).
- 2014 – Nghị định số 64/2014/NĐ-CP (ngày 26 tháng 6 năm 2014) hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.
- 2015 – Nghị định số 04/2015/NĐ-CP (ngày 09 tháng 01 năm 2015) về việc thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
- 2015 – Bộ luật Dân sự (Số 91/2015/QH13, ngày 24 tháng 11 năm 2015).
- 2016 – Luật Tiếp cận thông tin (Số 104/2016/QH13, ngày 06 tháng 04 năm 2016).
- 2017 – Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (ngày 06 tháng 01 năm 2017) sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- 2018 – Nghị định số 13/2018/NĐ-CP (ngày 23 tháng 01 năm 2018) quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin (Tiếng Việt).

Đa dạng sinh học (ĐDSH) và quản lý tài nguyên thiên nhiên

- 2017 – Luật Lâm nghiệp (số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017) quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; quyền và nghĩa vụ của chủ rừng.
- 2008 – Luật ĐDSH (số 20/2008/QH12, ngày 13 tháng 11 năm 2008) quy định về bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, HGD, cá nhân trong bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH.
- 2010 – Nghị định số 65/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ĐDSH, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ĐDSH về quy hoạch bảo tồn ĐDSH, khu bảo tồn, bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen.
- 2013 – Quyết định số 1250/QĐ-TTg (ngày 31 tháng 7 năm 2013) về Chiến lược ĐDSH quốc gia đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó xác định một số chương trình, dự án ưu tiên nhằm bảo tồn ĐDSH của Việt Nam.

- 2013 – Thông tư liên tịch số 23/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT quy định tiêu chuẩn xác định loài ngoại lai xâm hại
- 2014 – Quyết định số 45/QĐ-TTg (ngày 08 tháng 01 năm 2014) về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH toàn quốc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- 2015 – Quyết định 1107/QĐ-BTNMT về danh mục khu bảo tồn.
- 2017 – Luật Lâm nghiệp (Số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017).

Dân tộc thiểu số (DTTS)

- 2002 – Quyết định số 132/2002/QG-TTg (ngày 08 tháng 10 năm 2002) của Thủ tướng Chính phủ về việc phân phối lại đất sản xuất và đất ở cho đồng bào DTTS Tây Nguyên.
- 2005 – Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg (ngày 23 tháng 11 năm 2005) về việc thí điểm giao rừng và khoán bảo vệ rừng cho HGD, cộng đồng DTTS tại các thôn, bản thuộc các tỉnh Tây Nguyên.
- 2010 – Nghị định số 82/2010/NĐ-CP (ngày 15 tháng 7 năm 2010) về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên (tiếng Việt).
- 2011 – Thông tư số 02/2011/TT-UBND (ngày 15 tháng 7 năm 2011) quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban Dân tộc (tiếng Việt).
- 2011 – Nghị định số 05/2011/NĐ-CP (ngày 14 tháng 01 năm 2011) về công tác DTTS.
- 2012 – Thông tư liên tịch số 01/2012 TTLT-BTP-CEM (ngày 17 tháng 01 năm 2012) của Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn và trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS (tiếng Việt).
- 2012 – Quyết định số 449/QĐ-TTg (ngày 12 tháng 3 năm 2012) phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.
- 2013 – Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NN&PTNT-MPI-TC-XD (ngày 18 tháng 11 năm 2013) hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư CSHT, phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, thôn đặc biệt khó khăn (tiếng Việt).
- 2015 – Nghị định số 39/2015/NĐ-CP (ngày 27 tháng 4 năm 2015) về chính sách hỗ trợ đối với phụ nữ DTTS và phụ nữ nghèo
- 2016 – Quyết định số 38/QĐ-UBND (ngày 29 tháng 01 năm 2016) về Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Ủy ban Dân tộc (Việt Nam).

Di sản văn hóa

- 2013 – Luật Di sản văn hóa (Số 10/VBHN-VPQH ngày 23 tháng 7 năm 2013).
- 2010 – Nghị định số 98/2010/NĐ-CP (ngày 21 tháng 9 năm 2010) hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Di sản văn hóa sửa đổi.
- 2012 – Nghị định 70/2012/NĐ-CP (ngày 18 tháng 9 năm 2012), quy định thẩm quyền, trình tự, quy trình, phê duyệt quy hoạch tổng thể, dự án bảo tồn, phục hồi, tôn tạo di sản văn hóa lịch sử, danh lam thắng cảnh). Nghị định bảo vệ di sản văn hóa được Nhà nước công nhận cũng như các “cơ sở tín ngưỡng” của cộng đồng bao gồm núi thiêng, sông ngòi và các vùng đất khác do người dân địa phương bảo vệ cho mục đích thực hiện các nghi lễ văn hóa truyền thống, bao gồm cả nghi lễ của cộng đồng DTTS.
- 2013 – Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hóa (Số 10/VBHN-VPQH, ngày 23 tháng 7 năm 2013).

- 2013 – Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT (ngày 30 tháng 12 năm 2013) hướng dẫn về BVMT đối với hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội và bảo vệ, phát huy giá trị di sản.
- 2016 – Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (Số 02/2016/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2016).

LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ GIAO THOA

- 2006 – Luật Bình đẳng giới (Số 73/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 năm 2006) hiện đang được cập nhật. Hội Liên hiệp Phụ nữ duy trì mạng lưới mạnh mẽ xuống đến cấp xã, trong khi Vụ Bình đẳng giới thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội có vai trò điều phối giữa tất cả các bộ để thúc đẩy lồng ghép giới.
- 2020 – Luật Cư trú (Số: 68/2020/QH14, ngày 12 tháng 11 năm 2020).
- 2018 – Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Số 31/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018)
- 2008 – Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới (Tiếng Việt).
- 2011 – Quyết định số 2139/QĐ-TTg (ngày 5 tháng 12 năm 2011) phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH.
- 2012 – Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.
- 2012 – Thông tư số 45/2012/TT-BCT (ngày 28 tháng 12 năm 2012) quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- 2013 – Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Số 36/2013/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2013).
- 2014 – Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.
- 2014 – Thông tư số 35/2014/TT-BCA (ngày 09 tháng 9 năm 2014) hướng dẫn Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Cư trú.
- 2014 – Luật Hôn nhân và Gia đình (số 52/2014/QH13, ngày 19 tháng 6 năm 2014), trong đó nêu rõ nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng, không phân biệt đối xử giữa con cái, khẳng định vợ và chồng có thể đại diện cho nhau trong mọi giao dịch. Luật cũng quy định rõ quyền của phụ nữ trong quan hệ chung sống như vợ chồng mà không kết hôn.
- 2014 – Quyết định số 403/QĐ-TTg (ngày 20 tháng 3 năm 2014) phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020.
- 2014 – Luật Đầu tư (số 67/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014) quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh ra nước ngoài từ Việt Nam.
- 2014 – Luật Đầu tư công (Số 49/2014/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2014) quy định về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; quản lý nhà nước về đầu tư công; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư công.
- 2014 – Luật Xây dựng (Số 50/2014/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2014).
- 2017 – Luật Quy hoạch (Số 21.2017.QH14, ngày 24 tháng 11 năm 2017).
- 2020 – Nghị định số 41/2020/NĐ-CP (ngày 08 tháng 04 năm 2020) về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Nghị định này được ban hành theo Luật Quản lý thuế (năm 2006) và áp dụng đối với một số doanh nghiệp bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất và chế

biến thực phẩm, chế biến và sản xuất gỗ, gia công cơ khí, đồ gỗ, xây dựng, vận tải, giáo dục và đào tạo, bất động sản, dịch vụ lao động và việc làm, đại lý lữ hành, kinh doanh lữ hành, hoạt động giải trí, phim ảnh, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngân hàng, v.v... Đối với những doanh nghiệp được chỉ định, Thuế giá trị gia tăng (VAT) và Thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được gia hạn thêm năm tháng. Đối với cá nhân và hộ kinh doanh, thời hạn nộp Thuế giá trị gia tăng (VAT) và Thuế thu nhập cá nhân được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tiền thuê đất cũng được hoãn lại trong năm tháng đối với những doanh nghiệp thuê đất trực tiếp từ Nhà nước.

34. Ngoài các luật và quy định nêu trên, các hướng dẫn kỹ thuật sau đây liên quan đến chất lượng môi trường cần được tuân thủ trong quá trình đánh giá các tác động tiềm ẩn và trong suốt quá trình thực hiện dự án:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp;
- QCVN 38:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt phục vụ bảo vệ đời sống thủy sinh;
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm;
- QCVN 43:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích trong vùng nước ngọt;
- QCVN 15:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất;
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- QCVN 03:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất;
- QCVN 05:2013: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 06:2008: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất độc hại trong không khí xung quanh;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; và
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

35. **Luật liên quan đến DTTS và bình đẳng giới:** Một bản phân tích sâu về luật liên quan đến các nhóm DTTS và bình đẳng giới/quyền của phụ nữ có sẵn trong Kế hoạch dành cho người DTTS và Kế hoạch Hành động và Đánh giá Giới. Để ngắn gọn, các luật đó không được đề cập chi tiết trong ESMF này và những người đánh giá dự án, người thực hiện và người quản lý dự án nên tham khảo trực tiếp các tài liệu đó để biết thêm thông tin.

36. **Luật và quy định luôn thay đổi:** Những luật, quy định và hướng dẫn này (v.v...) có thể thay đổi theo thời gian trong suốt dự án. Trong trường hợp có thay đổi, ví dụ thông qua sửa đổi hoặc luật/ quy định/ hướng dẫn/ v.v... mới hơn bãi bỏ một trong những luật/quy định/hướng dẫn đã liệt kê trước đó, dự án phải tuân thủ luật mới nhất.

3.2 Áp dụng Tiêu chuẩn/Quy trình Rủi ro Môi trường, Xã hội và Khí hậu của IFAD và GCF

37. Dựa trên Quy trình Đánh giá Xã hội, Môi trường và Khí hậu (SECAP) của IFAD và Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội (ESS) của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF), các tài liệu sau đây đã được chuẩn bị: (i) ESMF bao gồm các cân nhắc về khí hậu; (ii) Kế hoạch dành cho người DTTS (IPP); (iii) Kế

hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP); và (iv) Đánh giá và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới (GAP). Các tài liệu đã được công khai trước khi thực hiện dự án và có sự phê duyệt của ban để đảm bảo tuân thủ Tu chính án Pelosi¹¹, được coi là thực hành tốt nhất, ngay cả khi dự án không có rủi ro cao hoặc rủi ro đáng kể (mức độ rủi ro chỉ ở mức trung bình) và các tài liệu đều đáp ứng các tiêu chuẩn MTXH được mô tả dưới đây.

Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội (ESS) Có liên quan đến Dự án

38. Việc áp dụng các chính sách đánh giá môi trường tại Việt Nam, cũng như nhiều nỗ lực khác nhau hướng đến việc hài hòa hóa chính sách giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ, đã dần thu hẹp khoảng trống giữa hệ thống quốc gia và các chính sách của IFAD và GCF. IFAD và GCF đều quy định rằng các dự án do IFAD và GCF tài trợ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về MTXH của IFAD và GCF, được thiết kế để tránh, giảm thiểu, giảm bớt hoặc làm giảm nhẹ các rủi ro và tác động bất lợi về MTXH của các dự án. Các tiêu chuẩn này bao gồm (được trình bày ở đây theo thứ tự mà IFAD sử dụng):

- Tiêu chuẩn 1: Bảo tồn ĐDSH;
- Tiêu chuẩn 2: Hiệu quả sử dụng tài nguyên và phòng ngừa ô nhiễm;
- Tiêu chuẩn 3: Di sản văn hóa
- Tiêu chuẩn 4: Người DTTS
- Tiêu chuẩn 5: Lao động và Điều kiện làm việc
- Tiêu chuẩn 6: Sức khỏe và An toàn cho cộng đồng;
- Tiêu chuẩn 7: Tái định cư về mặt vật chất và kinh tế;
- Tiêu chuẩn 8: Trung gian tài chính và đầu tư trực tiếp;
- Tiêu chuẩn 9: Biến đổi khí hậu

39. Không được liệt kê rõ ràng là một tiêu chuẩn, nhưng sự tham gia của các bên liên quan được coi là một phần quan trọng của quá trình thiết kế và thực hiện dự án. Các điều khoản để đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa được đề cập trong Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP); các phản hồi ban đầu và sự tham gia đã được đưa vào thiết kế dự án RECAF.

40. Phạm vi và tính phù hợp của các tiêu chuẩn MTXH được trình bày chi tiết trong Bảng 2.

Bảng 2: Phạm vi và sự liên quan của các tiêu chuẩn MTXH đối với dự án RECAF

Tiêu chuẩn MTXH	Phạm vi & sự liên quan đến Dự án RECAF
Tiêu chuẩn 1: Bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH)	<p>Phạm vi: Theo Công ước về ĐDSH (CBD), tiêu chuẩn này thừa nhận rằng ĐDSH không chỉ bao gồm thực vật, động vật và vi sinh vật mà còn bao gồm con người và nhu cầu của họ về an ninh lương thực, thuốc men, không khí và nước sạch, nơi trú ẩn và môi trường sạch sẽ và lành mạnh. Các mục tiêu chính bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Duy trì và bảo tồn ĐDSH ● Đảm bảo chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc sử dụng tài nguyên chung; ● Tôn trọng, bảo tồn, duy trì và khuyến khích kiến thức, sáng kiến và thực hành của người DTTS và cộng đồng địa phương có liên quan đến việc bảo tồn và sử dụng bền vững

¹¹Tu chính án Pelosi năm 1989 yêu cầu phải công bố tác động môi trường ít nhất 120 ngày trước khi hội đồng phê duyệt các dự án có rủi ro cao và rủi ro đáng kể (URL: <https://www.gao.gov/archive/2000/ns00192.pdf>)

Tiêu chuẩn MTXH	Phạm vi & sự liên quan đến Dự án RECAF
	<p>ĐDSH, cũng như việc sử dụng tài nguyên sinh học theo thông lệ của họ; và</p> <ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng biện pháp phòng ngừa trong bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên để đảm bảo cơ hội phát triển bền vững về mặt môi trường. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan vì dự án hoạt động trong các khu vực rừng được bảo vệ và nhằm mục đích hỗ trợ quản lý rừng được cải thiện cùng với việc thanh toán cho các dịch vụ hệ sinh thái. Việc sử dụng đất sau khi phân bổ trước đây đã dẫn đến mất mát/suy thoái thêm môi trường sống, độ che phủ rừng và/hoặc đất, khiến một số khu vực nhạy cảm hơn với môi trường và/hoặc dễ bị thiên tai. Dự án nhằm mục đích giải quyết các vấn đề này.</p>
<p>Tiêu chuẩn 2: Hiệu quả sử dụng tài nguyên và phòng ngừa ô nhiễm</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này thừa nhận rằng hoạt động kinh tế và phát triển thường có thể gây ô nhiễm không khí, nước và đất. Chúng cũng có thể dẫn đến việc tiêu thụ các nguồn tài nguyên hữu hạn, từ đó có thể đe dọa con người, các dịch vụ hệ sinh thái và môi trường. Tiêu chuẩn này ủng hộ cách tiếp cận phòng ngừa với các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tránh, giảm thiểu và quản lý các rủi ro và tác động liên quan đến các chất và vật liệu nguy hiểm, bao gồm thuốc trừ sâu; • Tránh hoặc giảm thiểu phát thải các chất gây ô nhiễm khí hậu tồn tại trong thời gian ngắn và dài liên quan đến dự án; • Thúc đẩy việc sử dụng bền vững hơn các nguồn tài nguyên, bao gồm năng lượng, đất đai và nước; và • Xác định cơ hội để cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan vì một số hoạt động dự án liên quan đến xây dựng và/hoặc nông lâm kết hợp và hoạt động sản xuất chuỗi giá trị không gây mất rừng theo Hợp phần 2 sẽ dẫn đến phát sinh chất thải và/hoặc sử dụng thuốc trừ sâu và vật tư đầu vào nông nghiệp.</p>
<p>Tiêu chuẩn 3: Di sản văn hóa</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này thừa nhận rằng di sản văn hóa là trung tâm của bản sắc và ký ức cá nhân và tập thể, mang lại sự liên tục giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Các mục tiêu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bảo tồn và bảo vệ di sản văn hóa; • Đảm bảo thực hiện các nỗ lực tích cực để ngăn chặn các dự án do IFAD hỗ trợ làm thay đổi, làm hỏng hoặc xóa bỏ bất kỳ di sản văn hóa hữu hình hoặc phi vật thể nào; • Thúc đẩy việc chia sẻ công bằng lợi ích từ việc sử dụng di sản văn hóa; và • Thúc đẩy tham vấn có ý nghĩa về các vấn đề liên quan đến di sản văn hóa. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan đến các hoạt động xây dựng có thể dẫn đến việc tìm thấy các đồ vật hoặc hiện vật liên quan</p>

Tiêu chuẩn MTXH	Phạm vi & sự liên quan đến Dự án RECAF
	đến di sản văn hóa và/hoặc có thể tạm thời làm gián đoạn việc tiếp cận các địa điểm di sản văn hóa.
<p>Tiêu chuẩn 4: Người DTTS</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này tập trung vào quyền của người DTTS và thúc đẩy các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ người DTTS xác định các ưu tiên và chiến lược để thực hiện quyền phát triển của họ; • Đảm bảo rằng mỗi dự án được thiết kế dựa trên sự hợp tác với người DTTS và có sự tham vấn đầy đủ, hiệu quả và có ý nghĩa, hướng tới FPIC; • Đảm bảo rằng người DTTS có được các lợi ích và cơ hội công bằng và bình đẳng từ các hoạt động do dự án hỗ trợ theo cách phù hợp với văn hóa và toàn diện; và • Công nhận và tôn trọng quyền của người DTTS đối với đất đai, lãnh thổ, nguồn nước và các nguồn tài nguyên khác mà họ thường sở hữu, sử dụng hoặc dựa vào. <p>Sự liên quan: Mục tiêu của dự án là 40% người thụ hưởng là người DTTS và có tỷ lệ người DTTS cao trong địa bàn dự án, do đó tiêu chuẩn này có liên quan và yêu cầu phải lập Kế hoạch dành cho người DTTS (bao gồm các cân nhắc về FPIC).</p>
<p>Tiêu chuẩn 5: Lao động và Điều kiện làm việc</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này tập trung vào việc thúc đẩy nền kinh tế nông thôn toàn diện, đa dạng và năng suất, tạo ra cơ hội cho công việc bền vững và thu nhập cao hơn. Mục tiêu của tiêu chuẩn này là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tăng cường hành động trực tiếp để thúc đẩy việc làm bền vững ở nông thôn; • Thúc đẩy, tôn trọng và thực hiện các nguyên tắc và các quyền cơ bản bằng cách: <ul style="list-style-type: none"> ○ Ngăn ngừa phân biệt đối xử và thúc đẩy cơ hội bình đẳng cho người lao động; ○ Hỗ trợ quyền tự do lập hội và quyền thương lượng tập thể; và ○ Ngăn ngừa việc sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức; • Bảo vệ và thúc đẩy sự an toàn và sức khỏe của người lao động; • Đảm bảo các dự án tuân thủ luật lao động và việc làm quốc gia và các cam kết quốc tế; • Không bỏ lại ai phía sau bằng cách bảo vệ và hỗ trợ những người lao động trong hoàn cảnh khó khăn và dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ (ví dụ: chế độ thai sản), lao động trẻ tuổi, lao động di cư, lao động trong nền kinh tế phi chính thức và người lao động là người khuyết tật. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan đến các hoạt động xây dựng quy mô nhỏ được mong đợi là một phần của dự án theo Hợp phần 2 (CSHT chống chịu với khí hậu để hỗ trợ quản lý rừng). Người lao động trong khuôn khổ dự án phải được bảo vệ khỏi lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử dựa trên dân tộc, làm thêm giờ và điều kiện làm việc không đảm bảo.</p>

Tiêu chuẩn MTXH	Phạm vi & sự liên quan đến Dự án RECAF
<p>Tiêu chuẩn 6: Sức khỏe và An toàn cho cộng đồng</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này nhấn mạnh việc tránh - và khi không thể tránh được, giảm thiểu và làm dịu - các rủi ro và tác động liên quan đến sức khỏe và an toàn có thể phát sinh từ các dự án do IFAD hỗ trợ, đặc biệt chú ý đến các nhóm thiệt thòi và yếu thế. Các mục tiêu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo chất lượng và an toàn trong thiết kế và xây dựng CSHT, ngăn ngừa và giảm thiểu các rủi ro và tai nạn tiềm ẩn; • Tránh hoặc giảm thiểu sự tiếp xúc của cộng đồng với rủi ro thiên tai, bệnh tật và vật liệu nguy hiểm liên quan đến các hoạt động của dự án; • Đảm bảo rằng việc bảo vệ người lao động và tài sản sẽ giúp giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng và được thực hiện theo các tiêu chuẩn và nguyên tắc nhân quyền quốc tế; và • Áp dụng các biện pháp hiệu quả để giải quyết các tình huống khẩn cấp, dù là do con người hay thiên tai. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan do các công trình xây dựng dự kiến có liên quan đến rủi ro về sức khỏe và an toàn, cũng như các rủi ro vốn có liên quan đến việc tăng sản lượng (ví dụ: sử dụng quá nhiều hóa chất và thuốc trừ sâu trong sản xuất).</p>
<p>Tiêu chuẩn 7: Tái định cư về mặt vật lý và kinh tế</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này không chỉ coi tái định cư là sự di dời vật lý của người dân mà còn là sự di dời về mặt kinh tế, xã hội và văn hóa, hạn chế khả năng tiếp cận của người dân đối với sinh kế và các địa điểm quan trọng về mặt văn hóa. Mục tiêu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tránh tái định cư bắt buộc, hoặc khi không thể tránh khỏi, giảm thiểu tái định cư bắt buộc bằng cách tìm hiểu các thiết kế dự án và địa điểm thay thế; • Tránh di dời cưỡng chế; • Đảm bảo các hoạt động tái định cư được lên kế hoạch và thực hiện với sự tham gia có ý nghĩa của những người bị ảnh hưởng; • Cải thiện và khôi phục sinh kế của tất cả những người dân phải di dời; và • Cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho người đi vay/người nhận/đối tác về các điều kiện cần đáp ứng liên quan đến tái định cư bắt buộc. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan khi có sự gián đoạn tạm thời do các hoạt động xây dựng và/hoặc việc tự nguyện hiến đất cho các công trình xây dựng nhỏ (ví dụ như hoạt động làm đường, v.v...).</p>
<p>Tiêu chuẩn 8: Các trung gian tài chính và đầu tư trực tiếp</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này công nhận rằng đầu tư vào các tổ chức tài chính (đầu tư gián tiếp) và các công ty tư nhân (đầu tư trực tiếp) là rất quan trọng để thúc đẩy thị trường tài chính bền vững và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp nông</p>

Tiêu chuẩn MTXH	Phạm vi & sự liên quan đến Dự án RECAF
	<p>ngiệp và các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa ở nông thôn. Mục tiêu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thúc đẩy các hoạt động thực hành lành mạnh về môi trường, xã hội và khí hậu, cũng như quản lý nguồn nhân lực lành mạnh với các tổ chức tài chính và các bên đầu tư trực tiếp; • Đảm bảo rằng các tổ chức tài chính và các bên đầu tư trực tiếp đánh giá và quản lý mọi rủi ro và tác động về MTXH của kế hoạch xây dựng CSHT; và • Thúc đẩy các hoạt động quản lý MTXH tốt của các bên đầu tư trực tiếp và trong kế hoạch xây dựng CSHT được cấp vốn bởi các tổ chức tài chính. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này không liên quan vì dự án sẽ không sử dụng các tổ chức tài chính và đầu tư trực tiếp vào các công ty tư nhân.</p>
<p>Tiêu chuẩn 9: Biến đổi khí hậu</p>	<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn này tập trung vào việc xem xét, lập kế hoạch và ứng phó tích cực với những thay đổi khí hậu dự kiến. Mục tiêu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo sự liên kết của các dự án do IFAD hỗ trợ với Đóng góp do quốc gia tự quyết định của các quốc gia và các mục tiêu của Thỏa thuận Paris và các khung pháp lý quốc tế khác; • Đảm bảo rằng các hoạt động được đề xuất được sàng lọc và đánh giá về rủi ro và tác động của BĐKH và thảm họa, bao gồm cả tác động của dự án và tác động của chúng; • Áp dụng hệ thống phân cấp giảm thiểu trong thiết kế dự án; • Tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng để giải quyết rủi ro do tác động của BĐKH và các thảm họa liên quan đến khí hậu; và • Tăng khả năng thích ứng của cộng đồng với những tác động tiêu cực của BĐKH và thúc đẩy khả năng phục hồi trước BĐKH cũng như các dự án phát thải khí nhà kính thấp không đe dọa đến sản xuất lương thực. <p>Sự liên quan: Tiêu chuẩn này có liên quan trực tiếp đến dự án do dự án tập trung vào giảm thiểu và thích ứng với BĐKH, cũng như bản chất dễ bị tổn thương của Việt Nam trước BĐKH. Phân loại rủi ro khí hậu đối với RECAF được đánh giá là trung bình. Chi tiết về các dự báo khí hậu cho địa bàn dự án có trong các báo cáo cơ sở và Chương IV của ESMF này. Theo Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP), các tỉnh mà RECAF nhắm tới thuộc về hai khu vực (Tây Nguyên và Vùng ven biển Nam Bộ) đã phải chịu những rủi ro khí hậu tương tự bao gồm nhiệt độ tăng, ngày nóng tăng và ngày lạnh giảm, mưa thất thường. Những điều này gây ra nhiều hậu quả khác nhau bao gồm hạn hán, lũ quét và xâm nhập mặn (ở tỉnh Ninh Thuận). Dự án được thiết kế cụ thể để giải quyết các rủi ro khí hậu, cụ thể là dự án này cũng được coi là dự án do GCF tài trợ. RECAF áp dụng các chiến lược sẽ mang lại lợi ích phát triển và bền vững cho nhu cầu thực tế tại thời điểm triển khai, tùy thuộc vào các kịch bản BĐKH chính xác.</p>

Tiêu chuẩn MTXH	Phạm vi & sự liên quan đến Dự án RECAF
	<p>Có nhiều kiến thức địa phương và truyền thống đáng kể liên quan đến thích ứng và giảm thiểu rủi ro khí hậu trong sản xuất nông nghiệp và hệ thống bảo vệ lâm nghiệp tại Việt Nam. Tuy nhiên, kiến thức này chưa được tận dụng hiệu quả cho phát triển nông thôn bền vững. Do đó, các rủi ro khí hậu trước mắt và trung hạn có thể quản lý được và sẽ được giải quyết thông qua khoản đầu tư đáng kể vào việc lồng ghép thích ứng và giảm thiểu BĐKH vào các hoạt động của dự án. RECAF áp dụng phương pháp tiếp cận cảnh quan rộng hơn để tính đến mối quan hệ phức tạp giữa sử dụng nông nghiệp, bảo vệ rừng và giảm nghèo. Dự án hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng không gây mất rừng cho các mặt hàng nông sản chính (ví dụ như cà phê, cao su). Điều này bao gồm các biện pháp canh tác nông nghiệp tốt hơn và năng lực quản trị và quản lý rừng được cải thiện, đồng thời hỗ trợ chính phủ vượt qua các rào cản để huy động REDD+ và DVMTR nhằm khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân vào chuỗi cung ứng nông nghiệp không gây mất rừng và hỗ trợ các biện pháp quản lý rừng bền vững ở cấp địa phương.</p>

3.3 Phân tích khoảng trống và các biện pháp lấp đầy khoảng trống

41. IFAD phân loại các dự án và chương trình CSHT thành một trong bốn loại: rủi ro cao, rủi ro đáng kể, rủi ro trung bình hoặc rủi ro thấp và công bố phân loại rủi ro của dự án và cơ sở cho phân loại đó trong các tài liệu dự án và trên trang web của IFAD. GCF phân loại các dự án và chương trình CSHT thành một trong ba loại: rủi ro cao, rủi ro trung bình hoặc rủi ro thấp, tuy nhiên GCF chấp nhận các tiêu chuẩn và phân loại rủi ro của các Thực thể được công nhận, như IFAD, do đó đối với dự án này (và để đơn giản hóa việc phê duyệt cho các hoạt động do IFAD tài trợ), ESMF sử dụng các phân loại của IFAD.

42. Dựa trên các đánh giá quốc gia hiện có, WB đã tiến hành Đánh giá Khung Hệ thống Quốc gia đầy đủ (tập trung vào các Biện pháp Bảo vệ) cho Việt Nam vào cuối năm 2018/đầu năm 2019 và có liên quan đến việc đánh giá các khoảng trống và các biện pháp lấp đầy khoảng trống cũng như cho dự án do IFAD và GCF tài trợ này. Đánh giá đã xác định những khoảng trống chính giữa hệ thống pháp luật của quốc gia và các tiêu chuẩn MTXH được quốc tế công nhận (ví dụ: IFC, WB, IFAD) và các nhu cầu ưu tiên để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các ESS. Kết luận là Việt Nam có một khung pháp lý toàn diện, trong nhiều trường hợp đáp ứng các yêu cầu của các Tiêu chuẩn MTXH và các vấn đề chính liên quan nhiều hơn đến việc thực hiện và năng lực khác biệt giữa BQLDA cấp trung ương, BQLDA cấp tỉnh, và các tỉnh. Có những cơ hội để đẩy nhanh việc thực hiện các cải tiến gần đây trong hệ thống quốc gia, đặc biệt là về lao động, an toàn cộng đồng và sự tham gia của các bên liên quan.

43. Dựa trên xếp hạng rủi ro trung bình của dự án đối với các cân nhắc về môi trường, xã hội và khí hậu, các quy định quốc gia là đủ cho hầu hết các khoản đầu tư, trong khi các biện pháp lấp đầy khoảng trống bổ sung sẽ được sử dụng nếu một tiểu dự án yêu cầu chuẩn bị Đánh giá tác động MTXH (ESIA) - hiện không được dự kiến trong dự án, nhưng vẫn được tính đến - đối với một số công trình dân dụng để các nhà thầu và đối tác thực hiện có thể giải quyết thỏa đáng các vấn đề liên quan đến quản lý hợp đồng, an toàn của cộng đồng địa phương và người lao động. Các nỗ lực xây dựng năng lực liên quan đến quy định và giám sát cũng được kết hợp như một phần của hoạt động quản lý biện pháp bảo vệ của dự án RECAF và như một phần của thiết kế dự án (ví dụ như trong các hoạt động của Hợp phần 2 tập trung vào việc nâng cấp REDD+ MIS và SIS).

44. **Đối với Đánh giá MTXH**, Bảng 3 tóm tắt những điểm khác biệt chính được xác định trong Đánh giá Khung Hệ thống Quốc gia gần đây (2019) do WB thực hiện giữa các tiêu chuẩn MTXH quốc tế/quy trình ESA (có liên quan/áp dụng cho cả các tiêu chuẩn của IFAD và GCF) và các yêu cầu ĐTM quốc gia của Việt Nam, cùng với các biện pháp lấp đầy khoảng trống sẽ được sử dụng trong suốt dự án. Vui lòng tham khảo Bảng 3 để biết tóm tắt.

45. **Đối với Tiêu chuẩn 5 về Lao động và Điều kiện làm việc**, Việt Nam đã có khuôn khổ tương đối toàn diện (và vẫn đang ngày càng hoàn thiện) về lao động và điều kiện làm việc. Bộ luật Lao động (2019) là văn bản pháp luật mới nhất tăng cường và bảo vệ tốt hơn quyền của người lao động. Nhiều nghị định và thông tư đã được ban hành theo Luật này để hướng dẫn việc thực hiện Bộ luật Lao động. Về các công ước lao động quốc tế, Chính phủ đã phê chuẩn một số Công ước của ILO như CO29 Lao động cưỡng bức, C081 Thanh tra lao động, C100 Trả lương bình đẳng, C111 Phân biệt đối xử (Việc làm và Nghề nghiệp), C138 Độ tuổi tối thiểu (độ tuổi quy định: 15 tuổi), C182 Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, C155 ATSKNN; và C187 Khung thúc đẩy ATSKNN. Công ước C098 về Quyền tổ chức và Thương lượng tập thể cũng có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2020. Việt Nam cũng đang hướng tới việc phê chuẩn: C087 Tự do hiệp hội và Bảo vệ quyền tổ chức; và C105 Bãi bỏ lao động cưỡng bức.

46. Thanh tra lao động có hệ thống phụ thuộc rất nhiều vào việc tự báo cáo, đặc biệt là khi có sự tham gia của các nhà thầu xây dựng và nhà cung cấp chính. Vì lý do này, một mẫu quy trình quản lý lao động phải được đưa vào tài liệu đấu thầu của công nhân theo hợp đồng. Đối với các nhà cung cấp vật liệu chính, việc thực hiện thẩm định về lao động và điều kiện làm việc đối với các nguồn vật liệu tổng hợp tiềm năng vẫn chưa phổ biến. Do đó, một quy trình giám sát phải được thiết lập trước khi bắt đầu các công việc liên quan và Đánh giá MTXH (ESA) tại địa điểm cụ thể phải rà soát các vấn đề lao động tiềm ẩn, bao gồm rủi ro lao động trẻ em và lao động cưỡng bức đối với các nhà cung cấp và trong các chuỗi giá trị có liên quan đến dự án RECAF, cũng như các mối nguy hiểm khác đối với sức khỏe của công nhân do quản lý chất thải và xử lý bất kỳ vật liệu nguy hại nào liên quan trong quá trình xây dựng để đảm bảo tuân thủ luật pháp trong nước và Tiêu chuẩn 5. Cơ quan chủ trì của dự án RECAF phải đảm bảo rằng các quy trình An toàn sức khỏe nghề nghiệp (ATSKNN) và cơ chế giải quyết khiếu nại đang hoạt động được quy định trong hợp đồng, bao gồm hệ thống giám sát việc tuân thủ các quy trình ATSKNN đã thỏa thuận và Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) của các nhà thầu bên thứ ba.

Bảng 3: Phân tích khoảng trống được hỗ trợ bởi Đánh giá Khung Hệ thống Quốc gia gần đây (2019) do WB tài trợ, so sánh các yêu cầu ESA quốc tế (ví dụ như các yêu cầu do WB, IFAD, GCF, v.v... áp dụng) và các quy trình đánh giá tác động môi trường (ĐTM) quốc gia của Việt Nam. ***bao gồm các biện pháp lấp đầy khoảng trống cụ thể cho RECAF (dựa trên các yêu cầu của IFAD/GCF) trong cột cuối cùng

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với các tiêu chuẩn của IFC và các tổ chức tài chính quốc tế khác (ví dụ IFAD, ADB, v.v...), WB áp dụng Khung MTXH (ESF) mô tả 10 Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội (ESS) - tương đương với 9 Tiêu chuẩn của IFAD, cùng với việc bổ sung một tiêu chuẩn rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan - được thiết kế để tránh, giảm thiểu, giảm bớt hoặc làm dịu bớt các rủi ro và tác động tiêu cực về MTXH của các dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án đầu tư phải nộp báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT để phê duyệt 	<ul style="list-style-type: none"> Để đủ điều kiện nhận tài trợ, các tiêu chuẩn SECAP của IFAD (phù hợp với GCF) sẽ được áp dụng.
Sàng lọc	<ul style="list-style-type: none"> WB, giống như IFAD, phân loại tất cả các dự án thành một trong bốn loại rủi ro: rủi ro cao, rủi ro đáng kể, rủi ro trung bình hoặc rủi ro thấp. Khi xác định phân loại rủi ro phù hợp, WB sẽ xem xét các vấn đề có liên quan, chẳng hạn như loại hình, vị trí, mức độ nhạy cảm và quy mô của dự án; bản chất và mức độ của các rủi ro và tác động MTXH tiềm ẩn; và năng lực và cam kết của Bên vay (bao gồm bất kỳ thực thể nào khác chịu trách nhiệm thực hiện dự án) trong việc quản lý các rủi ro và tác động MTXH theo cách phù hợp với ESS. Các lĩnh vực rủi ro khác cũng có thể liên quan đến việc cung cấp các biện pháp giảm thiểu MTXH và kết quả, tùy thuộc vào dự án cụ thể và bối cảnh 	<ul style="list-style-type: none"> Mục: I, II, III và IV của Nghị định 40/2019. Có tính quy định, cố định theo Phụ lục I, II và III – Danh mục các dự án phải lập và phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐGMTCL), báo cáo ĐTM. Không phải tất cả các dự án đều được liệt kê. Thông thường, chủ dự án tự sàng lọc dự án dựa trên phân loại được nêu trong Nghị định 40/2019 và tham khảo ý kiến của Sở TNMT hoặc Tổng cục 	<ul style="list-style-type: none"> Vì RECAF được IFAD phân loại là “rủi ro trung bình” nên luật pháp trong nước cần bổ sung các biện pháp lấp đầy khoảng trống khi BQLDA cấp tỉnh sàng lọc các tiểu dự án (theo tiêu chí sàng lọc trong Phụ lục) thấy cần phải lấp đầy khoảng trống.

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
	<p>mà dự án đang được phát triển. Những điều này có thể bao gồm các cân nhắc về mặt pháp lý và thể chế; bản chất của biện pháp giảm thiểu và công nghệ được đề xuất; cấu trúc quản lý và luật pháp; và các cân nhắc liên quan đến sự ổn định, xung đột hoặc an ninh. WB sẽ công bố phân loại của dự án và cơ sở cho phân loại đó trên trang web của WB và trong các tài liệu dự án.</p>	<p>Môi trường để phân loại phù hợp và yêu cầu báo cáo ĐTM của dự án, chẳng hạn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Dự án thuộc Phụ lục I, II, III: Yêu cầu phải có ĐGMTCLs hoặc ĐTM ○ Dự án thuộc Phụ lục IV: không yêu cầu ĐTM và Kế hoạch BVMT ○ Dự án không phải là I, II, III và IV: Yêu cầu Kế hoạch BVMT 	
<p>Công cụ Đánh giá MTXH (ESA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Tùy thuộc vào rủi ro và tác động của dự án, một loạt các công cụ và quy trình được yêu cầu để đáp ứng các mục tiêu của tiêu chuẩn, có thể bao gồm: ESIA; ESA ESMF; ESMP; đánh giá nguy cơ hoặc rủi ro; kiểm toán MTXH; đánh giá tác động tích lũy; và phân tích xã hội và xung đột. WB cung cấp hướng dẫn chung để thực hiện từng công cụ. ● Dựa trên thông tin do Bên vay cung cấp, WB sẽ tiến hành thẩm định MTXH cho tất cả các dự án yêu cầu WB hỗ trợ. ● Bên vay sẽ phải chuẩn bị, nộp và công bố Kế hoạch Cam kết về MTXH (ESCP) và Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP) cho WB trước khi thẩm định, cùng với bất kỳ tài liệu bổ sung nào có liên quan (ESMF, LMP). 	<ul style="list-style-type: none"> ● Loại văn bản đánh giá môi trường như ĐGMTCL, ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT được quyết định dựa trên Phụ lục I, II, III và IV của Nghị định 40/2019. 	<ul style="list-style-type: none"> ● Việc chuẩn bị ESMF, ESMP cụ thể cho từng địa bàn dự án, IPP, SEP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới cho Dự án là cần thiết để đáp ứng các tiêu chuẩn SECAP của IFAD, trong khi ĐTM, IEE hoặc EP sẽ được chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam khi được coi là cần thiết thông qua sàng lọc.

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
Phạm vi và phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> WB sẽ yêu cầu Bên vay tiến hành đánh giá MTXH (ESA) phù hợp đối với hoạt động xây dựng CSHT, và chuẩn bị và thực hiện hoạt động CSHT đó như sau: (a) kế hoạch xây dựng CSHT <i>rủi ro cao</i> theo ESS; và (b) kế hoạch xây dựng CSHT <i>rủi ro đáng kể, rủi ro trung bình và rủi ro thấp</i> phù hợp với luật pháp trong nước và bất kỳ yêu cầu nào của ESS mà WB cho là có liên quan đến kế hoạch xây dựng CSHT tương ứng. Nếu WB không hài lòng rằng Bên vay có đủ năng lực, tất cả các kế hoạch xây dựng CSHT <i>rủi ro cao</i> và, nếu có, <i>rủi ro đáng kể</i> sẽ phải được WB xem xét và chấp thuận trước cho đến khi xác định được năng lực phù hợp. Nếu xếp hạng rủi ro của một kế hoạch xây dựng CSHT tăng lên mức rủi ro cao hơn, WB sẽ yêu cầu Bên vay áp dụng các yêu cầu có liên quan của ESS theo cách đã thỏa thuận với WB. Các biện pháp và hành động đã thỏa thuận này sẽ được đưa vào ESCP (thực chất là cập nhật ESCP) và được WB giám sát. WB giúp Bên vay soạn thảo Điều khoản Tham chiếu (ĐKTC) cho báo cáo ESA và xác định phạm vi của ESA, các quy trình, lịch trình và phác thảo của báo cáo ESA. 	<ul style="list-style-type: none"> Điều khoản tham chiếu (ĐKTC) cho ESA được cung cấp trong Phụ lục ESMF. Thông thường, sau khi tham vấn với Sở TNMT hoặc Tổng cục Môi trường về hạng mục ĐTM, chủ dự án sẽ tiến hành lập báo cáo ĐTM. 	<ul style="list-style-type: none"> ESMF, ESMP cụ thể của từng địa bàn dự án, SEP, IPP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới (GAP) cho dự án và các địa điểm xây dựng CSHT sẽ được trình cho Cố vấn Trưởng MTXH của dự án để phê duyệt ban đầu và IFAD để phê duyệt cuối cùng trong trường hợp các tài liệu khung. Để tuân thủ các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, bất kỳ ĐTM, IEE hoặc EP nào được chuẩn bị cho kế hoạch xây dựng CSHT đều được trình lên Chính phủ để phê duyệt.

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
	<ul style="list-style-type: none"> Cần phải có sự chấp thuận trước của WB nếu cơ quan thực hiện không có đủ năng lực để đảm bảo thực hiện hiệu quả các biện pháp giảm thiểu bắt buộc. 		
<p>Tham vấn công chúng, sự tham gia của các bên liên quan và Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM)</p>	<ul style="list-style-type: none"> Trong quá trình ESA, Bên vay sẽ tham khảo ý kiến của các nhóm bị ảnh hưởng bởi dự án và các tổ chức phi chính phủ địa phương về các khía cạnh môi trường của dự án và xem xét quan điểm của họ. Phù hợp với ESS10, việc chuẩn bị Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP), công khai thông tin, thành lập và vận hành GRM là cần thiết để đảm bảo tham vấn và minh bạch đầy đủ. ESS2 cũng yêu cầu phải chuẩn bị các Quy trình Quản lý Lao động (LMP) cũng như thiết lập và vận hành GRM cho công nhân dự án. Nếu có sự hiện diện của các DTTS và họ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dự án thì cần phải tiến hành tham vấn theo nguyên tắc tự nguyện, trước và có ý nghĩa; nếu có sự hiện diện của người dân tộc thiểu số thì cần phải có Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC). Để có các cuộc tham vấn có ý nghĩa, Bên vay cung cấp kịp thời các tài liệu dự án có liên quan trước 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ dự án phải tham vấn UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) nơi thực hiện dự án, các tổ chức, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của dự án; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến khách quan, yêu cầu hợp lý của các bên liên quan nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, ĐDSH và sức khỏe cộng đồng. UBND cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp của dự án phải được tham vấn. Chủ dự án phải gửi báo cáo ĐTM đến UBND cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp của dự án cùng với văn bản xin ý kiến. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo ĐTM, UBND cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp của dự án phải có văn bản trả lời nếu không chấp thuận dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành tham vấn ĐTM theo quy định của Chính phủ, có tính đến các yêu cầu của IFAD/GCF liên quan đến ESMF, SEP, IPP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới trong quá trình tham vấn. Kết quả tham vấn sẽ được đưa vào ESMP cụ thể của từng địa bàn dự án hoặc có thể được nộp dưới dạng báo cáo độc lập dưới dạng phụ lục của SEP. Nếu cần tham vấn với các nhóm DTTS, việc tham vấn nên tuân theo

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
	<p>khi tham vấn theo hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với nhóm được tham vấn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản cuộc họp công khai được đưa vào báo cáo. 	<ul style="list-style-type: none"> • Việc tham vấn cộng đồng chịu tác động trực tiếp của dự án được thực hiện dưới hình thức họp cộng đồng do chủ dự án và UBND xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì, có sự tham gia của đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn do UBND xã triệu tập. Mọi ý kiến của đại biểu tham dự họp phải được ghi đầy đủ, trung thực vào biên bản họp. 	<p>hướng dẫn trong Kế hoạch SEP và IPP, với chuyên gia MTXH của dự án để trước tiên phê duyệt tính đầy đủ/ nhậy cảm/ bao trùm của phương pháp tiếp cận.</p>
Tiết lộ	<ul style="list-style-type: none"> • WB sẽ công bố tài liệu liên quan đến rủi ro và tác động MTXH của các dự án rủi ro cao và rủi ro đáng kể trước khi thẩm định dự án. Sau khi WB chính thức nhận được báo cáo, WB sẽ công bố báo cáo Đánh giá Môi trường (EA) bằng tiếng Anh cho công chúng thông qua Infoshop. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai Kế hoạch quản lý môi trường tại trụ sở UBND cấp xã nơi tổ chức tham vấn cộng đồng để nhân dân biết, kiểm tra và giám sát. (Điều 16, Nghị định 18/2015). 	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và yêu cầu của IFAD/GCF. • Tất cả các tài liệu MTXH phải được công bố công khai
Thu hồi đất đai			<p>Bất kỳ hoạt động thu hồi đất tiềm năng nào có thể cần thiết đều phải có Kế hoạch tái định cư và sẽ được thực hiện theo luật pháp trong nước, các yêu cầu của địa</p>

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
			phương và phù hợp với Tiêu chuẩn 7 về Tái định cư.
Chuyên gia độc lập	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với các dự án phức tạp và rủi ro cao, Bên vay có thể được yêu cầu thuê các chuyên gia Đánh giá MTXH (ESA) độc lập không liên kết với dự án để thực hiện ESA. • Đối với các dự án có rủi ro cao, đặc biệt là các dự án liên quan đến an toàn đập, Bên vay cũng nên thuê một hội đồng cố vấn gồm các chuyên gia môi trường độc lập, được quốc tế công nhận để tư vấn về các khía cạnh của dự án liên quan đến ESA. • Các chuyên gia/công ty tư vấn sẽ được lựa chọn thông qua quá trình đấu thầu dưới sự giám sát chặt chẽ của WB. 	<ul style="list-style-type: none"> • Không được quy định trong chính sách của Việt Nam. • Chủ dự án phải lập hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 13 (Nghị định 18/2015) để lập báo cáo ĐTM. Chủ dự án hoặc tổ chức tư vấn phải có đủ các điều kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> i) Cán bộ phụ trách ĐTM phải có trình độ tối thiểu là Cử nhân và Chứng chỉ tư vấn ĐTM; ii) Các cán bộ chuyên môn liên quan đến dự án phải có trình độ ít nhất là Cử nhân; iii) Cơ sở vật chất - kỹ thuật và các thiết bị chuyên dùng để đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích mẫu môi trường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Trường hợp không có thiết bị chuyên dùng đủ tiêu chuẩn thì có hợp đồng thuê cơ sở có năng lực. 	<ul style="list-style-type: none"> • Rủi ro của Dự án đề xuất là rủi ro trung bình, không phải rủi ro cao, do đó Dự án sẽ không yêu cầu bất kỳ chuyên gia độc lập nào.

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
Quy trình phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> WB sẽ tiến hành xem xét/ rà soát báo cáo trong nội bộ. Nếu báo cáo ESA đạt yêu cầu, WB sẽ ban hành văn bản phê duyệt. Nếu báo cáo ESA cần được cải thiện, WB sẽ ban hành văn bản phê duyệt có điều kiện với mặc định rằng Bên vay sẽ điều chỉnh Báo cáo Đánh giá Môi trường để có phê duyệt cuối cùng của WB. 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ TNMT thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án quy định tại Phụ lục III của Nghị định này, trừ các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh. Các bộ, cơ quan ngang bộ thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình, trừ các dự án thuộc Phụ lục III của Nghị định này; UBND cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án quy định tại điểm a, b nêu trên. Việc thẩm định sẽ được thực hiện chậm nhất là 45 ngày làm việc ở cấp Bộ TNMT, 30 ngày làm việc ở cấp Sở TNMT và 5 ngày làm việc ở cấp huyện sau khi nhận được báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT đầy đủ, hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> Cần phải có sự chấp thuận của Chính phủ Việt Nam đối với ĐTM, IEE hoặc EP. Việc xem xét và thông qua ESMF, ESMP, IPP, SEP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới của IFAD là bắt buộc trước khi triển khai dự án và kế hoạch xây dựng CSHT.
Số lượng và ngôn ngữ ESIA cần thiết để thẩm định	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng bản sao: Không chỉ định cụ thể. Yêu cầu về ngôn ngữ: Tiếng Anh đối với Việt Nam Không yêu cầu đánh giá khả thi: WB không tiến hành thảo luận về bất kỳ khoản đầu tư nào nếu Bên vay chưa chuẩn bị các nghiên cứu tối thiểu bắt 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ dự án phải nộp ít nhất 7 bản báo cáo ĐTM (tùy theo số lượng thành viên hội đồng thẩm định) và 1 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho dự án đề xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam nhưng bao gồm các tài liệu bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt

Giai đoạn trong quy trình Đánh giá Môi trường (EA)	Yêu cầu của Tiêu chuẩn MTXH quốc tế (trích từ Đánh giá Khung hệ thống quốc gia của WB)	Yêu cầu của Việt Nam (quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT)	Biện pháp lấp đầy khoảng trống
	buộc để chứng minh khoản đầu tư là khả thi về mặt kinh tế - xã hội và kỹ thuật.		
Nội dung báo cáo ESIA	<ul style="list-style-type: none"> Theo ESS1 Sẽ chú ý đúng mức đến vấn đề lao động và điều kiện làm việc cũng như sức khỏe và an toàn cho cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung báo cáo ĐTM phải tuân thủ theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT 	<ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị các tài liệu dựa trên yêu cầu nghiêm ngặt nhất trong hai yêu cầu (giữa yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và IFAD/GCF)
Giám sát ESA	<ul style="list-style-type: none"> Trong quá trình thực hiện dự án, WB giám sát các khía cạnh MTXH của dự án trên cơ sở các điều khoản về môi trường và thỏa thuận báo cáo của Bên vay đã thống nhất trong thỏa thuận cho vay và được mô tả trong các tài liệu dự án khác, để xác định xem việc tuân thủ giao ước về môi trường (chủ yếu là EMP) của Bên vay có thỏa đáng hay không. Nếu việc tuân thủ không thỏa đáng, WB sẽ thảo luận với Bên vay về hành động cần thiết để tuân thủ. 	<ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT được giao nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các vấn đề về MTXH của dự án. Đến cuối giai đoạn thi công dự án, Cơ quan quản lý môi trường sẽ phối hợp với Cơ quan quản lý xây dựng giám sát việc tuân thủ các hoạt động quản lý môi trường nêu trong báo cáo ĐTM. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện theo ESMF, ESMP, IPP, SEP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới đã được phê duyệt cho các địa bàn dự án và CSHT.

IV. ĐÁNH GIÁ MTXH CỦA DỰ ÁN VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

4.1 Địa bàn dự án

47. *Bối cảnh.* **Việt Nam** có tổng diện tích đất là 331.236 km² (trong đó có 12,17 triệu ha là đất nông nghiệp¹²) và diện tích mặt nước là 21.140km². Theo Tổng cục Thống kê, dân số Việt Nam khoảng 96,48 triệu người, mật độ dân số trung bình khoảng 286 người/km². Về mặt hành chính, đất nước bao gồm 65 tỉnh và thành phố trực thuộc tỉnh. Trong số này, dự án RECAF sẽ được triển khai tại năm tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng và Ninh Thuận. Dưới đây là tổng quan ngắn gọn về môi trường và địa lý của năm tỉnh, tiếp theo là tổng quan về các vấn đề giới và xã hội tại các khu vực đó. Để biết thêm chi tiết về cả bối cảnh MTXH, vui lòng tham khảo các báo cáo bối cảnh được chuẩn bị trong giai đoạn thiết kế dự án.

Đặc điểm môi trường/ khí hậu/ địa lý.

Bối cảnh các tỉnh dự án:

48. **Đắk Lắk** nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên. Với gần 1,89 triệu người vào cuối năm 2020, Đắk Lắk là tỉnh đông dân nhất của Tây Nguyên. Có 47 dân tộc cùng chung sống trên địa bàn tỉnh, trong đó 30% là đồng bào DTTS đến từ các tỉnh phía Bắc và miền Trung để tìm kiếm việc làm. Trong những năm gần đây, áp lực dân số trong tỉnh ngày càng tăng, dẫn đến những thách thức về kinh tế - MTXH. Đắk Lắk có khoảng 1,2 triệu ha đất nông nghiệp, trong đó có hơn 360.000 ha đất đỏ bazan, thích hợp cho các loại cây công nghiệp theo mùa và lâu năm, đặc biệt là cà phê và cao su. Diện tích rừng ở Đắk Lắk khoảng 512.850 ha, trong đó 91,38% là một số khu rừng tự nhiên còn nguyên vẹn nhất ở Việt Nam và chứa đựng sự ĐDSH nổi bật trên toàn cầu.

49. Tỉnh **Đắk Nông** được thành lập năm 2004 khi tỉnh Đắk Lắk cũ tách thành hai tỉnh mới là Đắk Lắk và Đắk Nông. Năm 2020, dân số của tỉnh là 637,9 nghìn người. Đắk Nông có diện tích tự nhiên là 6.509,356 km và là tỉnh có diện tích nhỏ nhất Tây Nguyên. Đắk Nông có tỷ lệ dân số thành thị thấp nhất (khoảng 15,2% vào năm 2020) trong các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên. Khoảng 360 nghìn ha đất nông nghiệp hoặc 55% tổng diện tích đất, chủ yếu được canh tác cây công nghiệp dài ngày. Cùng với các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, Đắk Nông là tỉnh sản xuất cà phê hàng đầu Việt Nam. Diện tích đất lâm nghiệp của Đắk Nông vào khoảng 256.116 ha, chiếm 39,3% diện tích đất tự nhiên.

50. Tỉnh **Lâm Đồng** nằm ở phía Nam Tây Nguyên. Tổng dân số năm 2020 là 1,3 triệu người. Đây cũng là tỉnh có tỷ lệ dân số thành thị cao nhất trong khu vực. Lãnh thổ của tỉnh là 977.219,6 ha, bao gồm 601.477 ha rừng, chiếm 53,1% diện tích của tỉnh, lớn thứ hai ở Tây Nguyên. Lâm Đồng có khoảng 0,97 triệu ha đất nông nghiệp. Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu dựa vào nông nghiệp, với chè, cà phê và rau là những sản phẩm nông nghiệp chính. Cùng với các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, Lâm Đồng là tỉnh sản xuất cà phê hàng đầu Việt Nam. Lâm Đồng cũng có thể được coi là tỉnh đặc trưng bởi mối đe dọa mà rừng phải đối mặt. Do các mối đe dọa ngày càng tăng đối với rừng như phát triển nông nghiệp, khai thác tài nguyên rừng và phát triển CSHT, tài nguyên rừng trong khu vực đã bị cạn kiệt nghiêm trọng và luôn chịu áp lực.

¹² FAOSTAT: Thống kê về Việt Nam. URL: <http://www.fao.org/faostat/en/#country/237>

51. Tỉnh **Gia Lai** nằm ở vùng Bắc Tây Nguyên. Tính đến năm 2020, Gia Lai có 1,54 triệu người. Tỉnh Gia Lai được tái lập vào tháng 8 năm 1991 khi tỉnh Gia Lai - Kon Tum tách thành hai tỉnh mới là Gia Lai và Kon Tum. Giống như các tỉnh khác ở Tây Nguyên, Gia Lai có cơ cấu dân số phong phú, với hơn 34 dân tộc cùng chung sống. Người Kinh chiếm 53,77% tổng dân số.

52. **Ninh Thuận** là tỉnh nghèo đói nhất trong dự án không thuộc Tây Nguyên. Nằm ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Ninh Thuận giáp tỉnh Khánh Hòa về phía bắc, tỉnh Lâm Đồng về phía tây, tỉnh Bình Thuận về phía nam và Biển Đông về phía đông. Ninh Thuận là nơi sinh sống của hơn 600.000 người. Ngoài người Kinh, một bộ phận đáng kể dân số của tỉnh thuộc nhóm dân tộc Chăm và Raglay. Hiện tại, tỉnh có hơn 155.400 ha rừng và khoảng 48.790 ha đất được chỉ định để trồng rừng. Do khí hậu rất khô hạn nên Ninh Thuận có nhiều vùng đất trống và đồi núi rộng lớn, đặc biệt là ở các vùng ven biển, đang phải đối mặt với nguy cơ sa mạc hóa. Rừng của Ninh Thuận cũng bị đe dọa bởi canh tác nông nghiệp, khai thác gỗ trái phép, phá hủy môi trường sống của rừng ngập mặn và khai hoang đất.

Tài nguyên và Quản lý Rừng:

53. **Những thay đổi về độ che phủ của rừng:** Rừng bao phủ khoảng 45% diện tích đất của Việt Nam. Việt Nam đã thực hiện nỗ lực tái trồng rừng rộng lớn trong 20 năm qua, với tốc độ trồng rừng trung bình hàng năm là 1% từ năm 2005 đến năm 2010 (WB 2010). Khoảng 1% đất lâm nghiệp là rừng nguyên sinh (rừng tái sinh tự nhiên của các loài địa phương không có dấu hiệu rõ ràng về hoạt động của con người), 74% là rừng tái sinh tự nhiên khác (rừng tái sinh tự nhiên có dấu hiệu rõ ràng về hoạt động của con người) và 25% là rừng trồng (rừng chủ yếu bao gồm các cây được trồng và gieo hạt có chủ đích) (USAID 2013). Tổng quan về những thay đổi về độ che phủ rừng, làm nổi bật tình trạng phá rừng ở các tỉnh dự án, được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Sự thay đổi về diện tích rừng từ năm 2010 đến năm 2018

Tỉnh	2010		2018		Diện tích rừng mất đi/ trồng thêm (ha)	Tỷ lệ bao phủ rừng mất đi/ trồng thêm (%)
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ che phủ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ che phủ (%)		
Rừng						
Lâm Đồng	607,729	62	530,677	54,1	-77,052	-7,9
Đắk Lắk	578,310	44,3	534,866	41	-43,444	-3,3
Đắk Nông	290,565	44,6	236,324	36,3	-54,242	-8,3
Ninh Thuận	142,678	42,3	143.789	42,6	1,111	0,3
<i>Tổng cộng</i>	<i>1.619.282</i>		<i>1.445.656</i>		<i>-173,627</i>	
Rừng tự nhiên						
Lâm Đồng	560,271	57,1	442,698	45,1	-117,573	-12
Đắk Lắk	537,613	41,2	480,402	36,8	-57,211	-4,4
Đắk Nông	263,994	40,5	191.821	29,4	-72,173	-11,1
Ninh Thuận	140.033	41,5	133,155	39,5	-6,878	-2

<i>Tổng cộng</i>	1.501.91	1.248.07	-253,835
	1	6	

54. **Quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam:** Quản lý rừng dựa vào cộng đồng có truyền thống lâu đời ở Việt Nam. Nhiều nghiên cứu chỉ ra sự tồn tại của các hoạt động truyền thống trong quản lý rừng của cộng đồng nông thôn tại các khu vực rừng ở nhiều vùng khác nhau của Việt Nam. Trong hàng trăm năm, các hình thức quản lý rừng truyền thống dựa trên các quy định của làng thường được thực hiện trong môi trường rừng. Tài nguyên rừng ở Việt Nam đã được quốc hữu hóa vào năm 1976. Các cơ quan lâm nghiệp nhà nước được giao trách nhiệm quản lý rừng. Một hệ thống các Lâm trường quốc doanh được thành lập với trách nhiệm khai thác rừng và trồng rừng tại các địa phương. Quyền sở hữu đất rừng theo luật tục của cộng đồng địa phương không được công nhận và các hoạt động quản lý tài nguyên thiên nhiên của họ bị hạn chế.

55. Vào đầu những năm 1990, chính phủ Việt Nam nhận ra nhu cầu phải có sự tham gia của cộng đồng địa phương vào việc quản lý tài nguyên rừng. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng, được thông qua vào năm 1991, đã cung cấp một khung pháp lý để phân bổ tài nguyên rừng cho người dân địa phương để quản lý, bảo vệ và sử dụng thương mại. Năm 1993, Luật Đất đai được thông qua, cho phép người sử dụng đất có thể gia hạn quyền sử dụng dài hạn, được gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai luật này đặt ra khung pháp lý cơ bản cho quyền sở hữu đất và rừng của người dân địa phương - một điều kiện tiên quyết quan trọng để phát triển quản lý rừng dựa vào cộng đồng. Trong những năm còn cuối của những năm 1990, Việt Nam đã trải qua giai đoạn thí điểm giao đất lâm nghiệp và giới thiệu các hình thức quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ) ở nhiều nơi trên cả nước¹³.

56. Vào đầu những năm 2000, Việt Nam chính thức công nhận quản lý rừng dựa vào cộng đồng. Luật Đất đai sửa đổi được thông qua vào năm 2003 đã công nhận hợp pháp quyền sở hữu đất đai của cộng đồng. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng mới được thông qua vào tháng 12 năm 2004 đã xác nhận quyền sở hữu rừng của cộng đồng và xác định các điều kiện mà các làng có thể nhận được đất rừng tập thể. Theo đó, các cộng đồng địa phương đã trở thành người sử dụng hợp pháp đất và rừng - tuy nhiên, họ không được công nhận là chủ sở hữu hợp pháp của rừng. Trong những năm cuối của những năm 2000 và đầu những năm 2010, động lực QLRCĐ tiếp tục với những nỗ lực đáng kể được đưa ra để thử nghiệm các phương thức lâm nghiệp cộng đồng khác nhau trong lĩnh vực này và xây dựng khung pháp lý để hướng dẫn phát triển QLRCĐ ở cấp quốc gia. Các cách tiếp cận để lập kế hoạch quản lý rừng, các giải pháp thay thế để cải thiện sinh kế của người dân địa phương và các cơ chế phân phối lợi ích đã được thử nghiệm trong các dự án và chương trình khác nhau. Sáng kiến đáng chú ý nhất trong giai đoạn này là Dự án thí điểm Lâm nghiệp cộng đồng do Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam (VNFOREST) triển khai trong giai đoạn 2006-2009 (Giai đoạn I) và 2012-2013 (Giai đoạn II), bao gồm 10 tỉnh trong Giai đoạn I và 9 tỉnh trong Giai đoạn II. Tuy nhiên, giai đoạn 2 của Dự án thí điểm QLRCĐ đã kết thúc vào năm 2013 nhưng vẫn chưa có khung pháp lý nào hướng dẫn phát triển QLRCĐ trên toàn quốc được ban hành. Đồng thời, Luật Đất đai (Luật số 45/2013/QH13) được thông qua vào tháng 11 năm 2013 không công nhận việc giao rừng tự nhiên và rừng sản xuất cho người dân địa phương (bao gồm cả cộng đồng thôn bản và HGD). Hậu quả là QLRCĐ mất đi động lực vào giữa những năm 2010.

57. Vào tháng 11 năm 2017, Luật Lâm nghiệp (Luật số 16/2017/QH14) đã được thông qua. Luật mới cung cấp thêm cơ sở pháp lý cho QLRCĐ bằng cách công nhận cộng đồng địa phương, được định nghĩa là "các nhóm sống trong cùng một thôn và có cùng phong tục,

¹³ Hình thức QLRCĐ đã được giới thiệu/chính thức là hình thức QLRCĐ mà quyền đối với đất rừng của cộng đồng địa phương được công nhận theo khuôn khổ pháp lý hiện hành.

tập quán", là chủ sở hữu hợp pháp của rừng và ưu tiên giao rừng cho các DTTS và cộng đồng có phong tục, truyền thống, văn hóa, tín ngưỡng và quy tắc tập quán liên quan đến việc sử dụng rừng. Việc phê duyệt Luật Lâm nghiệp năm 2017 cùng với việc nhấn mạnh vào quản lý rừng bền vững và các biện pháp bảo vệ xã hội để thực hiện các cam kết quốc tế, QLRCĐ bắt đầu thu hút lại sự chú ý trong những năm gần đây.

58. Ở Việt Nam, QLRCĐ đã được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, xuất phát từ nhiều bối cảnh khác nhau. Các hình thức phổ biến được thảo luận ngắn gọn dưới đây. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là sự khác biệt giữa các hình thức này rất linh hoạt và gây nhiều tranh cãi. Trong nhiều bối cảnh, một số hình thức được sử dụng thay thế cho nhau.

- **Lâm nghiệp xã hội**: Thuật ngữ 'lâm nghiệp xã hội' (social forestry - SF) thường được sử dụng thay thế cho QLRCĐ, nhưng có những chương trình và dự án 'lâm nghiệp xã hội' cụ thể đã được triển khai tại Việt Nam với sự hỗ trợ của chính phủ Đức và Thụy Sĩ vào những năm 1990, bao gồm Dự án phát triển lâm nghiệp xã hội tại lưu vực sông Đà (Tây Bắc Việt Nam) do chính phủ Đức tài trợ.
- **Lâm nghiệp cộng đồng**: Lâm nghiệp cộng đồng (Community forestry - CF) cũng được sử dụng rộng rãi thay thế cho CBF (Lâm nghiệp dựa vào cộng đồng). Đồng thời, có những trường hợp cụ thể của CBM (quản lý dựa vào cộng đồng) được gọi là 'CF'. Điều này đề cập đến một cộng đồng làng xã cùng nhau quản lý một khu vực rừng được phân bổ chính thức cho họ, được tìm thấy rộng rãi ở Việt Nam (Gilmour 2016; Sikor et al. 2013).
- **Giao khoán rừng**: Hoạt động giao khoán rừng đang được thực hiện trên khắp cả nước (Lê Bá Toàn 2012; Lê Thị Diên và cộng sự 2013a; Nguyễn Thành Khâm 2018). Có thể phân loại hoạt động này là quản lý rừng chung (joint forest management - JFM), tức là quan hệ đối tác giữa cơ quan lâm nghiệp nhà nước và cộng đồng địa phương trong quản lý rừng. Theo hình thức giao khoán rừng, cộng đồng địa phương được yêu cầu tổ chức bảo vệ rừng và thành lập các cơ quan cần thiết. Đổi lại các dịch vụ của mình, họ có quyền nhận được khoản thanh toán bằng tiền mặt và được hưởng lợi từ lâm sản ngoài gỗ trong rừng.
- **Đồng quản lý rừng** là việc chia sẻ trách nhiệm giữa cộng đồng địa phương và nhà nước, được đại diện bởi một tổ chức cụ thể để quản lý các khu bảo tồn. Đồng quản lý rừng đã được thí điểm tại một số khu bảo tồn ở Việt Nam, bao gồm Vườn quốc gia Tràm Chim (Lai & Vij 2012; Oh 2010).
- **Lâm nghiệp thôn bản**: Thực hành lâm nghiệp thôn bản cũng đã trở nên phổ biến sau khi Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam năm 2004 được công nhận (Lê Thị Diên và cộng sự 2013b; Nguyễn 2018; Nguyễn, Nguyễn, & Trần 2007; Sikor & Nguyễn 2011).
- **Lâm nghiệp hộ nông dân nhỏ**: lâm nghiệp hộ nông dân nhỏ là lâm nghiệp do các hộ nông dân nhỏ thực hiện trên đất rừng thuộc sở hữu tư nhân. Hoạt động này khá phổ biến ở Việt Nam sau quá trình giao đất giao rừng cho HGD từ những năm 1990 (Gilmour 2016; Nguyen 2005; Nguyen, Nguyen, & Tran 2008; Sikor & Nguyen 2011). Hiện tại, hơn hai phần ba diện tích đất lâm nghiệp được cho là thuộc QLRCĐ ở Việt Nam là rừng hộ nông dân nhỏ.
- **QLRCĐ truyền thống**: Nhiều hình thức QLRCĐ truyền thống vẫn phát triển mạnh mẽ mặc dù hình thức quản lý rừng bởi nhà nước đã thống trị trong nhiều thập kỷ. Mặc dù vẫn chưa được pháp luật công nhận, QLRCĐ truyền thống đã được nhiều người

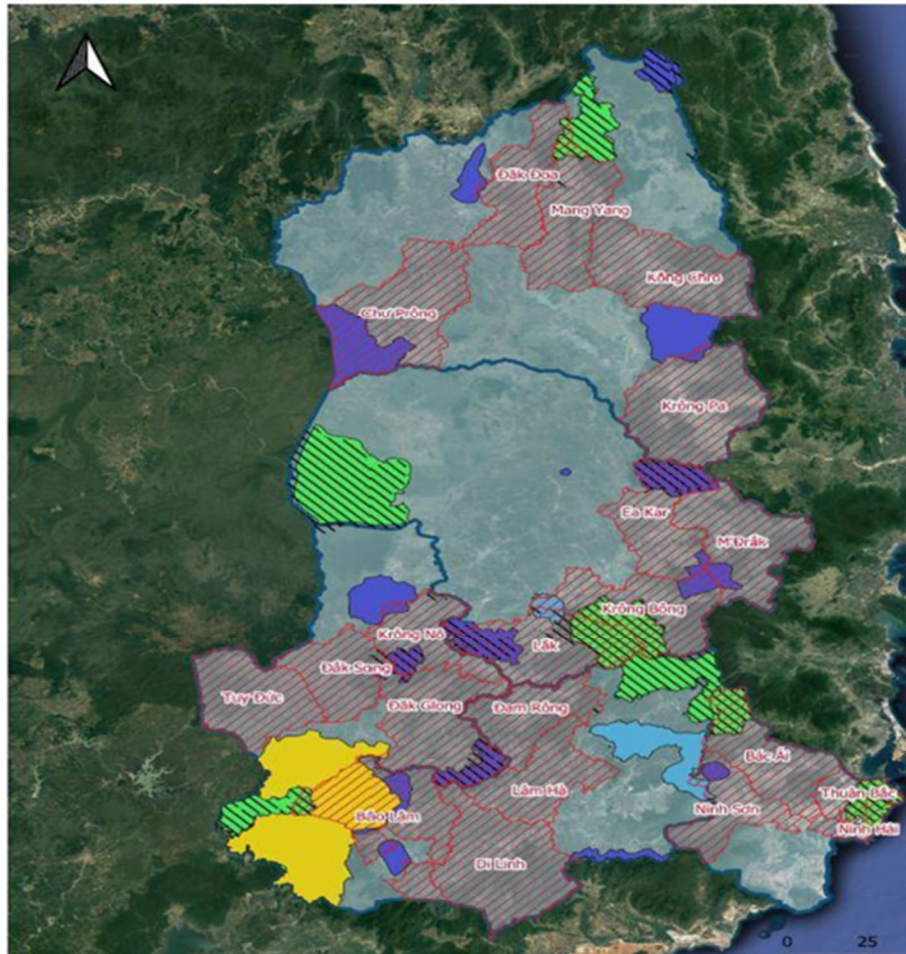
(bao gồm cả các viên chức chính phủ) chấp nhận như một cách quản lý tài nguyên rừng bền vững. VNFOREST ước tính rằng ít nhất 247.000 ha, hay 1,5% tổng diện tích đất rừng đang được quản lý theo một số hình thức QLRCĐ truyền thống.

- *Hình thức khác*: Có nhiều hình thức QLRCĐ khác nhau đang được thực hiện, bao gồm quan hệ đối tác giữa cộng đồng và khu vực tư nhân (quan hệ đối tác song phương giữa cộng đồng và khu vực tư nhân để quản lý các khu rừng cụ thể) và quản lý rừng hợp tác (thích ứng).

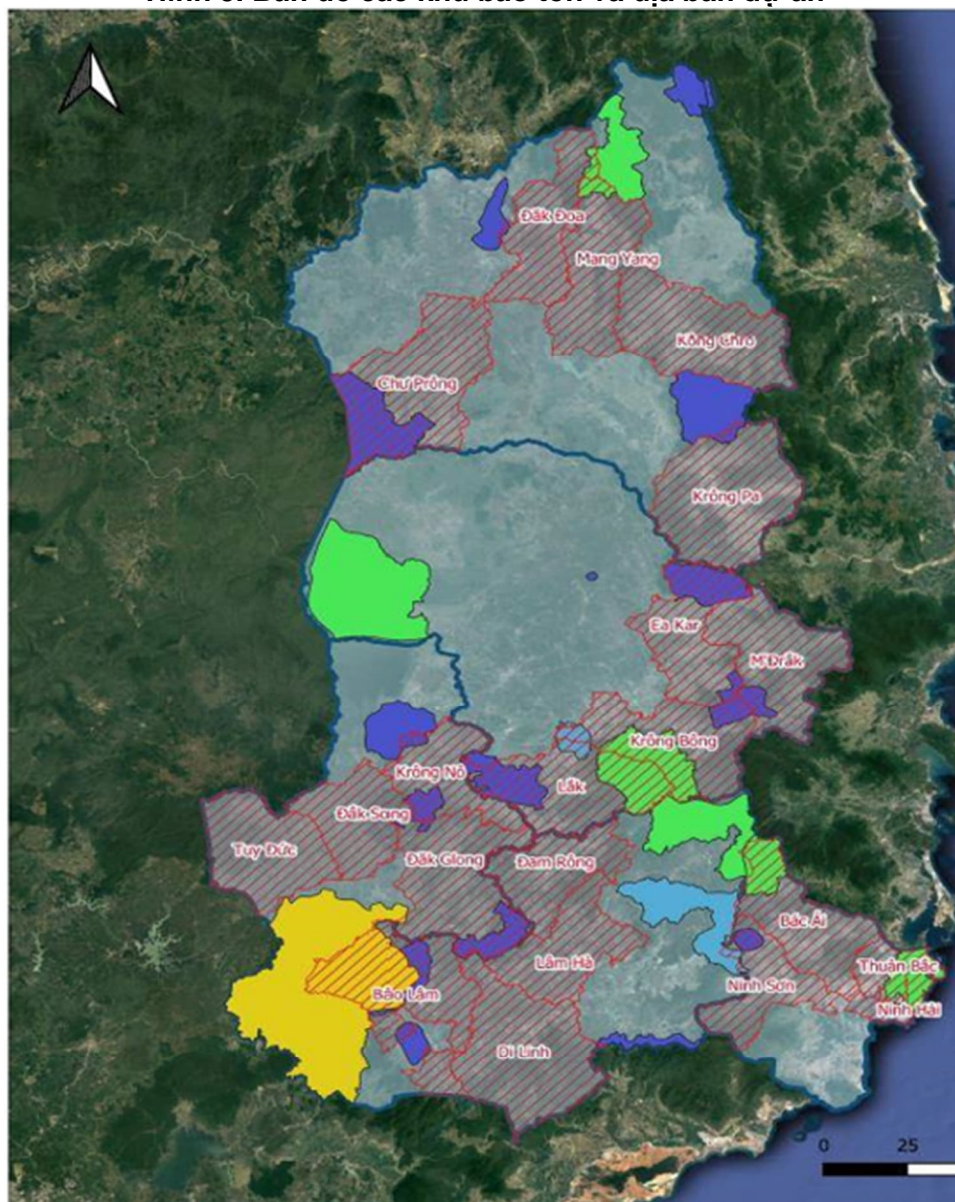
Các khu vực được bảo vệ:

59. **Hình 3**, bên dưới, cho thấy độ bao phủ của diện tích rừng đặc dụng với nhiều khu vực được bảo vệ và các tỉnh và huyện dự án được đề xuất. **Hình 4** cung cấp tổng quan về các khu rừng đặc dụng; **Hình 5** cho thấy các khu vực được bảo vệ (rừng quốc gia, v.v...); và **Hình 6** cho thấy nhiều chức năng khác nhau của rừng (sản xuất, phòng vệ (*tức là rừng được sử dụng để hỗ trợ quản lý lưu vực, v.v...*) và rừng đặc dụng). Dự án nhằm mục đích giảm nạn phá rừng ở các vùng xung quanh một số khu vực này và sẽ tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp, nhưng sẽ không hoạt động trong các rừng đặc dụng và các khu vực rừng nguyên sinh được bảo vệ nghiêm ngặt khác. Dự án sẽ bảo vệ các điểm nóng về ĐDSH của dãy núi Trường Sơn, cũng như ĐDSH nông nghiệp ở các địa phương. Một đánh giá đầy đủ về ĐDSH hiện đang được tiến hành, theo đó các hoạt động của dự án sẽ không bắt đầu cho đến khi đánh giá và kế hoạch quản lý liên quan hoàn tất.

Hình 4. Bản đồ các khu rừng đặc dụng và địa bàn dự án

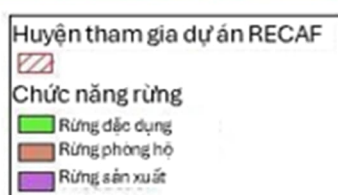
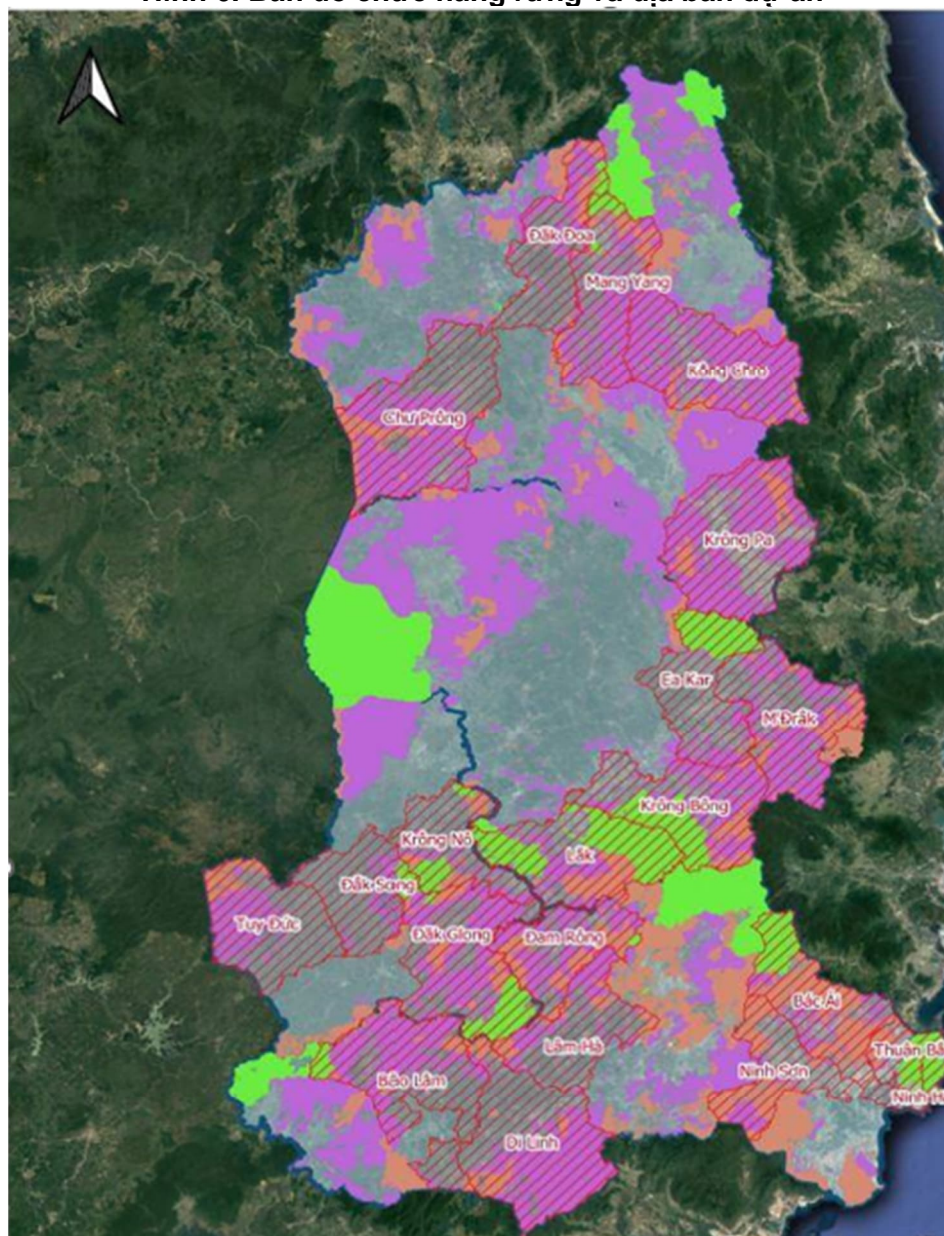


Hình 5. Bản đồ các khu bảo tồn và địa bàn dự án



Huyện tham gia dự án RECAF	
Khu vực được bảo vệ	
	Địa điểm văn hóa – lịch sử
	Rừng quốc gia
	Khu bảo tồn thiên nhiên
	Khu dự trữ sinh quyển UNESCO-MAB

Hình 6. Bản đồ chức năng rừng và địa bàn dự án



Khí hậu:

60. **Bối cảnh khí hậu:** WB xếp Việt Nam vào danh sách năm quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH.¹⁴Trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam đã tăng khoảng 0,5-0,7°C. Tốc độ tăng nhanh hơn ở các tỉnh dự án là 0,9-1,0°C. Nhiệt độ dự kiến tăng trong

¹⁴ Ngân hàng Thế giới, 2018. Bước tiến mới: Giảm nghèo và thịnh vượng chung ở Việt Nam. Báo cáo cập nhật năm 2018.

khoảng từ 1,0°C đến 3,4°C vào năm 2080-2099 so với mức cơ sở trong giai đoạn 1986 – 2005. Các dự báo cho địa bàn dự án cho thấy xu hướng tăng rõ ràng về nhiệt độ trung bình, nhiệt độ tối đa, ngày khô và ngày cực nóng. Các dự báo về lượng mưa hàng năm không cho thấy một mô hình rõ ràng cho địa bàn dự án. Các sự kiện khí hậu cực đoan đã tăng về tần suất và cường độ,¹⁵ và hạn hán là một mối nguy hiểm khí hậu quan trọng, đặc biệt là ở khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung bộ. Hạn hán nghiêm trọng năm 2015-2017 ở các khu vực duyên hải này đã gây ra thiệt hại đáng kể về mùa màng, ảnh hưởng đến 175.000 ha, chiếm khoảng 9% tổng diện tích cây trồng ở bốn tỉnh Tây Nguyên¹⁶. Do phần lớn dân số và tài sản kinh tế của Việt Nam (bao gồm cả nông nghiệp tưới tiêu) nằm ở vùng đất thấp ven biển và đồng bằng châu thổ, đồng thời vùng nông thôn phải đối mặt với vấn đề đói nghèo nên BĐKH ước tính sẽ giảm thu nhập quốc dân tới 3,5% vào năm 2050. Khu vực mục tiêu của dự án nằm ở hai vùng: Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

61. Tây Nguyên bao gồm năm tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng và Kon Tum. Địa bàn dự án gồm tất cả các tỉnh trên, ngoại trừ Kon Tum. Về địa hình, khu vực này là vùng núi và tạo nên phần phía đông của một loạt các cao nguyên liền kề nằm ở độ cao từ 500 m đến 1.500 m so với mực nước biển, mở rộng về phía nam của CHDCND Lào và phía đông bắc của Campuchia.

62. Duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm một thành phố lớn là Đà Nẵng và 07 tỉnh (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận). Tuy nhiên, dự án chỉ chọn tỉnh Ninh Thuận. Khu vực này nằm giữa Biển Đông và vùng núi ở phía tây và sườn dốc dọc theo bờ biển phía đông. Khu vực này có địa hình phức tạp với các vùng đất cao và đất thấp quanh co, rừng, cồn cát và đất đá.

63. Việt Nam có đặc điểm là khí hậu cận nhiệt đới ẩm với bốn mùa riêng biệt (Xuân, Hạ, Thu, Đông) ở phía Bắc; và khí hậu xavan nhiệt đới chỉ có hai mùa (khô và ẩm) ở phía Nam. Toàn bộ Việt Nam đều chịu ảnh hưởng của gió mùa hàng năm. Mùa mưa tương ứng với hoàn lưu gió mùa, mang lại lượng mưa lớn ở phía bắc và phía nam từ tháng 5 đến tháng 10 và ở miền trung từ tháng 9 đến tháng 1. Khí hậu Việt Nam cũng chịu tác động của El Niño– Dao động phương Nam (ENSO), tác động đến hoàn lưu gió mùa và thúc đẩy các thay đổi phức tạp về lượng mưa và nhiệt độ, thay đổi theo không gian ở cấp tỉnh. Trong những năm El Niño, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu đi và các vùng miền Trung và Nam Việt Nam phải đối mặt với lượng mưa ít hơn bình thường từ 10 đến 30% và nguy cơ hạn hán tăng lên. Ngược lại, trong những năm La Niña, gió mùa Đông Bắc mạnh lên và tổng lượng mưa cho cùng một khu vực tăng khoảng 10% so với bình thường, làm tăng nguy cơ lũ lụt và lở đất. Các sự kiện El Niño vào năm 1982-1983 và 1997-1998 cực kỳ mạnh và gây ra những tác động nghiêm trọng đến các lĩnh vực môi trường và kinh tế xã hội của Việt Nam. Tây Nguyên là một trong những vùng nhạy cảm nhất với hiệu ứng El Niño, thường dẫn đến hạn hán nghiêm trọng trong mùa khô.

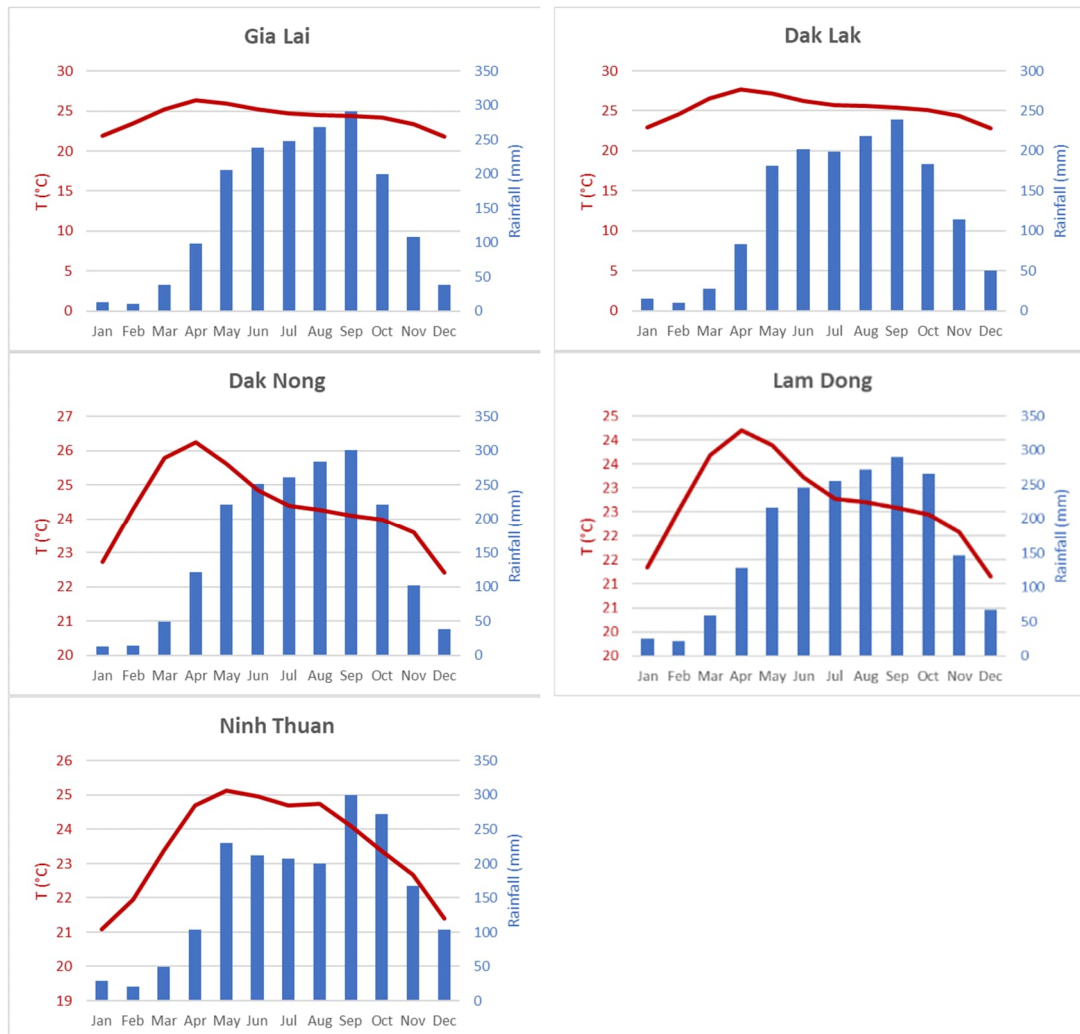
64. Cả Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ đều nằm trong vùng khí hậu xavan nhiệt đới nhưng có một số vùng khí hậu phụ cực bộ do địa hình đa dạng: vùng cao hoặc miền núi thường ẩm ướt hơn, vùng đất thấp và ven biển khô hơn, còn vùng cao nguyên nằm ở giữa.

65. Lượng mưa hàng năm ở **Tây Nguyên** dao động từ 1.400 mm đến 2.000 mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa lớn nhất vào tháng 8. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3, lượng mưa dưới 50 mm. Nhiệt độ trung bình của tháng ẩm nhất dao động từ 24 đến 28°C, nhiệt độ của tháng lạnh nhất là 21°C, nhiệt độ tuyệt đối thấp nhất từ 3 đến 9°C. Gió mạnh xảy ra trên đồng bằng, với tốc độ gió trung bình 1,5-3,5 m/s.

¹⁵ https://www4.unfccc.int/sites/ndcstaging/PublishedDocuments/Viet%20Nam%20First/VIET_NAM%27S%20INDC.pdf

¹⁶ JICA 2018. Khảo sát thu thập số liệu về quản lý tài nguyên thiên nhiên nước khu vực Tây Nguyên

66. Lượng mưa hàng năm ở **Duyên hải Nam Trung Bộ** dao động từ 700 đến 800mm ở vùng đất thấp đến 1.300mm ở vùng đất cao, với 90% lượng mưa được cung cấp trong mùa mưa. Mùa mưa chính là từ tháng 8 đến tháng 12, với lượng mưa tối đa vào tháng 10. Phần phía nam của khu vực - nơi có Ninh Thuận - là một trong những nơi khô hạn nhất ở Việt Nam. Lượng mưa trung bình hàng tháng trong mùa mưa là khoảng 200-350mm. Nhiệt độ không khí trung bình là từ 22°C đến 26°C, với nhiệt độ cao nhất vào tháng 4 và tháng 5, từ 26°C đến 28°C. Xem bên dưới để biết xu hướng lịch sử trong các địa bàn dự án.



Đặc điểm kinh tế xã hội/ DTTS/ giới

67. **Giới:** Mặc dù có cam kết mạnh mẽ trong việc thiết lập khung pháp lý, với Luật Bình đẳng giới là văn bản pháp lý quan trọng có ảnh hưởng xuyên suốt nhiều lĩnh vực, vấn đề giới vẫn chưa được lồng ghép một cách có hệ thống vào các luật và chính sách liên quan đến nông nghiệp, an ninh lương thực và dinh dưỡng, cũng như các chỉ số liên quan chưa được phân tách theo giới tính. Ở cấp độ toàn cầu, Việt Nam được xếp hạng 87 (trong số 156 quốc gia) vào năm 2021 về Chỉ số khoảng cách giới toàn cầu. Việt Nam được xếp hạng 26 (từ vị trí 31 vào năm 2020) về Cơ hội và Tham gia Kinh tế, nhưng xếp hạng 94 (từ vị trí 93 vào năm 2020) về Thành tích Giáo dục, thứ 152 (từ vị trí 151 vào năm 2020) về Sức khỏe và Sự sống còn và thứ 121 về Trao quyền Chính trị (Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu của WEF năm 2021). Ở cấp độ khu vực (Đông Á và Thái Bình Dương), Việt Nam được xếp hạng

9 về Chỉ số khoảng cách giới. Ở cấp độ quốc gia, mặc dù đã có sự cải thiện ở cấp độ chính sách và hành động trong những thập kỷ qua, nhưng khoảng cách giới vẫn tồn tại vì nhiều lý do khác nhau, trong đó định kiến giới và khuôn mẫu xã hội là một trong những lý do chính (UNDP 2018).

68. **Khuôn mẫu xã hội** đóng vai trò là cơ chế điều chỉnh xung đột trong nhóm, ngay cả trong trường hợp không có cơ quan quản lý (Axelrod 1983). Việc mọi người có tuân thủ khuôn mẫu hay không sẽ phụ thuộc rất nhiều vào hai loại kỳ vọng: kỳ vọng dựa trên kinh nghiệm và kỳ vọng dựa trên khuôn mẫu. Nghĩa là các cá nhân thường có xu hướng tuân thủ các khuôn mẫu xã hội có điều kiện đối với cả hai loại kỳ vọng (Bicchieri 2006). Khuôn mẫu xã hội/ khuôn mẫu giới góp phần định hình hành vi. Ở Việt Nam có một số khuôn mẫu xã hội phổ biến như: nam giới là người lãnh đạo, người ra quyết định và người chấp nhận rủi ro. Những khuôn mẫu này hạn chế khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với một số loại hình công việc, vai trò được mong đợi và khả năng ra quyết định trong gia đình của họ. Ngoài ra, thái độ gia trưởng và định kiến giới ăn sâu bén rễ về trách nhiệm và vai trò của phụ nữ và nam giới trong gia đình và trong xã hội dẫn đến vai trò phụ thuộc của phụ nữ (UNDP 2018). Nhìn chung, phụ nữ chịu trách nhiệm làm việc nhà và chăm sóc trong gia đình. Tương tự như vậy, trẻ em gái thường tham gia làm việc nhà nhiều hơn trẻ em trai. Do trách nhiệm làm việc nhà của phụ nữ, phụ nữ từ 25 tuổi trở lên có xu hướng chọn công việc gần nhà để có thể đảm nhận việc chăm sóc gia đình và nội trợ (ISDS 2015).

69. **Lực lượng lao động:** Dân số thành thị ước tính là 33.122.548 người (chiếm 34,4% tổng dân số) so với dân số nông thôn là 63.086.436 người (65,6%) vào năm 2019 (Tổng cục Thống kê 2019). Với dân số tăng trong ba thập kỷ qua (1990-2020), lực lượng lao động của Việt Nam đã tăng đều đặn trong cùng kỳ. Nó đạt đỉnh vào năm 2019 với 57.307.619 người trước khi giảm xuống còn 56.542.377 người vào năm 2020 do COVID-19 (WB, ILO 2021). Trong cùng kỳ (1990-2020), tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (% dân số nữ trong độ tuổi 15-64) giảm đều đặn từ năm 1990 đến năm 2010 nhưng đã đảo ngược đáng kể từ năm 2010 đến năm 2019 trong đợt bùng phát COVID-19. Nhận thấy trong giai đoạn 2016-2019, trong khi lực lượng lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng nhẹ thì lực lượng lao động tham gia vào khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản lại giảm. Thu nhập bình quân tháng của người lao động hưởng lương có xu hướng tăng qua các năm, trong đó mức lương của nữ thấp hơn nam (cả ở khu vực thành thị và nông thôn). Nhận thấy tỷ lệ lao động gia đình không hưởng lương cao hơn ở nữ.

70. **Phân chia lao động:** Trong nông lâm nghiệp, phụ nữ tham gia vào hầu hết các hoạt động sản xuất, từ gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch cây trồng. Họ cũng quản lý thu nhập - chi tiêu và chịu trách nhiệm bán sản phẩm. Mặt khác, nam giới chủ yếu tham gia vào việc làm đất và phun thuốc trừ sâu, thường được coi là việc nặng về thể chất (ISDS 2015). Sự phân công lao động, bắt nguồn từ các khuôn mẫu xã hội và vai trò của nam giới và phụ nữ liên quan đến sức khỏe thể chất của họ, ảnh hưởng đến cách họ tiếp cận các nguồn lực cần thiết để sản xuất/tao thu nhập và ra quyết định. FAO (2019) phát hiện ra rằng bất bình đẳng giới thể hiện rõ trong nông nghiệp, thực phẩm và dinh dưỡng, bao gồm cả việc tiếp cận các nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp như đất đai, công nghệ, đào tạo, tài chính và thị trường, và các dịch vụ khuyến nông mặc dù sự phân chia lao động giữa nam và nữ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản rất cao - 75,8% phụ nữ so với 69,3% nam giới chỉ riêng trong năm 2019. Về quyền sở hữu đất đai, phụ nữ có quyền tiếp cận đất đai hạn chế do các tập tục thừa kế dựa trên quan hệ ruột thịt. Những phụ nữ dễ bị tổn thương nhất là những người phụ nữ thuộc các chế độ phụ hệ và những người sống ở các vùng nông thôn và miền núi.

71. **Nguồn thu nhập:** Ở Tây Nguyên, tỷ lệ các xã có thu nhập chính bình quân (2008-2018) cao nhất là từ nông nghiệp (100%), tiếp theo là bán buôn và bán lẻ (86,6%), dịch vụ khác (44,5%), lâm nghiệp (khoảng 23%), công nghiệp (17,8%). Đáng chú ý, trong khi nông

nghiệp vẫn ổn định (100%) trong giai đoạn 2008-2018 thì lâm nghiệp giảm nhẹ so với cùng kỳ trong khi thủy sản tăng nhẹ.

72. **Phụ nữ tham chính:** Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) năm 2021, mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ, Việt Nam vẫn cần cải thiện bình đẳng giới trong chính trị vì mới chỉ có 11,3% khoảng cách về trao quyền chính trị được thu hẹp, tiếp tục giảm kể từ năm 2020 (-1 điểm%). Mặc dù 26,7% đại biểu quốc hội là phụ nữ nhưng cho đến nay vẫn chưa có nữ bộ trưởng và chưa bao giờ có nguyên thủ quốc gia là phụ nữ.

73. **Truyền thống của các DTTS:** Tổ chức cộng đồng và quan hệ ruột thịt là những khía cạnh quan trọng đặc trưng cho các đặc điểm văn hóa chính của các nhóm dân tộc ở Việt Nam. Tổ chức cộng đồng thông qua chế độ mẫu hệ hoặc phụ hệ là nền tảng truyền thống ảnh hưởng đến phong tục và tập quán hôn nhân giữa các nhóm dân tộc ở Việt Nam. Điều này cũng ảnh hưởng đến cách nam giới và phụ nữ tiếp cận tài sản, thực hiện quyền và ra quyết định đối với việc sử dụng quyền tiếp cận đó, cũng như phân công lao động. Phong tục và thói quen địa phương ảnh hưởng đến các giá trị xã hội và văn hóa, và hành vi của các thành viên trong mỗi nhóm dân tộc, đặc biệt là trong lĩnh vực sở hữu tài sản, thừa kế, hôn nhân.

74. Đối với một số nhóm dân tộc ở Việt Nam, chế độ mẫu hệ trong lịch sử được đặc trưng bởi một xã hội mà phụ nữ có nhiều quyền lực và kiểm soát hơn đối với các nguồn lực. Họ là người cầu hôn. Ví dụ, người Ê-đê, K'ho, M'nông, Chăm, Raglay nổi tiếng với chế độ mẫu hệ và những tập tục hôn nhân này rất phổ biến trong cộng đồng của họ. Ví dụ, phụ nữ K'ho và Chăm là những người cầu hôn. Sau khi cưới, chồng họ sẽ về ở tại gia đình của họ (ở rể). Phụ nữ có quyền kiểm soát tài sản gia đình cũng như các khía cạnh khác. Nếu ly hôn, người chồng sẽ rời khỏi gia đình mà không có gì. Khi người nam giới qua đời, anh ta sẽ được chôn cất tại quê mẹ của anh ta. Đối với một số nhóm dân tộc, về mặt thừa kế, tài sản cũng được truyền lại cho phụ nữ. Ví dụ, đối với người Raglay, nếu người chồng qua đời, tài sản của anh ta như công cụ và trang thiết bị sẽ được trả lại cho mẹ anh ta hoặc cho chị em gái của anh ta nếu mẹ anh ta đã mất. Sự sắp xếp xã hội này thường bắt nguồn từ thực tế rằng phụ nữ là người nuôi dạy con cái của họ. Họ cũng chăm sóc con cái và công việc gia đình trong khi nam giới thường đảm nhiệm các công việc nặng nhọc trên đồng ruộng, bao gồm săn bắn. Do đó, các vấn đề trong gia đình vẫn là trách nhiệm chính của phụ nữ, thường là đối với các nhóm dân tộc có chế độ mẫu hệ. Các nhóm mẫu hệ cũng để con cái theo họ của phụ nữ. Chế độ mẫu hệ cũng có ảnh hưởng đến các đặc điểm văn hóa như kiến trúc, điêu khắc, dệt và trang trí trong nền văn hóa của họ.

75. Di sản văn hóa: Địa bàn dự án bao gồm một số yếu tố được ghi vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO. Trong số những yếu tố đó có thể kể đến: không gian văn hóa công cộng Tây Nguyên của Việt Nam (từ năm 2008), nghệ thuật Bài Chòi ở miền Trung Việt Nam (từ năm 2017), nghệ thuật làm gốm của người Chăm (từ năm 2022). Do đó, thay vì các di tích và công trình kiến trúc, các di sản văn hóa chính trong địa bàn dự án là các loại hình làng truyền thống không chỉ là nơi cư trú có chức năng mà còn là đơn vị văn hóa xã hội góp phần quyết định lối sống, các loại hình nghệ thuật và các khuôn mẫu ứng xử đa dạng của cư dân DTTS.

76. **Quyền sử dụng đất:** Tại Việt Nam, Luật Đất đai năm 2013 quy định rằng: Trong trường hợp quyền sử dụng đất, hoặc quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi họ tên đầy đủ của cả vợ và chồng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người trên giấy chứng nhận đó. Nếu cần, có thể cập nhật giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó để ghi tên cả vợ và chồng nếu đất là tài sản chung của vợ và chồng. Mặc dù số lượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp

và đất ở chỉ đứng tên phụ nữ hoặc đứng tên cả nam giới và phụ nữ đã tăng lên kể từ đầu những năm 2002 nhưng số lượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải đất ở có đứng tên người vợ lại thấp nhất trong các nhóm DTTS thực hành chế độ kế thừa theo dòng dõi phụ hệ (UNDP 2013).

4.2 Đánh giá các rủi ro và tác động tiềm tàng của dự án

77. **Tác động tích cực về mặt MTXH:** Nhìn chung dự án sẽ mang lại các tác động tích cực, bao gồm (nhưng không giới hạn) những lợi ích chính sau

- **Ở cấp độ cộng đồng:**
 - **Tiếp cận tri thức canh tác bền vững** (thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn canh tác không gây mất rừng, thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Đây là các mô hình/ tiêu chuẩn nhạy cảm giới và thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ; các thực hành dựa trên chế phẩm sinh học và LEISA được đưa vào để cải thiện sức khỏe và năng suất đất.
 - **Nâng cao kiến thức và năng lực** (kiến thức, quản lý, lãnh đạo và tăng cường sự tự tin – đặc biệt là của phụ nữ – khi khởi nghiệp)
 - **Cải thiện sức khỏe đất, đa dạng hóa phương thức canh tác và cảnh quan**, từ đó tăng năng suất cây trồng và vật nuôi và thúc đẩy tích hợp quản lý môi trường. Cộng đồng địa phương sẽ có kiến thức và hiểu biết sâu sắc hơn về các loại đất/ các môi trường sống nhỏ (microhabitats) tại địa phương và do đó có thể đóng góp vào các biện pháp can thiệp hiệu quả.
 - **Tiếp cận cơ sở hạ tầng** để cải thiện hiệu quả sản xuất nông nghiệp và thúc đẩy áp dụng chuỗi cung ứng không gây mất rừng và giúp giảm bớt công việc nặng nhọc.
 - **Tiếp cận tín dụng và vay vốn** dành cho những nông hộ nhỏ muốn áp dụng các biện pháp canh tác thông minh thích ứng với BĐKH.
 - **Tạo ra thu nhập và cơ hội phát triển kinh doanh thông qua cơ hội việc làm** (trang trại và phi trang trại) dành cho cả nam giới và phụ nữ.
 - **Cơ hội phát triển việc làm và kỹ năng cho thanh niên** (đặc biệt là người yếu thế) gồm thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, chương trình tập huấn tại chỗ và học nghề.
 - **Cơ hội kết nối và thăng tiến** thông qua việc tham gia vào các nhóm lâm nghiệp và nông dân (hỗ trợ và học hỏi lẫn nhau), trở thành đối tác kinh doanh với khu vực tư nhân và/hoặc tham gia vào nhóm tiết kiệm/tín dụng để hỗ trợ lẫn nhau/quan hệ đối tác kinh doanh (bao gồm tổ chức tài chính vi mô /Quỹ phát triển phụ nữ, hiện có ở Đắk Nông và Ninh Thuận, sẽ được nhân rộng).
 - **Hỗ trợ bình đẳng giới về mặt cải thiện sự tham gia của nam giới và phụ nữ** trong việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án (M&E).
 - **Tăng cường công nhân các thực hành truyền thống của các cộng đồng DTTS** và đưa các thực hành này vào các kế hoạch QLRCĐ
- **Ở cấp tỉnh và cấp quốc gia:**
 - **Lồng ghép REDD+** vào Kế hoạch Phát triển KT-XH của Chính phủ Việt Nam;
 - **Đóng góp vào việc giảm phát thải** ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam (hỗ trợ các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về REDD+);
 - **Cải thiện các nỗ lực quản lý và theo dõi giảm thiểu BĐKH và bảo vệ rừng**

78. **Tác động tiêu cực và rủi ro vốn có tiềm ẩn của dự án:** Biện pháp bảo vệ đối với RECAF được phân loại ở mức trung bình đối với cả tác động và rủi ro về mặt MTXH. Việc

giảm thiểu rủi ro về khí hậu đã được đưa vào thiết kế của dự án thông qua các hoạt động và thông số kỹ thuật của dự án đối với CSHT được tài trợ theo dự án vì dự án nhằm mục tiêu rõ ràng vào việc giảm thiểu và thích ứng với BĐKH theo thiết kế.

79. **Các tác động xã hội quan trọng dự kiến bắt nguồn từ các hoạt động dự án** bao gồm: (i) khả năng mắc các bệnh (ví dụ các bệnh lây truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS, COVID-19 và/hoặc các bệnh truyền nhiễm khác) do dòng lao động đổ vào; (ii) khả năng xung đột với người DTTS địa phương do công nhân xây dựng làm việc và ở gần các cộng đồng DTTS; (iii) khả năng xảy ra tai nạn lao động đối với những người được các công ty xây dựng của dự án thuê để hỗ trợ công việc xây dựng mùa vụ; (iv) bạo lực trên cơ sở giới và/hoặc quấy rối và lạm dụng tình dục (ví dụ như lăng mạ bằng lời nói và hành động, quấy rối tình dục, bạo lực đối với trẻ em) do dòng lao động đổ vào; (v) lao động trẻ em/công việc không phù hợp với độ tuổi, nếu nhà thầu xây dựng thuê người địa phương cho các công trình xây dựng nặng [mặc dù điều này bị cấm theo Bộ luật Lao động hiện hành (2019)]; (vi) lao động cưỡng bức (ví dụ như bị ép làm việc thông qua việc sử dụng bạo lực/đe dọa, hoặc bằng các biện pháp tinh vi hơn như thao túng nợ, giữ lại giấy tờ tùy thân hoặc các mối đe dọa tương tự); (vii) khả năng bị loại trừ khỏi xã hội (do dễ bị tổn thương, các vấn đề về quyền sở hữu đất đai, tình trạng khuyết tật, v.v...); (viii) thiếu hợp đồng lao động đối với người DTTS, đặc biệt là đối với công việc mùa vụ có thời hạn dưới một tháng.

80. Trong bối cảnh của dự án RECAF, lao động cưỡng bức được lường trước có thể sẽ diễn ra dưới hình thức các HGD địa phương gửi trẻ nhỏ và các thành viên trẻ tuổi trong gia đình đến làm việc tại các công trình của dự án (do các nhà thầu địa phương thực hiện) để kiếm thu nhập trả nợ hoặc các mục đích tương tự (Xem chi tiết về rủi ro đối với lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, tai nạn nơi làm việc, vật liệu nổ chưa nổ và cháy rừng tại Phụ lục 16).

81. Các rủi ro xã hội nêu trên được đánh giá là dao động từ thấp đến trung bình vì không có biện pháp thực tế nào đảm bảo tránh được các rủi ro đó một cách hoàn toàn. Tuy nhiên, khi các biện pháp cần thiết được đưa ra và thực hiện hiệu quả, khả năng xảy ra những hậu quả này có thể giảm xuống mức có thể quản lý được. Các biện pháp giảm thiểu được trình bày chi tiết trong Mục 4.3, Bảng 4 của Khung quản lý MTXH này.

82. **Các tác động môi trường chính dự kiến do các hoạt động của dự án:** Dự án dự kiến sẽ có tác động tích cực đáng kể đến môi trường, bao gồm cải thiện các dịch vụ hệ sinh thái, độ phì nhiêu/sức khỏe của đất, sức khỏe của rừng và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Các tác động tiêu cực tiềm tàng đến môi trường dự kiến sẽ nhỏ, giới hạn về thời gian/quy mô và có thể đảo ngược vì chúng liên quan đến CSHT quy mô nhỏ (ví dụ: xây dựng/sửa chữa đường nông thôn quy mô nhỏ, kênh tưới tiêu, hồ chứa quy mô nhỏ, v.v...). Những tác động này có thể bao gồm: (i) xói mòn và nước bề mặt chảy tràn vào các thủy vực trong quá trình đào đắp/xây dựng; (ii) tình trạng tắc nghẽn giao thông tạm thời và các vấn đề an toàn liên quan trong quá trình xây dựng và vận hành; (iii) ô nhiễm tạm thời từ quá trình xây dựng (ví dụ: bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải và nước thải phát sinh từ khu lán trại của công nhân); (iv) ô nhiễm nước tiềm tàng từ nguồn cung cấp cốt liệu/vật liệu xây dựng (đất, sỏi); và (v) tăng mức tiêu thụ nước. Các rủi ro môi trường bổ sung (không liên quan rõ ràng đến các hoạt động xây dựng) bao gồm: (i) sự hiện diện của các vật liệu nổ chưa nổ (UXO) tại các địa bàn dự án (một rủi ro vốn có được liệt kê bên dưới); và (ii) tăng sử dụng thuốc trừ sâu do thâm canh cây trồng/năng suất cây trồng được cải thiện. Dự án này nhằm mục đích giảm nạn phá rừng ở các khu vực xung quanh một số khu bảo tồn/rừng đặc dụng (xem bản đồ trong Mục 4.1) và sẽ tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp, nhưng sẽ không hoạt động trong các rừng đặc dụng và các khu vực rừng nguyên sinh được bảo vệ nghiêm ngặt khác. Dự án sẽ bảo vệ các điểm nóng về ĐDSH của dãy núi Trường Sơn, cũng như ĐDSH nông nghiệp ở các địa bàn dự án. Một đánh giá đầy đủ về ĐDSH hiện đang được thực hiện,

theo đó các hoạt động của dự án sẽ không bắt đầu cho đến khi đánh giá và kế hoạch quản lý liên quan hoàn tất. Tương tự như các rủi ro và tác động xã hội, các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tác động môi trường được nêu chi tiết trong Mục 4.3, Bảng 5 của ESMF này.

83. **Rủi ro vốn có:** Có những rủi ro thường trực liên quan đến sự hiện diện của mìn và vật liệu nổ chưa nổ (UXO) nếu việc xây dựng diễn ra ở những khu vực mới (tức là những khu vực chưa có hoạt động/ CSHT/ công trình xây dựng). Đại dịch COVID-19 toàn cầu cũng gây ra rủi ro vì việc đi lại và/hoặc các hoạt động đòi hỏi tiếp xúc trực tiếp có thể làm tăng tỷ lệ lây truyền nếu những người liên quan không tuân thủ các hướng dẫn về giãn cách xã hội và thiết bị bảo hộ cá nhân khi được chính phủ yêu cầu, tùy thuộc vào tình hình đại dịch tại Việt Nam tại thời điểm triển khai dự án. Các rủi ro vốn có được giải quyết bằng các tác động liên quan đến dự án theo Mục 4.3.

4.3 Biện pháp giảm thiểu được đề xuất

84. **Các biện pháp giảm thiểu về mặt xã hội:** Để giảm thiểu các vấn đề liên quan đến loại trừ xã hội và xung đột về sử dụng đất/ quyền sở hữu đất/ quản lý đất đai, các tài liệu liên quan như Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP), Kế hoạch dành cho người DTTS (IPP) và Kế hoạch hành động và đánh giá giới (GAP) đã được xây dựng để bổ sung cho ESMF này và cải thiện thiết kế tổng thể của dự án. Ngoài ra, dự án cũng đã chuẩn bị tài liệu về Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) cho bất kỳ người nào bị ảnh hưởng bởi dự án cảm thấy họ đã bị tác động tiêu cực hoặc bị loại trừ và được nêu chi tiết trong Chương IX của ESMF này. Bảng 4 cung cấp tổng quan về các rủi ro và tác động xã hội dự kiến và các biện pháp giảm thiểu liên quan.

Bảng 4. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tác động xã hội (Hiện hữu từ trước và do dự án gây ra)

Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp phòng tránh/giảm thiểu rủi ro
SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN	
<ul style="list-style-type: none"> • Nguy cơ lây truyền dịch bệnh cho người DTTS ở địa phương do dòng lao động đổ về và do thay đổi mùa (bệnh đặc hữu). 	<ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu nhà thầu xác định rủi ro về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp và triển khai các biện pháp khắc phục nếu không tuân thủ, và đưa các yêu cầu này vào tất cả các tài liệu mua sắm của Ban quản lý dự án. • Thường xuyên thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức – theo chương trình Thông tin, Giáo dục và Truyền thông (IEC) hàng năm của dự án.
<ul style="list-style-type: none"> • Nguy cơ xung đột giữa người DTTS ở địa phương và lao động nhập cư 	<ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu nhà thầu xây dựng Bộ quy tắc ứng xử khi làm việc trong vùng DTTS, bao gồm quy trình tuyển dụng người DTTS địa phương, và đưa các yêu cầu này vào hồ sơ đấu thầu. • Tất cả công nhân làm việc cho nhà thầu phải được tập huấn về Bộ quy tắc ứng xử và phải ký Bộ quy tắc ứng xử trước khi bắt đầu công việc của dự án.
<ul style="list-style-type: none"> • Nguy cơ xảy ra tai nạn lao động với những người làm việc cho các công ty xây dựng theo hợp đồng dự án, 	<ul style="list-style-type: none"> • Lập kế hoạch quản lý lao động trong năm đầu tiên của dự án và trước khi thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng/thâm dụng nhiều lao động.

Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp phòng tránh/giảm thiểu rủi ro
đặc biệt là những người dễ bị tổn thương	<ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu nhà thầu xác định rủi ro về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp và triển khai các biện pháp khắc phục trong trường hợp không tuân thủ, và đưa các yêu cầu này vào tất cả các tài liệu mua sắm của Ban quản lý dự án. • Yêu cầu tất cả các nhà thầu triển khai tập huấn về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, và thúc đẩy áp dụng các thực hành tốt về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp trước khi cho công nhân làm việc ở công trường xây dựng. • Khi cần thiết, dựa trên đánh giá rủi ro ở cấp hoạt động, yêu cầu nhà thầu có cán bộ chuyên trách có trình độ về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp để phụ trách các vấn đề liên quan, bao gồm tập huấn cho công nhân, giám sát rủi ro An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp và đề xuất các biện pháp phòng ngừa cập nhật.
GIỚI & LOẠI TRỪ XÃ HỘI	
<ul style="list-style-type: none"> • Bạo lực trên cơ sở giới (ví dụ như lăng mạ bằng lời nói và thể xác, quấy rối tình dục, bạo lực đối với trẻ em...) do dòng lao động nhập cư. 	<ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu ngăn ngừa bạo lực trên cơ sở giới (BLG), lạm dụng và quấy rối tình dục sẽ được đưa vào các tài liệu đấu thầu và tất cả các hợp đồng mà BQLDA trao cho tất cả các nhà thầu dự án. • Tất cả các nhà thầu sẽ được yêu cầu soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử để phòng ngừa BLG bằng cách sử dụng hướng dẫn quốc gia về phòng ngừa BLG. • Tất cả công nhân của các nhà thầu dự án đều phải ký vào bộ quy tắc ứng xử, bao gồm các điều khoản nhằm ngăn ngừa Bạo lực giới, Lạm dụng tình dục và Quấy rối tình dục. • Ở nhà, phụ nữ thuộc nhóm mẫu hệ được khuyến khích tham gia các hoạt động của dự án nhằm trao quyền cho họ trong các hoạt động tạo thu nhập và ra quyết định - cả ở cấp độ gia đình và cộng đồng.
<ul style="list-style-type: none"> • Loại trừ xã hội (do tình trạng dễ bị tổn thương, vấn đề sở hữu đất đai, tình trạng khuyết tật, v.v...) 	<ul style="list-style-type: none"> • Trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, đại diện của các HGDĐ được phân loại là những HGDĐ thường bị loại trừ (ví dụ do tình trạng dễ bị tổn thương, vấn đề về quyền sử dụng đất, giới tính/ tình trạng khuyết tật/ tuổi tác) sẽ được tham vấn để đảm bảo rằng: (i) họ nhận được các lợi ích kinh tế xã hội từ khoản đầu tư của dự án phù hợp với văn hóa của họ; và (ii) không bị ảnh hưởng bất lợi do bất kỳ hoạt động nào của dự án. • Để thúc đẩy sự tham gia đầy đủ của nhóm này, dự án sẽ cố gắng hết sức để tham vấn các nhóm DTTS bằng ngôn ngữ của họ, tuân thủ các nguyên tắc FPIC
LẬP QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT	

Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp phòng tránh/giảm thiểu rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Những người không có quyền sở hữu đất đai chính thức trong quá trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất có thể bị loại trừ 	<ul style="list-style-type: none"> Dự án sẽ áp dụng phương pháp lập bản đồ, lập quy hoạch và quản lý sử dụng đất có sự tham gia để tránh các rủi ro liên quan đến loại trừ xã hội và hướng tới việc công nhận quyền sử dụng đất cho những người thường bị loại trừ khỏi quá trình này. Điều này sẽ đặc biệt phù hợp với các cộng đồng DTTS, trong đó việc lập kế hoạch đóng vai trò là cơ hội để kết hợp kiến thức sinh thái truyền thống và các hoạt động DTTS vào việc quản lý cộng đồng đối với các khu rừng/đất liên quan.
<ul style="list-style-type: none"> Việc sử dụng đất dựa trên các hoạt động xây dựng quy mô nhỏ có thể bị gián đoạn tạm thời 	<ul style="list-style-type: none"> Dự án sẽ loại trừ bất kỳ hoạt động nào liên quan đến cưỡng chế di dời. Thay vào đó, dự án sẽ tuân thủ các nguyên tắc của Hướng dẫn tự nguyện về quản trị có trách nhiệm quyền sở hữu đất đai, ngư trường và rừng trong bối cảnh an ninh lương thực quốc gia (VGGT) và Hiến Đất Tự nguyện để đảm bảo rằng đất được sử dụng cho các hoạt động xây dựng không làm gián đoạn phúc lợi vật chất và/hoặc kinh tế của những người thụ hưởng dự án (Xem Phụ lục 17 để biết Thủ tục hiến tặng tự nguyện).
LAO ĐỘNG	
<ul style="list-style-type: none"> Lao động trẻ em (nhà thầu xây dựng thuê trẻ em DTTS dưới 18 tuổi thực hiện các công việc xây dựng nặng nhọc bị cấm theo Bộ luật) 	<ul style="list-style-type: none"> Theo danh sách loại trừ, tất cả nhà thầu tham gia dự án không thuê trẻ em dưới 18 tuổi làm việc tại các công trình xây dựng Tất cả hợp đồng giữa Ban quản lý dự án và nhà thầu sẽ có các điều khoản yêu cầu tuân thủ độ tuổi tối thiểu của lao động, bao gồm cả chế tài nếu không tuân thủ. Yêu cầu nhà thầu duy trì sổ đăng ký lao động cho tất cả các công nhân theo hợp đồng, đính kèm các tài liệu hỗ trợ xác nhận độ tuổi của công nhân.
<ul style="list-style-type: none"> Lao động cưỡng bức 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức – theo chương trình Thông tin, Giáo dục và Truyền thông (IEC) hàng năm của dự án.
<ul style="list-style-type: none"> Không ký hợp đồng lao động với người DTTS, đặc biệt là với các công việc mùa vụ có thời hạn dưới một tháng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhằm đảm bảo người DTTS lao động thời vụ với thời hạn làm việc dưới một tháng không gặp bất kỳ rủi ro nào, đặc biệt là rủi ro liên quan đến An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, điều kiện làm việc và thanh toán, yêu cầu tất cả các nhà thầu ký hợp đồng với tất cả lao động thời vụ là người DTTS giống với lao động có thời hạn làm việc dài hơn một tháng. Điều này nhằm bảo vệ lao động thời vụ là người DTTS khỏi những rủi ro nêu trên do không có hợp đồng lao động.
DI SẢN VĂN HÓA	

Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp phòng tránh/giảm thiểu rủi ro
Các di sản văn hóa bị ảnh hưởng bởi hoạt động xây dựng	Trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động xây dựng nào, việc sử dụng bảng kiểm loại trừ sẽ đảm bảo rằng không có di sản văn hóa nào bị ảnh hưởng và Quy trình xử lý khi Phát lộ hiện vật (Chance Find Procedure) sẽ được áp dụng (xem Phụ lục 5)

85. **Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và khí hậu:** Rủi ro và tác động môi trường sẽ được quản lý thông qua việc sử dụng Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) cụ thể cho từng địa bàn, và các rủi ro liên quan đến xây dựng cũng sẽ đưa (ngoài ESMP cụ thể cho từng địa bàn) các thực hành xây dựng tốt với việc tuân thủ ESMP vào các thỏa thuận hợp đồng/ đấu thầu của công ty/nhà thầu xây dựng. Tất cả các ESMP cụ thể cho từng địa bàn phải tính đến tri thức về lãnh thổ và môi trường của các DTTS bị ảnh hưởng trong khu vực đó. Ngoài ra, vì dự án này nhằm mục đích giảm nạn phá rừng ở các khu vực xung quanh một số khu bảo tồn/rừng đặc dụng (xem bản đồ trong Mục 4.1) và sẽ tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp nên dự án sẽ không được thực hiện trong các rừng đặc dụng và các khu rừng nguyên sinh được bảo vệ nghiêm ngặt khác. Dự án sẽ bảo vệ các điểm nóng về ĐDSH của dãy núi Trường Sơn, cũng như ĐDSH nông nghiệp tại địa phương. Một đánh giá đầy đủ về ĐDSH hiện đang được tiến hành, theo đó các hoạt động của dự án sẽ không bắt đầu cho đến khi đánh giá và kế hoạch quản lý liên quan hoàn tất. Để tăng cường khả năng phục hồi khí hậu của dự án, Khung Quản lý Môi trường Xã hội và Khí hậu (ESCMF) khuyến nghị tiến hành Đánh giá Thích ứng có mục tiêu trong giai đoạn triển khai ban đầu. Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất đối với các rủi ro và tác động môi trường, cả những rủi ro vốn có trong địa bàn dự án và những rủi ro cụ thể đối với các hoạt động của dự án, được trình bày chi tiết trong Bảng 5.

Bảng 5. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tác động về môi trường/khí hậu (Hiện hữu từ trước và do dự án gây ra)

Rủi ro tiềm ẩn	Các biện pháp cần thực hiện để tránh/giảm thiểu những rủi ro như vậy
<i>BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC (ĐDSH)</i>	
<ul style="list-style-type: none"> Xâm phạm các khu vực rừng được bảo vệ 	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro này đang được giảm thiểu trực tiếp thông qua thiết kế dự án, như một trong những rủi ro vốn có của địa bàn dự án mà dự án hướng đến giải quyết. Cụ thể, các cộng đồng địa phương sẽ được cung cấp các cơ hội quản lý rừng cộng đồng, theo đó tôn trọng và khuyến khích ĐDSH và sức khỏe rừng thông qua các chuỗi giá trị không gây mất rừng (đặc biệt là theo Hợp phần 2, Hoạt động 2.1, 2.2 và 2.3). Dự án nhằm mục đích giảm nạn phá rừng ở các khu vực xung quanh một số khu bảo tồn/rừng đặc dụng (xem bản đồ trong Mục 4.1) và sẽ tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp, do đó, dự án sẽ không hoạt động trong các rừng đặc dụng và các khu vực rừng nguyên sinh được bảo vệ nghiêm ngặt khác. Dự án sẽ bảo vệ các điểm nóng về ĐDSH của dãy núi Trường Sơn, cũng như ĐDSH nông nghiệp tại địa phương. Một đánh giá đầy đủ về ĐDSH hiện đang

Rủi ro tiềm ẩn	Các biện pháp cần thực hiện để tránh/giảm thiểu những rủi ro như vậy
	được thực hiện, theo đó các hoạt động của dự án sẽ không bắt đầu cho đến khi đánh giá và kế hoạch quản lý liên quan hoàn tất.
<ul style="list-style-type: none"> Gián đoạn dòng chảy sinh thái (cá di cư, nước) do xây dựng các hồ chứa nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> Trước khi xây dựng và/hoặc triển khai, cần tiến hành đánh giá ĐDSH trong khu vực và sự phụ thuộc của người sử dụng nước ở thượng nguồn/hạ nguồn để xác định những trường hợp cần đưa thang cá vào và/hoặc cần tham vấn cộng đồng về những thay đổi về thời gian và dòng chảy của nước.
HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM	
<ul style="list-style-type: none"> Xói mòn và dòng chảy tràn vào các vùng nước trong quá trình đào đất và xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> Các ESMP cụ thể cho từng địa bàn - hoặc Bộ quy tắc thực hành về môi trường (ECOP) - sẽ bao gồm các hướng dẫn quản lý nước và nước thải, bao gồm các biện pháp can thiệp để chuyển hướng hoặc làm chậm dòng chảy của nước (giảm xói mòn) và các hợp đồng xây dựng sẽ bao gồm các điều khoản về tuân thủ biện pháp bảo vệ (đặc biệt là việc phát triển và thực hiện các ESMP liên quan)
<ul style="list-style-type: none"> Ô nhiễm tạm thời từ hoạt động xây dựng; cụ thể: bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải và nước thải phát sinh từ khu lán trại của công nhân, v.v... 	<ul style="list-style-type: none"> ESMP (hoặc ECOP) phải bao gồm một phần về quản lý chất thải (cũng như các hướng dẫn quản lý nước và nước thải) để giảm thiểu sản xuất chất thải và đảm bảo xử lý hiệu quả và an toàn để chuyển giao đúng cách và cuối cùng là thải bỏ. ESMP (hoặc ECOP) cũng sẽ bao gồm các biện pháp giảm thiểu cho các mối quan tâm cụ thể của địa điểm, ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> thỉnh thoảng phun nước vào khu vực đó để giảm bụi; <input type="checkbox"/> hạn chế giờ xây dựng để giảm tiếng ồn và/hoặc rung động bất lợi mà cộng đồng lân cận phải chịu <input type="checkbox"/> hướng dẫn quản lý chất thải & quản lý nước/nước thải
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng gây ô nhiễm nước từ nguồn cung cấp cốt liệu và vật liệu xây dựng như đất và sỏi 	<ul style="list-style-type: none"> Nếu có thể, hãy sử dụng hàng rào chắn bùn hoặc túi lọc để kiểm soát trầm tích và giảm ô nhiễm nước. Xác định, trong ESMP (hoặc ECOP) và đề xuất xây dựng các biện pháp để tách và (i) xử lý; hoặc (ii) thải bỏ an toàn nước bị ô nhiễm (ví dụ chuyển đến cơ sở xử lý)
<ul style="list-style-type: none"> Tăng lượng nước tiêu thụ trong quá trình thi công 	<ul style="list-style-type: none"> Trong phần nước/nước thải của ESMP (hoặc ECOP) và đề xuất xây dựng liên quan, hãy nêu rõ nhu cầu về nước dự kiến và kế hoạch cung cấp nước, đồng thời nỗ lực giữ mức tiêu thụ ở mức tối thiểu;

Rủi ro tiềm ẩn	Các biện pháp cần thực hiện để tránh/giảm thiểu những rủi ro như vậy
	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao nhận thức cho công nhân về nhu cầu tiết kiệm nước khi có thể và quản lý nước tiết kiệm trong các hoạt động xây dựng
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng tăng sử dụng thuốc trừ sâu 	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro sử dụng thuốc trừ sâu nhiều hơn sẽ được giảm thiểu thông qua chương trình đào tạo của dự án cho nông dân về sản xuất tốt/Thực hành nông nghiệp tốt và sử dụng quản lý dịch hại tổng hợp (giúp cải thiện giá thị trường của sản phẩm trên thị trường)
SỨC KHỎE & AN TOÀN CỘNG ĐỒNG	
<ul style="list-style-type: none"> Sự hiện diện của các loại bom mìn chưa nổ (UXO) tại các địa bàn dự án (chủ yếu là các công trường xây dựng, nhưng có thể bao gồm bất kỳ khu vực nào không thường xuyên đi qua) 	<ul style="list-style-type: none"> Đối với UXO, nói riêng, việc xác định và loại bỏ (nếu có) sẽ được các chuyên gia thực hiện như một phần của quá trình dọn dẹp mặt bằng trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động nào tại các địa bàn dự án. Rủi ro an toàn liên quan đến UXO được coi là thấp đến trung bình, vì hầu hết các công trình sẽ không được xây dựng trên vùng đất chưa được khai thác/chưa phát triển trước đó; tuy nhiên, đánh giá rủi ro UXO sẽ được tiến hành cho tất cả các địa điểm xây dựng mà UXO được coi là mối nguy hiểm tiềm tàng và việc rà phá UXO (nếu cần) sẽ được thực hiện bởi các cơ quan có đủ năng lực. Các hoạt động xây dựng sẽ không được phép trước khi rà phá UXO. <ul style="list-style-type: none"> BQLDA tỉnh sẽ tiến hành tham vấn với chính quyền địa phương về địa điểm xây dựng nơi công trình xây dựng bao gồm hoạt động đào đất. Tham vấn nhằm mục đích kiểm tra xem có nguy cơ UXO có tồn tại tại khu vực xây dựng và liệu có nên tiến hành rà phá bom mìn chưa nổ hay không. Nếu chính quyền địa phương khuyến nghị nên tiến hành rà phá, một bên cung cấp dịch vụ rà phá chuyên nghiệp sẽ được thuê để rà soát và dọn sạch UXO nếu tìm thấy UXO tại địa điểm xây dựng. Sau khi rà phá UXO tại khu vực xây dựng, giấy chứng nhận rà phá bom mìn UXO sẽ được cấp bởi dịch vụ chuyên nghiệp trước khi diện tích xây dựng được bàn giao cho nhà thầu thi công.
<ul style="list-style-type: none"> Tình trạng tắc nghẽn giao thông tạm thời và các vấn đề an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> Biển báo rõ ràng sẽ được lắp đặt xung quanh công trường dự án để đảm bảo an toàn, với thời gian thông báo hợp lý (ví dụ: 24 giờ trở lên) dựa trên các

Rủi ro tiềm ẩn	Các biện pháp cần thực hiện để tránh/giảm thiểu những rủi ro như vậy
liên quan trong quá trình xây dựng và vận hành	quy định/yêu cầu của địa phương. Sẽ có đường vòng cho giao thông địa phương.
<ul style="list-style-type: none"> Tăng mức độ tiếp xúc với thuốc trừ sâu nếu việc sử dụng thuốc trừ sâu tăng theo sản lượng tăng 	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro này sẽ được giảm thiểu trực tiếp thông qua các hoạt động của dự án thuộc Hợp phần 2, bao gồm đào tạo về các biện pháp canh tác nông nghiệp tốt như quản lý dịch hại tổng hợp, cũng như (trong trường hợp không thể tránh khỏi việc sử dụng thuốc trừ sâu) cách xử lý, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy thuốc trừ sâu phù hợp.
<ul style="list-style-type: none"> Sự cố của các hồ chứa nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro này sẽ được giảm thiểu thông qua đánh giá MTXH phù hợp trước khi thiết kế và sự tham gia của các kỹ sư thủy lợi giàu kinh nghiệm trong quá trình thiết kế và xây dựng các hồ chứa nước nhỏ được đề xuất, bao gồm cả việc tham khảo hướng dẫn của IFAD về an toàn đập nếu cần.
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro vốn có liên quan đến BĐKH trong địa bàn dự án, gây ra nhiều sự kiện cực đoan hơn, lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn, đặc biệt là tính bền vững và khả năng phục hồi của các hoạt động/can thiệp của dự án (ví dụ: CSHT) 	<ul style="list-style-type: none"> Để giải quyết các vấn đề về rủi ro và tác động do khí hậu gây ra, dự án RECAF được thiết kế để giảm thiểu BĐKH thông qua việc cải thiện quản lý rừng và thích ứng với BĐKH thông qua CSHT chống chịu với khí hậu và các hoạt động nông nghiệp/nông lâm kết hợp. Để thực hiện được điều này, thiết kế CSHT và quản lý rừng/nông lâm kết hợp phải được thông báo theo dự báo khí hậu chứ không chỉ theo nhu cầu trước mắt. Để tăng cường khả năng phục hồi khí hậu của dự án, Khung Quản lý Môi trường, Xã hội và Khí hậu (ESCMF) khuyến nghị tiến hành Đánh giá Thích ứng có mục tiêu trong giai đoạn triển khai ban đầu.

V. QUY TRÌNH RÀ SOÁT, PHÊ DUYỆT VÀ THỰC HIỆN CÁC CÔNG CỤ MTXH CỦA DỰ ÁN CSHT

5.1 Mục tiêu và cách tiếp cận

86. Vì một số hoạt động và chương trình CSHT sẽ được xác định trong quá trình thực hiện nên Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF) này đã được chuẩn bị để áp dụng cho tất cả các chương trình CSHT và hoạt động đầu tư. Mục tiêu chính của quy trình ESMF là đảm bảo rằng các chương trình và hoạt động CSHT do dự án tài trợ sẽ không tạo ra tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương, và các tác động còn lại và/hoặc không thể tránh khỏi sẽ được giảm thiểu theo các tiêu chuẩn MTXH của IFAD và GCF.

87. Trong quá trình thực hiện, các hoạt động/kế hoạch CSHT đã xác định sẽ được sàng lọc và phân loại rủi ro dựa trên các vấn đề MTXH và các tiêu chuẩn MTXH đang được áp dụng, sau đó bất kỳ đánh giá MTXH và các công cụ MTXH cần thiết nào khác sẽ được chuẩn bị dựa trên các yêu cầu nêu trong ESMF này. Các đánh giá, công cụ và biện pháp giảm thiểu sẽ tương xứng với bản chất và quy mô cũng như các rủi ro và tác động tiềm ẩn của dự án và phù hợp với các yêu cầu của IFAD, GCF và luật/quy định quốc gia. Các kế hoạch bảo vệ được chuẩn bị cho hoạt động CSHT có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở: ESMP; ECOP, bao gồm các vấn đề về sức khỏe và người lao động liên quan đến bóc lột và lạm dụng tình dục; và IPP. Các điều khoản tham chiếu, kế hoạch hoạt động và các tài liệu xác định phạm vi và đầu ra của bất kỳ hoạt động xây dựng năng lực về MTXH cụ thể cho từng địa bàn (ví dụ, thông qua chương trình truyền thông hàng năm) sẽ được soạn thảo để tư vấn và hỗ trợ được cung cấp cũng phù hợp với các tiêu chuẩn MTXH của IFAD và GCF. Dựa trên việc sàng lọc các biện pháp bảo vệ ban đầu của tiểu dự án, bất kỳ đánh giá MTXH nào cần tiến hành sau đó sẽ: (i) bao gồm các yêu cầu được thiết lập theo tiêu chuẩn MTXH có liên quan cho chương trình CSHT đó; và (ii) xác định các rủi ro và tác động về MTXH bao gồm các tác động trực tiếp, gián tiếp, tích lũy và còn lại.

5.2 Các bước chính

88. Quy trình ESMF bao gồm 04 bước, như được mô tả trong Hình 7 và tóm tắt dưới đây:

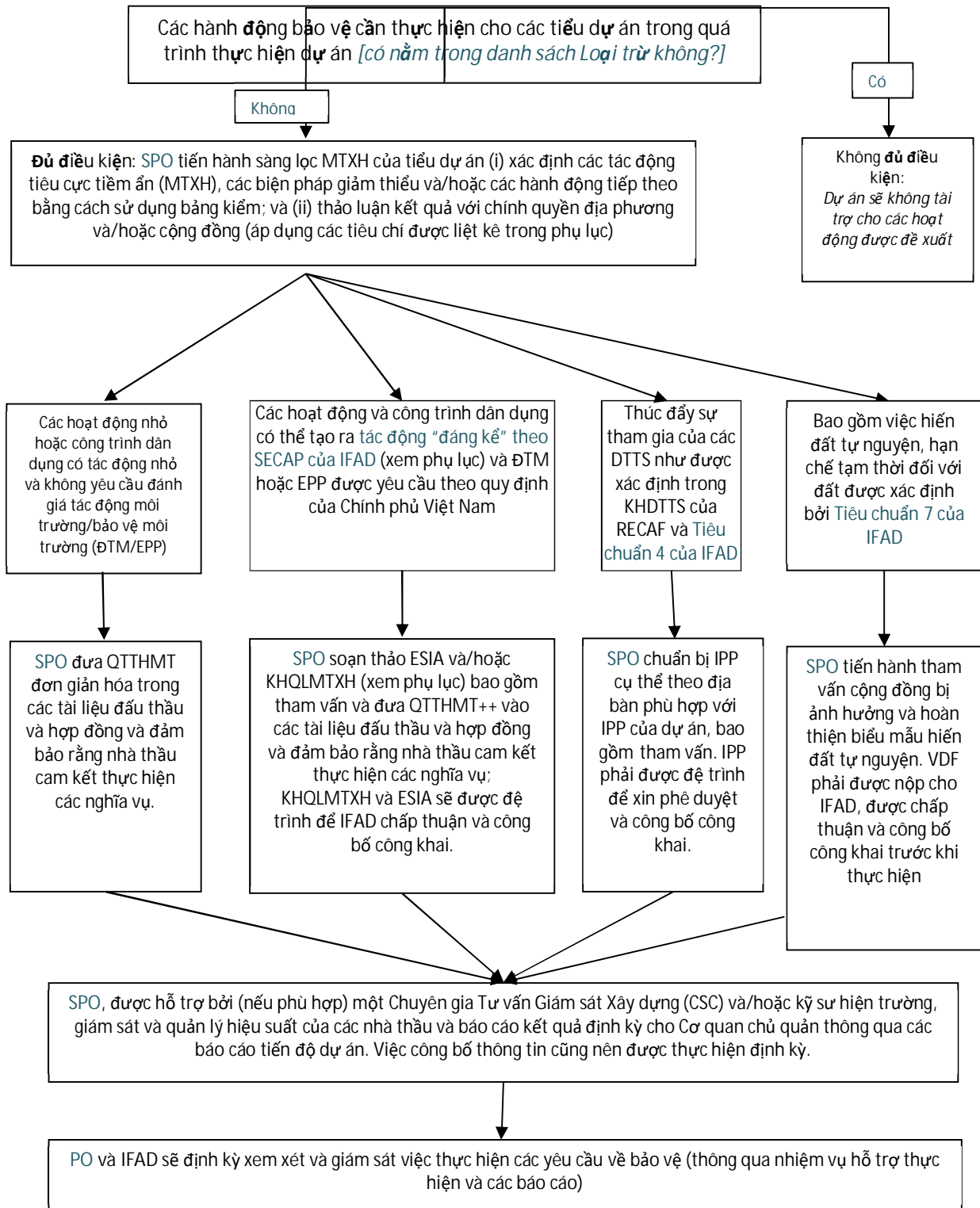
- **BƯỚC 1:** Sàng lọc tính hợp lệ và các vấn đề MTXH, bao gồm rủi ro và tác động bằng cách sử dụng tiêu chí sàng lọc, áp dụng ESS và xác định nhu cầu chuẩn bị và triển khai các tài liệu/công cụ MTXH.
- **BƯỚC 2:** Chuẩn bị các tài liệu MTXH, theo yêu cầu, bao gồm việc phát triển các biện pháp giảm thiểu trong ESMP, IPP và Bộ Quy tắc Thực hành về Môi trường (ECOP) để đưa vào các tài liệu đấu thầu và hợp đồng và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhà thầu. ESMP và ECOP xác định rõ các biện pháp giảm thiểu đối với các tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình giải phóng mặt bằng và xây dựng, bao gồm quản lý nhà thầu, quy trình xử lý khi Phát lộ hiện vật, ứng dụng EHS và Quy tắc ứng xử liên quan đến Bóc lột và Lạm dụng tình dục.
- **BƯỚC 3:** Phê duyệt & công bố các tài liệu MTXH; và
- **BƯỚC 4:** Thực hiện, giám sát và báo cáo.

89. Phân tích rủi ro, đánh giá tác động và chuẩn bị các tài liệu MTXH cho tất cả các hoạt động CSHT sẽ được thực hiện trong quá trình triển khai. Tại thời điểm này, hầu hết các hoạt động đều có rủi ro ở mức trung bình và không cần phải thực hiện ESIA đầy đủ; tuy nhiên, nếu đánh giá này thay đổi trong quá trình sàng lọc, thì phải tiến hành ESIA tiếp theo. Việc chuẩn bị ESMP của chương trình CSHT diễn ra khi các hoạt động của chương trình CSHT đã được xác định rõ ràng và địa điểm đã được biết. Trong quá trình chuẩn bị ESMP, chúng tôi sẽ chú ý giải quyết các vấn đề về bảo tồn ĐDSH và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hiệu quả sử dụng tài nguyên và phòng ngừa ô nhiễm, điều kiện lao động và làm việc, sức khỏe và an toàn cho cộng đồng, người DTTS, phụ nữ, di sản văn hóa và sự tham gia của các bên liên quan và công khai thông tin.

90. Các hành động bảo vệ chính có thể được nêu như sau:

- Các công trình nhỏ được thực hiện theo Hợp phần 2 sẽ đưa các yêu cầu ESMP cụ thể cho từng địa bàn và ECOP vào các tài liệu đấu thầu và hợp đồng tư vấn, trong đó hoạt động của nhà thầu sẽ được giám sát chặt chẽ bởi những người có trách nhiệm của các cơ quan thực hiện.
- Nếu quá trình sàng lọc cho thấy nhu cầu hiến đất tự nguyện hoặc tạm thời gián đoạn việc sử dụng đất thì phải lập và tham khảo Mẫu Hiến đất Tự nguyện (theo các nguyên tắc VGGT và Tiêu chuẩn 7 của IFAD), cũng như phê duyệt và công bố trước khi thực hiện tiểu dự án.
- Nếu kế hoạch CSHT liên quan đến các DTTS thì IPP cụ thể cho từng địa bàn dự án sẽ được lập và triển khai theo Tiêu chuẩn 4 của IFAD và các hướng dẫn có thể được tìm thấy trong IPP tổng thể của dự án.
- Tất cả các tài liệu MTXH chính của một kế hoạch CSHT sẽ được đệ trình để IFAD thông qua trước khi phê duyệt và triển khai.

Hình 7. Sơ đồ các hành động bảo vệ trong các chương trình CSHT
 Chú thích: “PO” là cơ quan chủ quản dự án; “SPO” là đơn vị chủ quản CSHT



5.3 Đánh giá rủi ro và tác động MTXH

91. Bước này (Bước 1) nhằm xác nhận tính hợp lệ (có đáp ứng đủ điều kiện) của chương trình CSHT và/hoặc các hoạt động được Dự án tài trợ cũng như xác định các vấn đề tiềm ẩn về MTXH và đánh giá các tác động tiềm ẩn của các chương trình/hoạt động CSHT, bao gồm nhu cầu chuẩn bị các tài liệu MTXH theo yêu cầu của các tiêu chuẩn IFAD/GCF bằng cách sử dụng bảng kiểm sàng lọc MTXH. Các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện chương trình/hoạt động CSHT sẽ chịu trách nhiệm thực hiện và ký các biểu mẫu sàng lọc. Mỗi BQLDA cấp tỉnh sẽ chịu trách nhiệm sàng lọc các hoạt động tương ứng của tỉnh. Có thể tham vấn với các chuyên gia MTXH của IFAD khi cần, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của chương trình CSHT.

5.4 Phát triển các tài liệu MTXH

92. Bước này (Bước 2) tập trung vào việc chuẩn bị các tài liệu MTXH liên quan đến các vấn đề được xác định trong Bước 1. Các hướng dẫn chuẩn bị ESMP được cung cấp trong các phụ lục, trong khi SEP và IPP cấp dự án đã được xây dựng riêng biệt. Một lần nữa, các BQLDA cấp tỉnh sẽ chịu trách nhiệm cho các hoạt động và chương trình CSHT của riêng họ, và các chuyên gia MTXH tương ứng của họ sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu MTXH. Tham vấn với các chuyên gia MTXH của IFAD cho các chương trình CSHT phức tạp sẽ được thực hiện khi cần thiết.

93. Điều quan trọng nữa là các cơ quan thực hiện các chương trình và hoạt động CSHT phải có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu MTXH (ví dụ: Kế hoạch BVMT, ĐTM, v.v...) theo quy định về ĐTM của Chính phủ Việt Nam¹⁷ và đảm bảo sự chấp thuận của các cơ quan liên quan.

5.5 Xem xét, Phê duyệt và Công bố các Tài liệu MTXH

94. **Đánh giá và phê duyệt của IFAD:** Trước khi phê duyệt và bắt đầu xây dựng các công trình CSHT, Đơn vị Chủ quản CSHT (SPO) sẽ trình tất cả các tài liệu MTXH quan trọng cho IFAD để IFAD ban hành Thư không phản đối. Trong dự án RECAF, mỗi tỉnh cần gửi cho IFAD 03 Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) cho mỗi loại hình CSHT (ví dụ như hồ chứa, thủy lợi, đường nối từ cánh đồng/ trang trại ra đường giao thông chính đối với Thư Không Phản đối và sau đó có thể giảm (hoặc tăng) tần suất khi cần thiết. Quy trình phê duyệt được mô tả ở đây đôi khi cũng có thể được xem xét, đặc biệt là sau khi năng lực MTXH của các đối tác thực hiện đã được nâng cao với sự hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn xây dựng năng lực MTXH/chuyên gia MTXH của dự án. Vào thời điểm đó, IFAD có thể ban hành Thư không phản đối với các ESMP mẫu.

95. Tất cả các tài liệu MTXH sẽ được đăng trên các trang web chính thức của Bộ NN&PTNT và các tỉnh dự án, và các bản cứng bằng tiếng Việt sẽ có tại các văn phòng của BQLDA cấp trung ương, BQLDA cấp tỉnh và chương trình CSHT. BQLDA cấp trung ương

¹⁷ Quy trình hành chính của Chính phủ (cụ thể là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch BVMT, ĐGMTCL, ĐTM, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2015 của Bộ TN&MT về ĐGMTCL, ĐTM, Kế hoạch BVMT).

và BQLDA cấp tỉnh phải công bố thông tin và xin ý kiến nội trong tháng sau ngày công bố đó. Phiên bản tiếng Anh của ESMP, bao gồm phiên bản bằng ngôn ngữ địa phương (tiếng Việt) sẽ được công bố trên trang web của IFAD (và có khả năng là cả trang web của GCF).

96. **Phê duyệt của chính phủ:** Các cơ quan có trách nhiệm cũng được yêu cầu phê duyệt các tài liệu Đánh giá Tác động MTXH (ESIA) hoặc Kế hoạch BVMT theo quy định của Chính phủ Việt Nam. Bất kỳ ĐTM nào được chuẩn bị (bằng tiếng Việt) cũng như các điều kiện phê duyệt sẽ được cung cấp cho IFAD để có thông tin và sẽ được công bố cho công chúng.

5.6 Thực hiện, Giám sát, Theo dõi và Báo cáo

97. Việc thực hiện, giám sát, theo dõi và báo cáo ESMF là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện dự án và hoạt động CSHT. Mỗi nhân viên MTXH chịu trách nhiệm cho các hoạt động cụ thể. Các chuyên gia SECAP của IFAD cũng giám sát và theo dõi việc thực hiện các hoạt động MTXH trong các chuyến giám sát dự án của IFAD. Việc phân công trách nhiệm như sau:

- **Giám sát thực hiện Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới (GAP) và IPP:** BQLDA cấp tỉnh sẽ thuê một chuyên gia về xã hội/giới để giám sát việc thực hiện IPP và GAP và báo cáo kết quả cho IFAD.
- **Giám sát MTXH về hiệu quả của nhà thầu trong quá trình xây dựng:** Để đảm bảo tuân thủ luật pháp và quy định quốc gia cũng như một số yêu cầu cụ thể theo tiêu chuẩn SECAP của IFAD tại cấp độ công trình CSHT, BQLDA cấp tỉnh sẽ thuê một chuyên gia tư vấn trong nước để tiến hành giám sát và báo cáo hàng tháng trong khi chỉ định Chuyên gia Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC) hoặc các kỹ sư hiện trường chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo hàng ngày về việc tuân thủ ESMP, tập trung vào mảng xây dựng của nhà thầu. Ở cấp độ dự án, Chuyên gia BVMT của BQLDA cấp tỉnh sẽ đảm bảo giám sát MTXH tại các địa bàn tiểu dự án và của nhà thầu xây dựng trong suốt quá trình xây dựng. Chuyên gia BVMT sẽ báo cáo những phát hiện của họ trong các báo cáo giám sát MTXH của Dự án cho IFAD và GCF (điều này sẽ được thực hiện trên cơ sở 06 tháng một lần hoặc dựa trên thống nhất với IFAD và GCF theo thỏa thuận pháp lý). BQLDA cấp tỉnh cũng sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cả phản hồi đối với các khiếu nại của người dân bị ảnh hưởng bởi dự án/công trình CSHT cũng như những người làm việc trong dự án (xem Mục IX).
- **Giám sát MTXH trong quá trình thực hiện các hoạt động/vận hành CSHT:** Dự án sẽ cung cấp đào tạo chuyên sâu về các rủi ro liên quan đến các hoạt động của dự án ở các khía cạnh: quản lý chất thải, ATSKNN, và sức khỏe và an toàn cho cộng đồng. Nhân viên MTXH phải chú ý nhiều hơn - tương ứng với các rủi ro đáng kể hơn – đến các hoạt động đó trong quá trình thực hiện. Để đảm bảo tính bền vững sau khi kết thúc dự án, nhận thức và năng lực của nhân viên Bộ NN&PTNT/Sở NN&PTNT và các cơ quan thực hiện liên quan phải được nâng cao thông qua đào tạo và trong quá trình giám sát thực hiện. Việc này yêu cầu cần phải có các chuyên gia tư vấn xây dựng năng lực MTXH (bao gồm cả nhân viên khuyến nông). BQLDA cấp tỉnh sẽ trình bày chi tiết về tiến độ MTXH trong báo cáo giám sát MTXH về hoạt động CSHT để trình lên BQLDA cấp trung ương. Sau đó, BQLDA cấp trung ương sẽ tổng hợp và trình báo cáo cho IFAD và GCF.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1 Trách nhiệm thực hiện ESMF

98. Theo thỏa thuận thực hiện dự án được thảo luận trong Chương II, cơ quan chủ quản dự án/hoạt động CSHT là các cơ quan thực hiện và do đó chịu trách nhiệm thực hiện Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF). BQLDA cấp trung ương tại Bộ NN&PTNT sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo áp dụng hiệu quả ESMF cho tất cả các hoạt động, tuy nhiên trách nhiệm thực hiện chủ yếu sẽ thuộc về các chuyên gia MTXH của BQLDA cấp tỉnh (hai chuyên gia cho mỗi tỉnh: một chuyên gia tập trung vào môi trường/khí hậu và chuyên gia còn lại tập trung vào hòa nhập xã hội/giới). Trách nhiệm BQLDA cấp trung ương bao gồm lập kế hoạch và giám sát chung các hoạt động MTXH, thuê các chuyên gia trong nước về tư vấn xây dựng năng lực MTXH – là cá nhân hoặc công ty - để cung cấp đào tạo MTXH và hỗ trợ kỹ thuật bao gồm giám sát, theo dõi và báo cáo việc thực hiện MTXH cho IFAD và GCF sáu tháng một lần. Trong trường hợp cần thiết, BQLDA cấp trung ương tại Bộ NN&PTNT cũng sẽ đảm bảo đào tạo và phối hợp với Bộ Y tế trong những trường hợp hoạt động liên quan đến ATSKNN hoặc các chủ đề tương tự để tránh chồng chéo.

99. Cơ quan chủ quản CSHT thuộc BQLDA cấp tỉnh chịu trách nhiệm: (i) thuê các chuyên gia đủ năng lực (02 chuyên gia/ tỉnh) để chuẩn bị và hoàn thiện các tài liệu MTXH (ESMP, ECOP, SEP cập nhật, IPP hàng năm, v.v...); (ii) đảm bảo IFAD thông qua các tài liệu MTXH và được chính phủ chấp thuận; và (iii) thực hiện ESMP, SEP, IPP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới. Một công ty tư vấn trong nước có thể được thuê để hỗ trợ trong quá trình thực hiện ESMP, Kế hoạch Thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP) và IPP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới (GAP), nếu cần. Điều này có thể bao gồm hỗ trợ giám sát chất lượng môi trường và chuẩn bị các báo cáo giám sát MTXH để trình lên BQLDA cấp trung ương. Cơ quan chủ quản CSHT cũng sẽ đảm bảo rằng (i) thiết kế chương trình CSHT cuối cùng đã bao gồm các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình xây dựng và vận hành; (ii) Bản hoàn thiện ESMP, ECOP và Quy tắc Ứng xử về Hành vi của người lao động về Lạm dụng/Bóc lột Tình dục được đưa vào các tài liệu đấu thầu và hợp đồng; và (iii) các nhà thầu nhận thức và cam kết tuân thủ các nghĩa vụ này, với các hành động MTXH được đưa vào chi phí hợp đồng. Sau khi phê duyệt, cơ quan chủ quản CSHT có trách nhiệm đảm bảo rằng ESMP, SEP, IPP, ECOP và Quy tắc Ứng xử về Lạm dụng/Bóc lột Tình dục (nếu có) được thực hiện và giám sát hiệu quả. Trước khi xây dựng, cơ quan chủ quản CSHT sẽ chỉ định một Chuyên gia Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC) và/hoặc kỹ sư hiện trường chịu trách nhiệm giám sát nhà thầu về MTXH và báo cáo tình hình trong báo cáo tiến độ CSHT.

6.2 Giám sát và báo cáo

100. Kết quả MTXH sẽ được đưa vào báo cáo tiến độ tổng thể của dự án và báo cáo CSHT. Hai chuyên gia MTXH tại mỗi BQLDA cấp tỉnh, với sự hỗ trợ của Chuyên gia Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC)/các kỹ sư tại hiện trường (nếu có), sẽ giám sát và báo cáo về kết quả MTXH của dự án. Các chuyên gia MTXH tại BQLDA cấp tỉnh sẽ nộp báo cáo kết quả MTXH ở cấp hoạt động CSHT cho BQLDA cấp trung ương mỗi tháng một lần. BQLDA cấp trung ương sẽ chuẩn bị báo cáo giám sát MTXH hai lần một năm để nộp cho IFAD và GCF, mô tả tiến độ của dự án và việc tuân thủ các tiêu chuẩn SECAP của IFAD/tiêu chuẩn ESS của GCF và các yêu cầu khác.

101. Báo cáo tiến độ nộp cho BQLDA cấp trung ương phải bao gồm thông tin đầy đủ về tiến độ thực hiện hoạt động xây dựng CSHT và các vấn đề MTXH liên quan đến việc thực

hiện ESMF. Báo cáo tiến độ chung từ BQLDA cấp trung ương nộp cho IFAD và GCF phải bao gồm thông tin đầy đủ về: (i) chuẩn bị và công bố các văn bản MTXH cho các hoạt động xây dựng CSHT; (ii) tiến độ thực hiện ESMP, bao gồm việc đưa ECOP/Bộ Quy tắc Ứng xử về lạm dụng & bóc lột tình dục/các yêu cầu ESMP khác liên quan đến nhà thầu vào các tài liệu đấu thầu và hợp đồng; (iii) theo dõi và giám sát hiệu quả thực hiện của các nhà thầu, Chuyên gia Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC) và BQLDA cấp tỉnh theo ESMP, ECOP và Bộ Quy tắc Ứng xử về lạm dụng & bóc lột tình dục; và (iv) khó khăn, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện MTXH/ESMF. Bảng 6 tóm tắt các yêu cầu về báo cáo.

Bảng 6. Yêu cầu về báo cáo

	Báo cáo được chuẩn bị bởi	Gửi đến	Tần suất báo cáo
1	Nhà thầu cho Chủ đầu tư	BQLDA cấp tỉnh	Một lần trước khi bắt đầu xây dựng và sau đó mỗi tháng một lần
2	Chuyên gia Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC)	BQLDA cấp tỉnh	Hàng tuần và hàng tháng
3	Giám sát cộng đồng	BQLDA cấp tỉnh	Khi cộng đồng có bất kỳ khiếu nại nào về việc thực hiện chương trình CSHT MTXH/ESMF
4	BQLDA cấp tỉnh	BQLDA cấp trung ương	Hàng tháng
5	BQLDA cấp trung ương	IFAD và GCF	Sáu tháng một lần, theo bất kỳ thỏa thuận pháp lý nào đã ký.

6.3 Đưa ESMF vào Sổ tay Vận hành Dự án

102. Quy trình và các yêu cầu của ESMF sẽ được đưa vào Sổ tay Hướng dẫn Thực hiện Dự án (PIM) và BQLDA cấp trung ương sẽ tổ chức đào tạo để đảm bảo rằng các cơ quan chủ quản CSHT (BQLDA cấp tỉnh) hiểu được các tài liệu này và sẽ giám sát và theo dõi việc thực hiện ESMF định kỳ. Phần MTXH trong Sổ tay Vận hành Dự án (POM) cũng sẽ tham chiếu đến ESMF và các tài liệu MTXH liên quan khi cần thiết.

VII. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

7.1 Đánh giá năng lực thể chế

103. Bộ NN&PTNT sẽ là Cơ quan chủ trì của dự án. Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm về phát triển nông thôn và quản lý, thúc đẩy nông nghiệp (bao gồm các khoản đầu tư và hoạt động liên quan đến lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi và ngành muối), và quản lý nước. Bộ NN&PTNT có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án nguồn vốn nước ngoài, bao gồm kinh nghiệm về quản lý rủi ro MTXH theo các chính sách MTXH của IFAD. Bộ NN&PTNT cũng có nhiều kinh nghiệm trong việc chuẩn bị và thực hiện các dự án đầu tư quốc tế và trong nước không sử dụng kinh phí từ các cơ chế tài chính quốc tế.

104. Trong Bộ NN&PTNT, các hoạt động MTXH và chuẩn bị văn kiện thường là trách nhiệm của Ban Tái định cư và Môi trường (ESD) với 09 nhân viên chuyên về thủy văn-môi trường, môi trường và các vấn đề xã hội. Những nhân viên này có kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, thực hiện và giám sát các chính sách MTXH và hầu hết trong số họ đã được đào

tạo chuyên sâu về các biện pháp bảo vệ MTXH liên quan đến cả WB và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Đối với các biện pháp bảo vệ SECAP của IFAD và GCF, sẽ cần phải đào tạo, đặc biệt là vì các dự án do GCF tài trợ là tương đối mới. Cấp trung ương có ít nhất hai chuyên viên cao cấp về MT-XH (một về xã hội và một về môi trường) được giao nhiệm vụ quản lý các chức năng của ESD. Những chuyên viên này có khả năng đào tạo về ESMF, IPP và việc thực hiện Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới (GAP) và SEP nếu họ được các chuyên gia trong nước hỗ trợ xây dựng năng lực. Điều này cũng đặc biệt quan trọng khi soạn thảo các tài liệu bằng tiếng Anh có thể đáp ứng yêu cầu của IFAD và GCF, vì nhiều nhân viên hiện tại có khả năng giao tiếp tiếng Anh hạn chế (viết/nói).

105. Để đảm bảo đào tạo hiệu quả và nhất quán về MTXH, đặc biệt là theo phiên bản mới SECAP (2021) của IFAD và ESS (2022) của GCF, các nội dung đó nên được đào tạo bởi các chuyên gia tư vấn trong nước. Ngoài các khóa đào tạo bồi dưỡng về các biện pháp bảo vệ liên quan đến quản lý chất thải, sử dụng và thải bỏ thuốc trừ sâu/phân bón, v.v..., phải có thêm các khóa đào tạo tập trung vào việc đảm bảo hiệu quả thực hiện của các nhà thầu - bao gồm cung cấp các dịch vụ đầy đủ liên quan đến sức khỏe, an toàn của người lao động và cộng đồng địa phương.

106. Ở cấp tỉnh, UBND tỉnh là chủ dự án thực hiện dự án thông qua cơ quan chủ quản là Sở NN&PTNT. Sở NN&PTNT sẽ phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành liên quan khác như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở TNMT. Tất cả các tỉnh này đều có kinh nghiệm triển khai các dự án có nguồn đầu tư/viện trợ nước ngoài. Nhiều chuyên gia tư vấn trong nước và chính quyền địa phương cũng có một số kiến thức và kinh nghiệm về các yêu cầu MT-XH trước đây của IFAD, nhưng chưa quen với phiên bản mới SECAP của IFAD và phiên bản ESS mới của GCF. Do đó, họ cần được cập nhật về những thay đổi trong các phiên bản mới đó. Cần đào tạo và xây dựng năng lực về việc áp dụng phiên bản mới SECAP của IFAD và phiên bản ESS mới của GCF. Đào tạo nên bao gồm: (i) sàng lọc và phân biệt giữa CSHT quy mô nhỏ và vừa; và (ii) đảm bảo đánh giá (nếu quá trình sàng lọc cho thấy cần thiết) trước khi triển khai tiểu dự án.

7.2 Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

107. Đào tạo và xây dựng năng lực về SECAP của IFAD và ESS của GCF nên tập trung vào việc làm quen và hiểu các khái niệm về tính tương xứng và quản lý thích ứng, việc thực hiện các tài liệu MTXH, đặc biệt khi liên quan đến (i) quản lý nhà thầu và giám sát các vấn đề MTXH liên quan đến lao động; (ii) sức khỏe và an toàn cho cộng đồng; (iii) sức khỏe và an toàn môi trường; và (iv) các yêu cầu về sự tham gia có hệ thống của các bên liên quan. Các chương trình đào tạo có mục tiêu tập trung vào quản lý rủi ro MTXH cũng có thể giúp tăng cường sự phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan, điều này rất quan trọng để đảm bảo quản lý hiệu quả mọi khía cạnh của quản lý rừng và sản xuất không gây mất rừng. Với cấu trúc dự án và kế hoạch triển khai một số chương trình CSHT tại mỗi tỉnh liên quan, sẽ cần có sự đóng góp đáng kể từ các chuyên gia tư vấn trong nước, cùng với đào tạo tại chỗ (học thông qua làm) về đánh giá rủi ro và quản lý tác động trong quá trình chuẩn bị và thực hiện.

108. Trong quá trình thực hiện Dự án, đào tạo MTXH và hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp cho các cơ quan thực hiện ở cả cấp Dự án và cấp hoạt động CSHT. Trong ba năm đầu tiên, BQLDA cấp trung ương sẽ tổ chức ít nhất hai hội thảo đào tạo về MTXH mỗi năm (một về môi trường và một về xã hội) cho các cơ quan chủ quản CSHT liên quan đến quy trình ESMF và nhu cầu chuẩn bị các tài liệu an toàn (ESMP, SEP, IPP và ECOP khi cần, v.v...). Khi có thể, một Chuyên gia SECAP của IFAD sẽ tham gia các hội thảo đào tạo này. Đào tạo kỹ thuật về an toàn cho bất kỳ vấn đề cụ thể nào khác và các khía cạnh liên quan nên diễn ra

ít nhất một lần mỗi năm trong những năm tiếp theo. Hoạt động này có thể được kết hợp với các chương trình truyền thông hàng năm của dự án.

109. Ưu tiên đào tạo phải bao gồm nhưng không giới hạn ở những nội dung sau:

- (i) Quy trình và hướng dẫn ESMF để chuẩn bị, triển khai và giám sát các công cụ MTXH được thiết kế cho RECAF và hoạt động xây dựng CSHT;
- (ii) Đào tạo cụ thể về IPP, SEP và quản lý lao động liên quan đến việc lập kế hoạch và thực hiện, bao gồm việc áp dụng các lộ trình GRM khác biệt để ứng phó hiệu quả hơn với các khiếu nại tại địa phương;
- (iii) Đào tạo cụ thể về giám sát và theo dõi hiệu suất của nhà thầu, bao gồm các biểu mẫu và quy trình báo cáo; kiến thức cơ bản về sức khỏe và an toàn; các biện pháp xây dựng tốt để giảm thiểu tác động tiềm ẩn đến môi trường địa phương và người dân địa phương; Bộ Quy tắc Ứng xử về Lạm dụng & Bóc lột Tình dục; và các quy trình truyền thông và GRM và các vấn đề xã hội khác liên quan đến các bệnh truyền nhiễm (bao gồm cả covid-19), v.v.;
- (iv) Đào tạo chuyên sâu về IPM; sử dụng và xử lý an toàn thuốc trừ sâu/thuốc diệt cỏ/phân bón hóa học được sử dụng trong sản xuất cấp một (primary production);
- (v) Đào tạo chuyên sâu về quản lý chất thải, bao gồm chất thải nguy hại và chất thải sinh học nguy hại;
- (vi) Đào tạo chuyên sâu về việc sử dụng thiết bị bảo hộ lao động cá nhân (PPE) và các biện pháp thực hành tốt nhất (trong quá trình xây dựng, sử dụng thuốc trừ sâu, v.v...).

7.3 Hỗ trợ kỹ thuật về xây dựng năng lực MTXH

110. Do nhu cầu cụ thể liên quan đến đào tạo MTXH và năng lực hạn chế của một số cơ quan liên quan đến SECAP của IFAD và ESS của GCF mới nhất, BQLDA cấp trung ương có thể huy động một công ty quốc gia đủ điều kiện để cung cấp đào tạo MTXH, giám sát, theo dõi và báo cáo về việc thực hiện ESMF và tuân thủ SECAP/ESS cho IFAD và GCF. Nếu IFAD và/hoặc GCF yêu cầu, BQLDA cấp trung ương cũng sẽ huy động một cơ quan giám sát độc lập (IMA) để giám sát việc thực hiện IPP, hiến đất tự nguyện (nếu có) và các chuyên gia tư vấn MTXH khác để hỗ trợ chuẩn bị và/hoặc giám sát các hoạt động MTXH khác nhau trong quá trình thực hiện. BQLDA cấp tỉnh có thể huy động các chuyên gia tư vấn MTXH (cá nhân hoặc được thuê thông qua một công ty) để hỗ trợ thực hiện ESMF, chuẩn bị các tài liệu MTXH và các biện pháp giảm thiểu của các chương trình CSHT thuộc trách nhiệm của họ.

VIII. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN ESMF

111. Các chi phí thực hiện ESMF sau đây được chi trả theo hợp đồng thuê hai chuyên gia về môi trường và xã hội (một Chuyên gia về BVMT & Khí hậu và một Chuyên gia về Giới & Xã hội) tại mỗi BQLDA cấp tỉnh, vì họ chịu trách nhiệm về (a) chuẩn bị các tài liệu MTXH của các chương trình CSHT, bao gồm tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng; (b) giám sát, theo dõi và đào tạo về các vấn đề MTXH; (c) thực hiện và giám sát các ESMP, SEP, IPP và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới (GAP) (với sự hỗ trợ của Chuyên gia giám sát và đánh giá của dự án); và (d) đảm bảo các nhà thầu thực hiện ECOP và Bộ quy tắc ứng xử đối với bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực đối với trẻ em (nếu được xác định trong quá trình sàng lọc) và bất kỳ biện pháp cụ thể nào ứng với từng địa bàn dự án. Chính phủ

Việt Nam và IFAD sẽ cùng đảm bảo ngân sách thực hiện ESMF. Khi cần, dự án sẽ cung cấp các chuyên gia tư vấn trong nước (cá nhân hoặc công ty) về xây dựng năng lực và đào tạo về thực hiện ESMF và các khái niệm về SECAP của IFAD và ESS của GCF. Ngân sách cho đào tạo và xây dựng năng lực được đưa vào ngân sách dự án trên toàn bộ các hợp phần/đầu ra của dự án, do đó không được liệt kê trong Bảng 7. Tương tự như vậy, ngân sách để chuẩn bị Đánh giá Tác động ĐDSH và Kế hoạch Quản lý ĐDSH liên quan cũng không được liệt kê trong Bảng 7 vì các mục này đã được IFAD ký hợp đồng trong quá trình chuẩn bị dự án.

112. Chi phí liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự, triển khai và giám sát Khung Quản lý Môi trường, Xã hội và Khí hậu (ESCMF), cũng như chi phí tập trung rộng hơn vào các biện pháp bảo vệ và được đưa vào các hoạt động/hợp phần hiện có của dự án, có thể được tìm thấy trong Bảng 7.

Bảng 7. Dự toán chi phí thực hiện ESMF		
Mục	Chi phí ước tính (USD)	Nhận xét
Chuyên gia Môi trường và Khí hậu (xem bảng Ngân sách dự án: DT_2_2)	132.000 đô la Mỹ (66 tháng với mức phí 2000 đô la Mỹ/tháng) cho mỗi BQLDA cấp tỉnh	BQLDA cấp trung ương sẽ chịu trách nhiệm quản lý ngân sách này.
Chuyên gia về giới và xã hội (xem bảng Ngân sách dự án: DT_3)	120.000 đô la Mỹ (60 tháng với mức phí 2000 đô la Mỹ/tháng) cho mỗi BQLDA cấp tỉnh	
Chuyên gia giám sát và đánh giá dự án (giám sát MTXH được bao gồm trong Điều khoản tham chiếu) (xem bảng Ngân sách dự án: DT_3)	144.000 đô la Mỹ (72 tháng với mức phí 2000 đô la Mỹ/tháng)	
Đầu ra của dự án A: Nâng cấp Hệ thống thông tin MTXH cho REDD+ (xem bảng Ngân sách dự án: DT_1_2)	1.648.000 đô la Mỹ	
Cố vấn chính sách về Hệ thống Thông tin Quản lý REDD+ của Bộ NN&PTNT hỗ trợ Đầu ra A của Dự án (xem bảng Ngân sách dự án: DT_1_2)	78.606 đô la Mỹ (66 tháng với mức phí 1191 đô la Mỹ/tháng)	

IX. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

113. Mục tiêu chính của Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) là hỗ trợ giải quyết các khiếu nại và phàn nàn của các bên bị ảnh hưởng bởi dự án một cách kịp thời, hiệu quả và hiệu suất cao, đáp ứng được tất cả các bên liên quan. Các GRM cho dự án được lập dựa trên các yêu cầu của IFAD, Liên Hợp Quốc và GCF và quan trọng nhất là dựa trên các yêu cầu quốc gia để giải quyết các vấn đề tiềm ẩn giữa các BQLDA cấp tỉnh và những người bị ảnh hưởng bởi dự án (Vui lòng xem GRM chi tiết trong Phần IX của Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan của dự án).

X. THAM VẤN VÀ CÔNG KHAI ESMF

10.1 Yêu cầu tham vấn

114. Cả IFAD và GCF đều yêu cầu phải tổ chức tham vấn với những người dân bị ảnh hưởng bởi dự án, cộng đồng địa phương, những người dễ bị tổn thương/DTTS và các bên liên quan khác. Các cuộc tham vấn phải cung cấp thông tin về các khía cạnh sau: a) mục đích của dự án; b) kết quả đánh giá MTXH; và c) trình bày các nghiên cứu bổ sung cần thiết, trong bất kỳ trường hợp nào áp dụng. ESMF này đã được lập thông qua một quá trình tham vấn chi tiết ở cả cấp thực địa và cấp trung ương, và các phát hiện từ quá trình tham vấn cũng có thể được sử dụng cho các tài liệu MTXH tiếp theo.

115. Tham vấn thông qua tiếp cận cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án là một hoạt động tốt để đảm bảo rằng các tác động tiêu cực tiềm ẩn và các mối quan tâm được giải quyết thỏa đáng trong quá trình xây dựng và vận hành dự án. Tham vấn với các nhóm dân cư bị ảnh hưởng và các DTTS là bắt buộc khi các hoạt động liên quan đến việc di dời chỗ ở, thu hồi đất và các DTTS.

10.2 Tóm tắt quá trình tham vấn

116. Tham vấn công chúng là một hợp phần quan trọng của RECAF và đóng vai trò then chốt trong việc chuẩn bị các tài liệu sau:

- Khung quản lý môi trường xã hội (ESMF)
- Kế hoạch về người dân tộc thiểu số (IPP)
- Đánh giá và Kế hoạch Đánh giá và Hành động về Giới
- Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP) và
- Đề xuất tài trợ

117. Tóm tắt **các phát hiện được trình bày trong SEP** (Phụ lục 7 của Đề xuất tài trợ bản đầy đủ).

10.3 Kết quả tham vấn công khai ban đầu

118. **Vui lòng tham khảo SEP (Phụ lục 7 của Đề xuất tài trợ đầy đủ)** để tránh trùng lặp.

10.4 Tiết lộ thông tin

119. Các dự án do IFAD và GCF tài trợ phải công bố tất cả các tài liệu liên quan đến biện pháp bảo vệ MTXH tại địa phương ở nơi dễ tiếp cận, dưới hình thức và ngôn ngữ mà các bên liên quan chính có thể hiểu được (trong trường hợp này là tiếng Việt và tiếng Anh) và trên trang web của Bộ NN&PTNT, IFAD và GCF trước khi thẩm định.

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH LOẠI TRỪ

Bất kỳ tiêu dự án nào ứng với một hoặc nhiều tiêu chí sàng lọc sau đây sẽ không được chấp thuận tài trợ theo dự án:

1. Phân loại MTXH

1. Chương trình CSHT dẫn đến MTXH loại A (theo phân loại của GEF) và Rủi ro cao (theo phân loại SECAP của IFAD 2022).
2. Kế hoạch xây dựng CSHT ở khu vực nguy cơ cao về vật liệu nổ chưa nổ.

2. Phạm vi các công trình dân dụng

3. Đường nông thôn có tổng chiều dài trên 10 km / công trình;
4. Kênh tưới tiêu có chiều rộng đáy hơn 10m; cống có tổng chiều rộng thoát nước hơn 10m; bờ kè thủy lợi bảo vệ diện tích canh tác trên 500 ha; đập lớn (cao hơn 15m) hoặc bất kỳ đập nào có xếp hạng rủi ro cao (về môi trường, xã hội và/hoặc an toàn đập).
5. Bất kỳ công trình hồ chứa nước nhỏ nào có thành hồ cao hơn 9 mét và/hoặc có hồ chứa nước có dung tích 100.000 mét khối trở lên)

6. Tác động đất đai & Tái định cư

7. Các chương trình CSHT đòi hỏi phải tái định cư hơn 20 người đối với mỗi công trình diện tích CSHT hoặc ảnh hưởng đến hơn 10% (về giá trị) tài sản của một HGD.
- 8.
9. Bất kỳ tiêu dự án nào khiến bất kì HGD DTTS nào phải di dời chỗ ở hoặc làm giảm/thay đổi quyền sở hữu đất đai của họ.
10. Các hoạt động dẫn đến a) hạn chế khả năng tiếp cận nguồn lực không thể giảm thiểu được và/hoặc b) tác động tiêu cực đến sinh kế của các HGD thuộc nhóm DTTS hoặc HGD được coi là nhóm dễ bị tổn thương/yếu thế.
11. Sử dụng dự án như một động lực và/hoặc một công cụ để hỗ trợ và/hoặc thực hiện tái định cư bắt buộc cho người dân địa phương và củng cố làng xã.
12. Xây dựng khu định cư mới hoặc mở rộng khu định cư hiện có.
13. Các hoạt động có khả năng gây ra tác động tiêu cực đến các nhóm DTTS trong thôn/bản và/hoặc ở các thôn/bản lân cận, hoặc các hoạt động không được chấp nhận bởi các nhóm dân tộc sống trong một thôn/bản đồng nhất về dân tộc hoặc một thôn/bản có thành phần dân tộc hỗn hợp.

4. Di sản văn hóa

14. Thiệt hại hoặc mất mát tài sản văn hóa, bao gồm các địa điểm có giá trị khảo cổ (tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, tôn giáo, văn hóa và thiên nhiên độc đáo.

5. Sử dụng hóa chất

15. Mua thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt cỏ và các loại thuốc trừ sâu không bị cấm khác, thuốc diệt côn trùng không bị cấm và thuốc diệt cỏ không bị cấm và các hóa chất nguy hiểm vượt quá số lượng cần thiết để xử lý hiệu quả khu vực bị nhiễm bệnh. Tuy nhiên, nếu sâu bệnh xâm nhập, việc sử dụng một lượng nhỏ thuốc trừ sâu hợp lệ và đã đăng ký tại Việt Nam sẽ được phép nếu

đi kèm với đào tạo cho nông dân để đảm bảo sử dụng thuốc trừ sâu an toàn theo các chính sách và quy định của IFAD/ESS của GCF. Dự án sẽ không sử dụng Thuốc trừ sâu thuộc nhóm cực kỳ nguy hiểm (HHP).

16. Các hoạt động liên quan đến việc sử dụng vật liệu nguy hiểm (bao gồm amiăng) hoặc bất kỳ hóa chất bị cấm nào.

6. ĐDSH và tài nguyên thiên nhiên

17. Mua thiết bị canh tác mang tính hủy diệt và các khoản đầu tư khác gây hại cho môi trường và ĐDSH.
18. Khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững.
19. Sự du nhập của các loài không phải địa phương, trừ khi chúng đã có mặt ở khu vực lân cận hoặc được biết đến ở những nơi tương tự là loài không xâm lấn.
20. Sự chuyển đổi hoặc suy thoái đáng kể môi trường sống tự nhiên hoặc khi lợi ích bảo tồn và/hoặc môi trường không rõ ràng vượt trội hơn bất kỳ tổn thất tiềm tàng nào.
21. Sản xuất hoặc buôn bán bất kỳ sản phẩm hoặc hoạt động nào bị coi là bất hợp pháp theo luật pháp, quy định của Việt Nam hoặc các công ước và thỏa thuận quốc tế hoặc bị cấm quốc tế.
22. Giao dịch bất kỳ sản phẩm nào với các doanh nghiệp có hành vi khai thác môi trường hoặc xã hội.


7. Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

23. Lao động và điều kiện làm việc liên quan đến các hình thức lao động có hại, bóc lột, không tự nguyện hoặc bắt buộc, lao động cưỡng bức¹⁸, lao động trẻ em¹⁹ hoặc các vấn đề quan trọng về ATSKNN.

¹⁸ Lao động cưỡng bức có nghĩa là mọi công việc hoặc dịch vụ không được thực hiện một cách tự nguyện, được thực hiện từ một cá nhân dưới sự đe dọa bằng vũ lực hoặc hình phạt.

¹⁹ Lao động trẻ em có hại có nghĩa là việc sử dụng trẻ em để bóc lột kinh tế, hoặc có khả năng gây nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học tập của trẻ, hoặc gây hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển về thể chất, tinh thần, tâm linh, đạo đức hoặc xã hội của trẻ.

PHỤ LỤC 2. BIỂU MẪU SÀNG LỌC TIỂU DỰ ÁN

	Báo cáo sàng lọc xã hội và môi trường – RECAF
<p>Điều quan trọng là phải sàng lọc từng hoạt động CSHT để xem các hoạt động đó có tạo ra rủi ro MTXH cho cộng đồng hay không. Ngay cả khi có kế hoạch giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng, những rủi ro đó cũng phải được liệt kê, ngay cả khi đã lên kế hoạch các biện pháp giảm thiểu và quản lý. Cần xác định các rủi ro tiềm ẩn nếu các biện pháp giảm thiểu không được thực hiện hoặc không thành công. Điều này có nghĩa là các rủi ro phải được xác định như thể không có biện pháp giảm thiểu hoặc quản lý nào được đưa ra.</p>	
PHẦN A: Thông tin chung	
Ngày tiến hành sàng lọc:	
Tên của tiểu dự án:	
Hợp phần chính của dự án (có liên quan đến tiểu dự án):	
Tên đơn vị nộp hồ sơ (cơ quan thực hiện):	
Ngân sách đề xuất cho tiểu dự án:	
Thời gian dự kiến của tiểu dự án:	
Trưởng nhóm sàng lọc MTXH và thông tin liên hệ:	
Các thành viên trong nhóm sàng lọc MTXH:	
Chương trình/ Địa bàn/ Địa điểm hoạt động	
Mô tả tiểu dự án. Mô tả ngắn gọn các hoạt động của tiểu dự án, đặc biệt là khi chúng tương tác với môi trường và bối cảnh xã hội	

Phân loại các hoạt động của tiểu dự án thành các hoạt động rủi ro cao, đáng kể, trung bình và thấp.	
---	--

PHẦN B: Sàng lọc danh sách loại trừ

Bạn có thể xác nhận rằng không có hoạt động nào liên quan đến những hoạt động được liệt kê trong Danh sách loại trừ (Phụ lục 1 của ESMF dự án RECAF) không?: **Có / Không**

PHẦN C: Tác động tiềm tàng của các hoạt động về rủi ro môi trường/xã hội (mẫu sẽ được cập nhật sau khi các hoạt động của dự án được phê duyệt cuối cùng)

Loại rủi ro (Vui lòng kiểm tra từng dòng. Ở giai đoạn này, các câu hỏi được trả lời mà không xem xét đến mức độ tác động – chỉ có các câu trả lời Có , Không hoặc Tôi không biết mới được áp dụng)	Có	Không	Không biết	Nếu có những rủi ro này ('có'), vui lòng tham khảo:	Nhận xét
Đánh giá và quản lý chung về rủi ro và tác động MTXH					
Có cần đánh giá tác động môi trường và/hoặc xã hội đầy đủ cho tiểu dự án dựa trên: (i) xếp hạng rủi ro của nó? (ví dụ các tiểu dự án có rủi ro cao hoặc đáng kể); và/hoặc (ii) luật pháp Việt Nam?				Khung Quản lý Môi trường Xã hội (ESMF)	
Có bất kỳ khiếu nại nào được đưa ra bởi người dân bị ảnh hưởng, nhóm người hoặc tổ chức phi chính phủ địa phương liên quan đến điều kiện của địa bàn tiểu dự án hoặc cơ sở vật chất sẽ được sử dụng không? <i>Nếu vậy, liệu nguồn tài chính dự án có được sử dụng để khắc phục những khiếu nại này không?</i>				ESMF Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan (SEP) Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM)	
Có nguy cơ chuyển hướng lợi ích của tiểu dự án không?				SEP GRM Kế hoạch dành cho người DTTS (IPP) Kế hoạch Hành động Giới và Hòa nhập Xã hội (GASIP)	
Liệu có nguy cơ lợi ích của tiểu dự án có thể không đến được với nhóm dân số thực sự dễ bị tổn thương không?				SEP IPP GASIP	

Loại rủi ro <i>(Vui lòng kiểm tra từng dòng. Ở giai đoạn này, các câu hỏi được trả lời mà không xem xét đến mức độ tác động – chỉ có các câu trả lời Có, Không hoặc Tôi không biết mới được áp dụng)</i>	Có	Không	Không biết	Nếu có những rủi ro này ('có'), vui lòng tham khảo:	Nhận xét
Có nguy cơ các tiểu dự án có thể bị thao túng bởi các phe phái khác nhau không?				SEP GRM	
Việc lựa chọn địa điểm hoạt động hoặc người hưởng lợi có nguy cơ dẫn đến xung đột không?				GRM	
Địa bàn tiểu dự án có bao gồm đất trước đây chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa hết công suất không? <i>Nếu có, có nguy cơ phát hiện vật liệu nổ chưa nổ (UXO)/min không?</i>				Hướng dẫn của ESMF về UXO và sử dụng đất	
Lao động và điều kiện làm việc					
Hoạt động này có bao gồm bất kỳ rủi ro nào về quyền lao động/không tuân thủ SECAP đã biết ở Việt Nam (lao động trẻ em và lao động cưỡng bức) không?				Phụ lục 6-10 của ESMF	
Các công trình được tài trợ bao gồm công trình xây dựng, xây dựng lại hay phá dỡ không? <i>Nếu có, cần phải chuẩn bị một ESMP cụ thể cho công trường xây dựng</i>				Hướng dẫn của ESMF về ESMP liên quan đến xây dựng và Kế hoạch quản lý chất thải (xem Phụ lục 6-10 của ESMF)	
Cơ quan thực hiện hoặc nhà thầu phụ có giấy phép hoạt động, giấy phép, phê duyệt, v.v...hợp lệ không? Nếu không, vui lòng giải thích. Các loại giấy phép cần sàng lọc bao gồm: giấy phép xây dựng, giấy phép hoạt động/sử dụng, giấy phép quản lý chất thải, giấy phép môi trường, giấy phép đất đai, giấy phép quản lý nước... <i>Nếu không, liệu nguồn tài chính có được sử dụng để xin giấy phép cần thiết không?</i>				Hướng dẫn của ESMF về luật pháp trong nước	
Cơ quan thực hiện hoặc nhà thầu phụ có bất kỳ khoản phí, tiền phạt hoặc hình phạt môi trường đáng kể nào chưa thanh toán hoặc bất kỳ khoản nợ phải trả nào khác về môi trường (ví dụ như các quy trình pháp lý đang chờ xử lý liên quan đến các vấn đề môi trường, v.v...) không? <i>Nếu có, khoản tài trợ này có được sử dụng để khắc phục tình trạng này không và vui lòng giải thích?</i>				Hướng dẫn của ESMF về mua sắm và quy trình quản lý nhà thầu	
Hoạt động này có bao gồm sản xuất/chế tạo đòi hỏi nhiều lao động không?				ESMF (đặc biệt là phụ lục 6-10) Hướng dẫn về ATSKNN	

Loại rủi ro (Vui lòng kiểm tra từng dòng. Ở giai đoạn này, các câu hỏi được trả lời mà không xem xét đến mức độ tác động – chỉ có các câu trả lời Có , Không hoặc Tôi không biết mới được áp dụng)	Có	Không	Không biết	Nếu có những rủi ro này ('có'), vui lòng tham khảo:	Nhận xét
Hoạt động này có bao gồm các hoạt động nông nghiệp chính không?				ESMF Hướng dẫn về ATSKNN	
Việc vận hành và bảo trì các cơ sở của tiểu dự án có nguy cơ gây ra các vấn đề về ATSKNN không?				Hướng dẫn ATSKNN ESMF	
Có nguy cơ thiếu an toàn lao động cho công nhân tại công trường xây dựng không?				Xây dựng Kế hoạch ATSKNN dựa trên Hướng dẫn về ATSKNN	
Có nguy cơ chậm thanh toán tiền lương cho người lao động không?				Phụ lục 6-10 của ESMF	
Có nguy cơ người lao động bị trả lương thấp không?				Phụ lục 6-10 của ESMF	
Có nguy cơ phụ nữ sẽ bị loại trừ và/hoặc không được tính vào số lượng một cách công bằng không?				Phụ lục 6-10 của ESMF SEP GASIP	
Có nguy cơ việc cung cấp việc làm hoặc hợp đồng gây ra xung đột không?				SEP GRM	
ESS 3: Quản lý hiệu quả tài nguyên và phòng ngừa ô nhiễm					
Hoạt động này có dẫn đến việc tạo ra chất thải rắn không? (trực tiếp từ tiểu dự án hay từ lực lượng lao động)				ESMF, đặc biệt là Phụ lục 6-10 và việc đưa kế hoạch quản lý chất thải và/hoặc	
Hoạt động này có tạo ra chất thải độc hại hoặc nguy hại/nguy hại sinh học không? (ví dụ dầu đã qua sử dụng, sản phẩm dễ cháy, thuốc trừ sâu, dung môi, hóa chất công nghiệp, chất làm suy giảm tầng ozon, xác động vật, máu từ lò giết mổ, v.v...)				kế hoạch quản lý dịch hại và thuốc trừ sâu tổng hợp vào ESMP cụ thể của địa điểm	
Hoạt động này có gây ra bụi và tiếng ồn không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có gây ra xói mòn đất không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có tạo ra nước thải không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có làm tăng mức độ rung động từ máy móc xây dựng không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Liệu tiểu dự án có gây ô nhiễm không khí không? (ví dụ: phát thải khí nhà kính đáng kể, phát thải bụi và các nguồn khác)				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có làm xáo trộn hệ động thực vật không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có dẫn đến nước tưới có tổng chất rắn hòa tan (TDS) cao hơn 1.500 ppm không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	

Loại rủi ro <i>(Vui lòng kiểm tra từng dòng. Ở giai đoạn này, các câu hỏi được trả lời mà không xem xét đến mức độ tác động – chỉ có các câu trả lời Có, Không hoặc Tôi không biết mới được áp dụng)</i>	Có	Không	Không biết	Nếu có những rủi ro này ('có'), vui lòng tham khảo:	Nhận xét
Tiểu dự án có thể ảnh hưởng đến nước mặt hoặc nước ngầm về số lượng hoặc chất lượng không? (ví dụ xả thải, rò rỉ, thấm, khoan lỗ, v.v...)					
Các hoạt động của tiểu dự án có yêu cầu sử dụng hóa chất (ví dụ như phân bón, thuốc trừ sâu, sơn, v.v...) hay không và/hoặc chúng có thể thúc đẩy những người khác tăng cường sử dụng hóa chất không?					
Có nguy cơ tràn hoặc rò rỉ vật liệu không?					
Sức khỏe và an toàn cho cộng đồng					
Có nguy cơ gia tăng các vụ việc bạo lực trên cơ sở giới/ lạm dụng & bóc lột tình dục do dòng lao động đổ về không?				Phụ lục 6-10 của ESMF GASIP GRM	
Có nguy cơ lây lan các bệnh trong cộng đồng do dòng lao động đổ về không?				Phụ lục 6-10 của ESMF GRM	
Hoạt động này có khả năng làm đảo lộn cộng đồng không?				SEP GRM	
Hoạt động này có gây nguy hiểm vật lý cho cộng đồng tại địa bàn tiểu dự án không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có gây nguy hiểm cho giao thông và an toàn đường bộ không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có khả năng gây ô nhiễm các giếng nước lộ thiên, nguồn nước uống và/hoặc nước dùng cho các hoạt động nông nghiệp không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn (đặc biệt là phần quản lý nước và chất thải)	
Hoạt động này có khả năng phát tán mầm bệnh và các chất gây ô nhiễm khác (ví dụ như nhà vệ sinh) không?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Hoạt động này có thể góp phần làm lây lan dịch bệnh không (ví dụ như các trung tâm cộng đồng trong thời gian xảy ra đại dịch)?				ESMF và ESMP cụ thể cho từng địa bàn	
Thu hồi đất, hạn chế sử dụng đất và tái định cư bắt buộc					

Loại rủi ro <i>(Vui lòng kiểm tra từng dòng. Ở giai đoạn này, các câu hỏi được trả lời mà không xem xét đến mức độ tác động – chỉ có các câu trả lời Có, Không hoặc Tôi không biết mới được áp dụng)</i>	Có	Không	Không biết	Nếu có những rủi ro này ('có'), vui lòng tham khảo:	Nhận xét
Hoạt động đề xuất /tiểu dự án có yêu cầu phải thu hồi đất không, ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> • Xâm phạm tài sản cá nhân • Di dời người dân bị ảnh hưởng bởi dự án • Mất đất đai hoặc tài sản tư nhân • Tác động đến thu nhập sinh kế Điều này bao gồm việc di dời dân số về mặt vật lý hoặc kinh tế (ví dụ di dời vì mục đích xây dựng, tạm thời hoặc vĩnh viễn; các hoạt động có thể dẫn đến mất thu nhập, tài sản hoặc phương tiện sinh kế). <i>Nếu có, phải lập Kế hoạch hành động tái định cư/phục hồi sinh kế cụ thể cho từng địa bàn dự án</i>				Danh sách loại trừ ESMF cũng như GASIP và IPP	
Dự án có nằm trong khu vực xung đột hay có khả năng gây ra các vấn đề xã hội và làm trầm trọng thêm các xung đột không, ví dụ như liên quan đến quyền sử dụng đất và tiếp cận tài nguyên (ví dụ: một con đường mới tạo ra sự tiếp cận không bình đẳng đến vùng đất đang tranh chấp)?				SEP GRM ESMF	
Hoạt động này có dẫn tới tranh chấp về quyền sở hữu đất đai không?				ESMF SEP GRM	
Liệu dự án có dẫn tới phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trên cơ sở giới, đặc biệt là liên quan đến việc tham gia thiết kế và triển khai hoặc tiếp cận các cơ hội và lợi ích hay không?				SEP GRM	
Bảo tồn ĐDSH và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên					
Hoạt động này có ảnh hưởng đến các khu vực nhạy cảm và/hoặc được bảo vệ không?				ESMF	
Liệu tiểu dự án có nguy cơ gây ra xáo trộn sinh thái không?				ESMF	
Có nguy cơ nào mà tiểu dự án sẽ gây ra (i) thay đổi về cảnh quan và môi trường sống; (ii) chia cắt môi trường sống; (iii) chặn các tuyến đường di cư; (iv) tăng lượng nước tiêu thụ; và/hoặc (v) ô nhiễm môi trường sống tự nhiên không?				ESMF	

Loại rủi ro (Vui lòng kiểm tra từng dòng. Ở giai đoạn này, các câu hỏi được trả lời mà không xem xét đến mức độ tác động – chỉ có các câu trả lời Có , Không hoặc Tôi không biết mới được áp dụng)	Có	Không	Không biết	Nếu có những rủi ro này ('có'), vui lòng tham khảo:	Nhận xét
Hoạt động này có nguy cơ gây mất mát các tài sản sinh thái quý giá không?				ESMF	
Di sản văn hóa					
Dự án CSHT sẽ được xây dựng tại hoặc gần địa điểm có giá trị thiên nhiên hoặc văn hóa không?				Phụ lục 5 của ESMF (Quy trình xử lý khi Phát lộ hiện vật)	
Địa bàn dự án CSHT có tiềm năng lưu giữ di sản văn hóa và thiên nhiên không?					
Sự tham gia của các bên liên quan và công khai thông tin					
Có nguy cơ nào xảy ra khi hoạt động này không kết hợp các biện pháp cho phép tham vấn có ý nghĩa, hiệu quả và có thông tin đầy đủ với các bên liên quan, chẳng hạn như các hoạt động gắn kết cộng đồng không?				SEP	
Có loại trừ lịch sử nào đối với người khuyết tật hoặc các nhóm thiểu số khác (phụ nữ, trẻ em, DTTS, người già) trong khu vực không?				SEP IPP GASIP	
Có thiếu dữ liệu cơ sở về xã hội không?				ESMF	
Phụ nữ có thể tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến hoạt động này không?				SEP GASIP	
Việc loại trừ người thụ hưởng có nguy cơ dẫn đến khiếu nại không?				SEP IPP GASIP GRM	
Có nguy cơ hoạt động này sẽ khó tiếp cận được người thụ hưởng không?				SEP IPP GASIP GRM	
Liệu sự bùng phát của Covid-19 có cản trở sự tham gia của các bên liên quan không?				Hãy xem SEP của dự án	

PHẦN D: Tóm tắt quá trình sàng lọc

Sàng lọc MTXH		Kết quả và khuyến nghị	
Kết quả sàng lọc: Tóm tắt các rủi ro và tác động quan trọng đã xác định	Rủi ro/tác động tiềm ẩn là gì?	Xếp hạng rủi ro/tác động (Thấp, Trung bình, Đáng kể, Cao)	Giảm nhẹ Vào cuối quá trình sàng lọc, lập bảng các biện pháp giảm thiểu theo Định dạng ESMP (Phụ lục 3)
	<i>Ví dụ tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu do tăng sản lượng HOẶC phương pháp phun thuốc kiểm soát</i>	<i>ví dụ: Trung bình</i>	<i>ví dụ: Kế hoạch quản lý dịch hại, cùng với đào tạo về ATSKNN (ví dụ: cách sử dụng thiết bị bảo hộ lao động cá nhân, v.v...)</i>
Có cần đánh giá bổ sung không? (Đánh giá rủi ro/tác động và xem xét các lựa chọn)	Kết quả sàng lọc		Giải thích tóm tắt kết quả sàng lọc
	1. Không cần đánh giá MTXH thêm nữa.		<i>ví dụ “tiểu dự án rủi ro thấp”</i>
	2. Không cần đánh giá MTXH thêm nhưng chỉ cần có phiên bản đơn giản của ESMP.		<i>ví dụ “tiểu dự án có rủi ro thấp đến trung bình”</i>
	3. ESMP chi tiết. Được thực hiện nội bộ hoặc bởi cơ quan/đối tác thực hiện tiểu dự án.		<i>ví dụ “tiểu dự án có rủi ro trung bình, không cần ESIA và được BQLDA tỉnh hoặc đối tác thực hiện trực tiếp thực hiện”</i>
	4. ESMP chi tiết. Đã ký hợp đồng với bên thứ ba.		<i>ví dụ “tiểu dự án có rủi ro đáng kể, không cần ESIA, nhưng cần có công ty tư vấn bên thứ ba để tránh xung đột lợi ích”</i>
	5. CÓ 2. Bắt buộc phải có ESIA. Đã ký hợp đồng với bên thứ ba.		<i>ví dụ “tiểu dự án có rủi ro đáng kể/cao”</i>
Hoạt động này có bị loại trừ khỏi dự án không (có xuất hiện trong danh sách loại trừ của ESMF)?	Có		Không

PHỤ LỤC 3. MẪU MỤC LỤC ESMP

Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) bao gồm một tập hợp các biện pháp giảm thiểu, giám sát và thể chế cần triển khai trong quá trình thực hiện và vận hành một dự án để loại bỏ các rủi ro MTXH bất lợi và các tác động tiềm ẩn, bù đắp hoặc giảm chúng xuống mức có thể chấp nhận được. ESMP cũng bao gồm các biện pháp và hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này.

ESMP cụ thể cho từng địa bàn dự án sẽ cần thiết cho tất cả các dự án CSHT loại B (rủi ro trung bình) được tài trợ theo dự án, đặc biệt là các dự án liên quan đến xây dựng. Các ESMP sẽ được BQLDA của tỉnh lập với sự hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn giám sát MTXH.

Sau đây là mẫu mục lục cho một ESMP tương ứng với một địa điểm cụ thể, bao gồm:

1. Mô tả dự án, bao gồm các hoạt động CSHT;
2. Tổng quan về vị trí các công trình CSHT;
3. Tóm tắt ngắn gọn về khung pháp lý (luật pháp và quy định của Chính phủ Việt Nam và Tiêu chuẩn MTXH của IFAD & GCF), bao gồm Phân tích Khoảng trống Chính sách (có tham chiếu đến ESMF chính của dự án);
4. Rủi ro và tác động về MTXH được xác định với chương trình CSHT liên quan. Các tác động tiềm tàng của chương trình CSHT phải bao gồm các tác động trực tiếp và gián tiếp. Đảm bảo bao gồm cả đánh giá tác động tích lũy trong trường hợp cần thiết;
5. Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất, bao gồm loại tác động liên quan đến Quy trình quản lý lao động của nhà thầu, Quy trình ATSKNN, Kế hoạch an toàn và sức khỏe cho cộng đồng, Kế hoạch phòng ngừa lao động trẻ em, Lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục và các kế hoạch khác nếu cần thiết (di sản văn hóa, quản lý ĐDSH, v.v...);
6. Cơ chế giải quyết khiếu nại;
7. Các biện pháp thực hiện, bao gồm cả biện pháp giám sát và đánh giá;
8. Lịch trình thực hiện;
9. Dự toán chi phí và ngân sách;
10. Phụ lục.

Bạn có thể tìm thấy bảng mẫu về Giám sát ESMP ở trang tiếp theo.

BẢNG MẪU GIÁM SÁT ESMP

RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MTXH	CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐƯỢC ĐỀ XUẤT	VỊ TRÍ	CHI PHÍ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN GIÁM SÁT / THEO DÕI
THIẾT KẾ CHI TIẾT/ GIAI ĐOẠN TRƯỚC THI CÔNG					
GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG					
GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ					

PHỤ LỤC 4. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO VỊ TRÍ TƯ VẤN GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Nội dung sau đây được dùng làm Điều khoản Tham chiếu mẫu và do đó cần được sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh của dự án RECAF sau khi đã đưa ra quyết định cuối cùng về ngân sách và phân chia nhiệm vụ (ví dụ: liệu chuyên gia Giám sát & Đánh giá (M&E) của dự án có tách biệt với chuyên gia tư vấn M&E về MTXH không?).

BỐI CẢNH

[Trong mục này, đơn vị tuyển dụng phải chèn thông tin cơ bản về dự án RECAF trong phạm vi BQLDA tỉnh và địa bàn dự án tương ứng]

MỤC TIÊU CỦA VỊ TRÍ

Sở NN&PTNT đang tìm kiếm dịch vụ tư vấn của Chuyên gia tư vấn về MTXH và Chuyên gia tư vấn giám sát & đánh giá dự án làm việc trong BQLDA tỉnh (làm việc toàn thời gian). Mục tiêu của vị trí này là giám sát việc tuân thủ các hoạt động của dự án bằng các công cụ MTXH. Ngoài ra, Chuyên gia Tư vấn sẽ hỗ trợ công tác giám sát – đánh giá tổng thể của Dự án.

PHẠM VI CÔNG VIỆC

Nhiệm vụ và trách nhiệm:

Các nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Điều khoản Tham chiếu (ĐKTC) này do Tư vấn về MTXH và M&E Dự án thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn ở những nội dung sau:

Về MTXH:

Chuyên gia tư vấn sẽ hỗ trợ Điều phối viên dự án/Quản lý dự án và sẽ làm việc chặt chẽ với nhân viên MTXH trong BQLDA tỉnh để xử lý các trách nhiệm liên quan đến MTXH. Cụ thể:

- Tiến hành các chuyến thăm thực địa và đánh giá, kiểm tra và tài liệu hóa việc tuân thủ các biện pháp cụ thể của từng địa bàn dự án như đã trình bày trong Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) của từng địa bàn dự án.
- Cung cấp hướng dẫn cho các nhà thầu, giám sát viên tại công trường và các bên liên quan khác về cách thức thực hiện và lập hồ sơ tuân thủ liên quan đến các biện pháp giảm thiểu và giám sát môi trường, như được trình bày trong các ESMP cụ thể của từng công trường.
- Kiểm tra xem tất cả các tài liệu cần thiết để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các công cụ MTXH, đặc biệt là ESMP và Kế hoạch dành cho người DTTS (IPP) đã được chuẩn bị, cập nhật thường xuyên và có sẵn cho các bên liên quan hay chưa;
- Đảm bảo rằng các hoạt động của dự án được phát triển như một phần của Dự án được thiết kế nhằm tránh các rủi ro tiềm ẩn về mặt MTXH, như khuyến nghị trong các ESMP và IPP hàng năm đã được lập;
- Giám sát chung về Quản lý MTXH trong quá trình thực hiện các hoạt động của RECAF và tư vấn cho các cơ quan thực hiện trong việc giải quyết các vấn đề về môi trường;
- Đảm bảo rằng mỗi chương trình CSHT và các hoạt động liên quan trong dự án đều tuân theo các quy trình ESMP của Dự án;
- Xem xét kế hoạch CSHT và kế hoạch hoạt động, thiết kế, chi phí và tài liệu đấu thầu và tham gia vào quá trình đấu thầu công trình dân dụng và giám sát để đảm bảo rằng các hợp đồng công trình dân dụng và giám sát bao gồm các điều khoản liên quan đến các vấn đề MTXH;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan để xin giấy phép liên quan đến môi trường khi cần thiết;
- Trao đổi với chính quyền địa phương, nhà thầu và bất kỳ Chuyên gia về Môi trường, Xã hội, Sức khỏe và An toàn (ESHS) nào có thể tham gia nhóm giám sát CSHT về mọi vấn đề liên quan đến thiết kế, triển khai, lập tài liệu và báo cáo về việc tuân thủ môi trường, như đã nêu trong ESMP cụ thể của từng địa bàn dự án;
- Giám sát việc thực hiện các ESMP cụ thể của từng địa bàn dự án do Nhà thầu thực hiện để đảm bảo quy trình quản lý phù hợp được triển khai, các biện pháp liên quan đến MTXH được giải quyết thỏa đáng và đảm bảo rằng trong trường hợp không tuân thủ, các hành động khắc phục đã thỏa thuận sẽ được áp dụng và tài liệu hóa;
- Kiểm tra và đảm bảo rằng các báo cáo thường kỳ được Nhà thầu lập và nộp đúng thời hạn theo nội dung đã thỏa thuận và phản hồi khi cần thiết;
- Đóng góp vào việc chuẩn bị Báo cáo tuân thủ ESMP bán niên cho IFAD và GCF cùng với các Chuyên gia MTXH của BQLDA tỉnh
- Tham gia các chuyến công tác và chuyên thăm kỹ thuật của IFAD và làm việc chặt chẽ với các Chuyên gia SECAP của IFAD và các Chuyên gia MTXH của BQLDA tỉnh để đảm bảo Dự án tuân thủ các chính sách MTXH có liên quan.
- Thực hiện các hành động khác liên quan đến các khía cạnh MTXH của Dự án, theo chỉ dẫn của Quản lý Dự án/Điều phối viên và/hoặc các Chuyên gia MTXH tại BQLDA Tỉnh, nhằm đảm bảo Dự án tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn và luật pháp trong nước và quốc tế về MTXH.

Về giám sát và đánh giá dự án:

Chuyên gia tư vấn sẽ chịu trách nhiệm về Giám sát & Đánh giá (M&E) Dự án, thiết kế phương pháp tiếp cận chiến lược và kỹ thuật để thực hiện các mục tiêu của dự án trong khuôn khổ kỹ thuật được nêu trong Giám sát Kết quả. Chuyên gia tư vấn sẽ phối hợp và làm việc với các thành viên khác của BQLDA tỉnh, đặc biệt là bất kỳ nhân viên nào mà Sở NN&PTNT đã phân công để vận hành hỗ trợ giám sát và thực hiện Hệ thống Thông tin Giám sát REDD+ và/hoặc Dự án, để đảm bảo giám sát đầy đủ tiến độ so với các chỉ số của dự án. Ngoài ra, Chuyên gia tư vấn cũng sẽ làm việc chặt chẽ với bất kỳ chuyên gia nào được thuê để thực hiện Giám sát & Đánh giá Dự án Giữa kỳ và/hoặc Cuối kỳ và tạo điều kiện cho việc thu thập thông tin.

- Xem xét và làm quen với các tài liệu của Dự án, đặc biệt là Sổ tay Vận hành Dự án (POM) và Hệ thống Thông tin Giám sát (MIS) đã được thiết lập;
- Thực hiện việc lập và triển khai chương trình M&E và lưu giữ hồ sơ về kết quả đạt được, phân tích các chỉ số;
- Liên tục theo dõi tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án và theo các Chỉ số Giám sát Kết quả đã thỏa thuận;
- Báo cáo trong các báo cáo bán niên về mục tiêu của dự án và cập nhật Khung kết quả;
- Theo dõi việc thực hiện dự án và đánh giá kết quả của từng Hợp phần và Tiểu hợp phần bằng cách sử dụng MIS;
- Xác định xem các yếu tố đầu vào trong dự án có được sử dụng tốt hay không;
- Theo dõi việc thực hiện dự án so với các hoạt động đã lên kế hoạch (vật chất và tài chính), phân tích lý do chậm trễ (nếu có) và đề xuất các biện pháp, giải pháp để khắc phục sự chậm trễ;
- Đảm bảo các hoạt động của dự án được triển khai đúng theo chương trình đã thỏa thuận và thực hiện các hành động khắc phục khi cần thiết;
- Xác định các thực hành tốt và thuận lợi trong dự án, tài liệu hóa các bài học kinh nghiệm để xem xét trong tương lai;
- Thực hiện các vai trò và trách nhiệm được giao bởi Điều phối viên/Quản lý dự án;

- Hỗ trợ khảo sát người thụ hưởng và các đánh giá cuối dự án khác
- Thực hiện mọi biện pháp cần thiết để duy trì MIS nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường.

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC VÀ TRÌNH ĐỘ

Người phù hợp với vị trí Chuyên gia tư vấn về MTXH và Giám sát & Đánh giá dự án phải có các năng lực và trình độ:

- Bằng thạc sĩ, ưu tiên chuyên ngành Khoa học Môi trường, Kỹ thuật Môi trường hoặc các bằng cấp chuyên môn tương đương phù hợp với dịch vụ tư vấn được yêu cầu;
- Tối thiểu 05 năm kinh nghiệm liên quan đến Giám sát MTXH;
- Cần có kiến thức về các quy định và luật pháp của Việt Nam (đặc biệt là trong quá trình ĐTM);
- Quen thuộc với các chính sách MTXH của IFAD, GCF và REDD+ sẽ là một lợi thế;
- Có kiến thức và kinh nghiệm trong giám sát và đánh giá dự án là một lợi thế;
- Sử dụng thành thạo máy tính và các gói phần mềm văn phòng (xử lý văn bản, bảng tính, v.v...). Kinh nghiệm xử lý dữ liệu trên web và Hệ thống thông tin quản lý sẽ là một lợi thế bổ sung;
- Nói và viết tiếng Việt và tiếng Anh lưu loát.

NHIỆM VỤ BÁO CÁO

Chuyên gia tư vấn sẽ làm việc theo sự chỉ đạo và báo cáo với Quản lý Dự án/Điều phối viên RECAF trong BQLDA, và tham vấn chặt chẽ với các Chuyên gia MTXH của BQLDA. Chuyên gia tư vấn sẽ cung cấp báo cáo tiến độ hàng tháng liên quan đến việc hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ngoài ra, liên quan đến M&E tổng thể của Dự án, Chuyên gia tư vấn sẽ chuẩn bị các cuộc khảo sát bán niên và hàng năm về các chỉ số kết quả dự án và chuẩn bị các báo cáo tiến độ dự án bán niên và hàng năm, cập nhật các phần có liên quan của Khung kết quả khi cần thiết. Công việc này sẽ được tiến hành với sự tham vấn chặt chẽ với bất kỳ chuyên gia nào liên quan của BQLDA.

Cơ sở vật chất/ trang thiết bị cần thiết cho chuyên gia tư vấn

Chuyên gia tư vấn sẽ làm việc tại văn phòng BQLDA tỉnh. Sở NN&PTNT, với tư cách là đơn vị chủ quản của BQLDA tỉnh, sẽ cung cấp không gian văn phòng và thiết bị cần thiết để chuyên gia tư vấn thực hiện các nhiệm vụ được giao.

ĐIỀU KHOẢN CÔNG VIỆC VÀ THỜI HẠN

- Chuyên gia tư vấn sẽ làm việc toàn thời gian.
- Tiền công sẽ được trả hàng tháng.
- Chuyên gia tư vấn sẽ được tạo cơ hội phát triển chuyên môn thông qua việc tham dự các sự kiện và khóa đào tạo có liên quan trong thời hạn hợp đồng.
- Hợp đồng ban đầu với chuyên gia tư vấn sẽ có thời hạn 01 năm, với thời gian thử việc là 03 tháng, tại thời điểm đó, kết quả làm việc của chuyên gia tư vấn sẽ được đánh giá và có thể gia hạn hàng năm nếu chuyên gia tư vấn tiếp tục thực hiện công việc.
- Đánh giá thời gian thử việc 03 (ba) tháng và bất kỳ việc gia hạn hợp đồng nào sẽ hoàn toàn dựa trên kết quả làm việc của chuyên gia tư vấn được Điều phối viên/Quản lý dự án chứng nhận và theo thỏa thuận với IFAD.

PHỤ LỤC 5. QUY TRÌNH XỬ LÝ KHI PHÁT LỘ HIỆN VẬT

Quy trình xử lý khi Phát lộ hiện vật (*Chance Find Procedure*) sau đây phải được đưa vào tất cả các hợp đồng của bên thứ ba (ví dụ: Thư thỏa thuận) trong trường hợp bên ký hợp đồng hỗ trợ thực hiện dự án và/hoặc hoạt động xây dựng.

Các BQLDA tỉnh sẽ đảm bảo rằng các tài liệu đấu thầu và hợp đồng thi công cho các nhà thầu xây dựng dân dụng bao gồm các điều khoản về Quy trình xử lý khi Phát lộ hiện vật. Cụ thể, điều khoản này sẽ quy định rằng nếu Nhà thầu phát hiện ra các địa điểm khảo cổ, di tích lịch sử, di vật và đồ vật, bao gồm cả nghĩa trang và/hoặc các ngôi mộ riêng lẻ trong quá trình thực hiện dự án, Nhà thầu sẽ:

- Dừng các hoạt động trong khu vực phát lộ hiện vật;
- Xác định khu vực hoặc địa điểm phát lộ hiện vật;
- Bảo vệ địa điểm để ngăn ngừa bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát nào đối với các hiện vật có thể di chuyển được. Trong trường hợp có đồ cổ có thể di chuyển được hoặc di vật nhạy cảm, sẽ bố trí một người bảo vệ ban đêm cho đến khi chính quyền địa phương hoặc tỉnh có trách nhiệm tiếp quản;
- Thông báo cho Chuyên gia MTXH trong BQLDA - người sẽ thông báo ngay cho cơ quan liên quan tại địa phương và tỉnh (trong vòng 24 giờ hoặc sớm hơn);
- Chính quyền địa phương và/hoặc tỉnh có trách nhiệm sẽ giám sát việc bảo vệ và bảo tồn địa điểm trước khi quyết định các quy trình phù hợp tiếp theo. Điều này sẽ yêu cầu đánh giá sơ bộ các phát hiện do các nhà khảo cổ học được chính phủ chấp thuận thực hiện. Tầm quan trọng và ý nghĩa của các phát hiện nên được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau có liên quan đến di sản văn hóa; bao gồm các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học hoặc nghiên cứu, xã hội và kinh tế;
- Quyết định về cách xử lý hiện vật phát lộ sẽ được đưa ra bởi các cơ quan có thẩm quyền địa phương và tỉnh. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (chẳng hạn như khi tìm thấy di vật không thể di dời có tầm quan trọng về văn hóa hoặc khảo cổ học), bảo tồn, bảo quản và phục hồi;
- Việc thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc quản lý hiện vật phát lộ sẽ được các cơ quan địa phương có liên quan thông báo bằng văn bản; và
- Các hoạt động của dự án chỉ có thể được tiếp tục sau khi có sự cho phép từ chính quyền địa phương hoặc tỉnh có thẩm quyền về việc bảo vệ di sản.

Lưu ý rằng việc báo cáo về những hiện vật phát lộ chỉ xảy ra khi tìm thấy một hiện vật /khu vực/v.v... có ý nghĩa văn hóa và chỉ được thực hiện trong phạm vi những gì được nêu chi tiết ở trên (tức là báo cáo về việc phát lộ hiện vật, báo cáo về cách thực hiện vật /khu vực phát lộ sẽ được xử lý trong tương lai). Việc báo cáo sẽ bắt đầu bởi người thực hiện ở cấp địa phương (ví dụ: nhân viên được giao nhiệm vụ thực hiện dự án trong một thôn) thông báo cho chuyên gia MTXH. Sau đó, chuyên gia MTXH hướng dẫn quy trình theo các hướng dẫn ở trên (ví dụ: thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan).

PHỤ LỤC 6. QUY TẮC THỰC HÀNH VỀ MTXH TRONG XÂY DỰNG

Các điều khoản hợp đồng chung được cung cấp để hỗ trợ các công trình quản lý MTXH. Các điều khoản này mang tính nguyên tắc tổng quan và cần được sửa đổi khi cần thiết và được dự định đưa vào thành các yêu cầu trong hợp đồng công trình và sẽ có hiệu lực trong suốt thời hạn hợp đồng.

Điều khoản về Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP)

Nhà thầu phải thực hiện ESMP này. Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động xây dựng và phục hồi các địa điểm và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn xây dựng. Cách tiếp cận của Nhà thầu sẽ được nêu chi tiết trong Kế hoạch Quản lý của Nhà thầu.

Nhà thầu sẽ bao gồm một Nhân viên ATSKNN - Môi trường có năng lực và kinh nghiệm phù hợp (và các nhân viên hoặc cố vấn khác nếu cần) để chịu trách nhiệm cụ thể cho việc chuẩn bị và cập nhật thường xuyên cũng như giám sát ESMP. Cán bộ ATSKNN - Môi trường chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi hàng ngày việc Nhà thầu thực hiện và tuân thủ ESMP của Dự án trong suốt thời gian của hợp đồng. Cách tiếp cận của Nhà thầu để tuân thủ ESMP sẽ được BQLDA chấp thuận trước khi Nhà thầu được huy động đến công trường.

Nhà thầu sẽ phải báo cáo về tình hình thực hiện ESMP cho BQLDA. Các thiệt hại do Nhà thầu vi phạm các điều khoản sẽ được Nhà thầu bồi thường và/hoặc khôi phục bằng ngân sách của mình. BQLDA sẽ giám sát việc thực hiện và sẽ thực thi bằng cách khấu trừ các khoản thanh toán (tham khảo điều khoản có liên quan trong hồ sơ dự thầu).

Các điều khoản chuẩn khác

Giấy phép và phê duyệt

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đảm bảo có đầy đủ các giấy phép và phê duyệt pháp lý cần thiết để bắt đầu công việc.

An ninh, an toàn tại công trình

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm duy trì an toàn, an ninh trên công trường xây dựng bao gồm bảo quản, bảo vệ vật liệu và thiết bị. Trong trường hợp thời tiết khắc nghiệt, nhà thầu phải bảo vệ công trường xây dựng và thiết bị liên quan theo cách bảo vệ công trường và các khu vực lân cận khỏi thiệt hại do hậu quả của thời tiết khắc nghiệt. Điều này bao gồm quản lý vật liệu xây dựng tại chỗ, chất thải xây dựng và vệ sinh, tăng cường thêm hệ thống kiểm soát xói mòn và ổn định đất và các điều kiện khác phát sinh từ hoạt động của nhà thầu có thể làm tăng khả năng thiệt hại.

Phát hiện cổ vật và di sản văn hóa

Nếu trong quá trình thực hiện các hoạt động có trong hợp đồng này mà phát hiện bất kỳ vật liệu nào tại chỗ có thể được coi là có giá trị lịch sử hoặc văn hóa, chẳng hạn như bằng chứng về các khu dân cư trước đó, các hoạt động tại địa phương hoặc lịch sử, bằng chứng về bất kỳ sự tồn tại nào tại một địa điểm có thể có ý nghĩa văn hóa, thì mọi công việc phải dừng lại và phải thông báo ngay lập tức cho cán bộ quản lý hợp đồng và áp dụng các quy trình xử lý khi phát lộ hiện vật (Phụ lục 5). Khu vực phát lộ hiện vật phải được bảo vệ, có rào chắn, đánh dấu và bằng chứng phải được lưu giữ để cơ quan khảo cổ học hoặc văn hóa địa phương đến xác minh. Không được phép di dời hoặc làm xáo trộn bất kỳ hiện vật nào phát lộ được. Nhà thầu có thể tiếp tục công việc mà không bị phạt nếu có sự phê duyệt của cán bộ quản lý hợp đồng và kèm theo bất kỳ hạn chế nào được đưa ra để bảo vệ hiện vật/ địa điểm phát lộ hiện vật.

ATSKNN đối với công nhân

Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả công nhân đều làm việc trong một môi trường an toàn. Các cơ sở vệ sinh phải được cung cấp cho tất cả công nhân tại công trường. Tất cả rác thải phát sinh do các hoạt động của dự án phải được quản lý theo cách được cán bộ quản lý hợp đồng và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về sức khỏe cộng đồng chấp thuận. Nhà thầu phải đảm bảo rằng có các cơ sở y tế cơ bản tại công trường và có nhân viên được đào tạo về sơ cấp cứu. Công nhân phải được cung cấp đồ bảo hộ lao động cá nhân cần thiết theo nhiệm vụ cụ thể của họ như mũ bảo hiểm, quần yếm, găng tay, kính bảo hộ, ủng, v.v... Nhà thầu phải cung cấp cho cán bộ quản lý hợp đồng một kế hoạch ATSKNN để phê duyệt trước khi bắt đầu các hoạt động tại công trường.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả công nhân đều làm việc trong một môi trường an toàn. Tất cả các quy định về ATSKNN có liên quan phải được tuân thủ để đảm bảo an toàn cho công nhân. Phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh cho tất cả công nhân tại công trường. Phải đăng thông tin phù hợp trong công trường để thông báo cho công nhân về các quy tắc và quy định chính cần tuân thủ.

Kiểm soát tiếng ồn

Nhà thầu phải kiểm soát tiếng ồn phát ra do các hoạt động hợp đồng ở mức có thể. Trong trường hợp địa điểm công trường có thể gây ra tiếng ồn, nhà thầu phải đảm bảo rằng thiết bị hoạt động tốt với hệ thống giảm tiếng ồn (bộ giảm thanh, v.v...) do nhà sản xuất cung cấp đang hoạt động và trong tình trạng tốt.

Khi tiếng ồn trở thành mối quan ngại thì nhà thầu phải tìm cách lên lịch các hoạt động trong giờ làm việc bình thường (từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều). Khi tiếng ồn có khả năng gây nguy hiểm cho cộng đồng xung quanh do các công việc bình thường hoặc làm việc ngoài giờ làm việc bình thường hoặc vào cuối tuần gây ra thì nhà thầu phải thông báo cho cán bộ quản lý hợp đồng và phải lập kế hoạch thông báo công khai và quản lý tiếng ồn để cán bộ quản lý hợp đồng phê duyệt.

Sử dụng và quản lý vật liệu nguy hiểm, nhiên liệu, dung môi và các sản phẩm dầu mỡ

Việc sử dụng bất kỳ vật liệu nguy hại nào bao gồm thuốc trừ sâu, dầu, nhiên liệu và các sản phẩm dầu mỡ phải tuân thủ các khuyến nghị sử dụng phù hợp của sản phẩm. Các vật liệu nguy hại thải bỏ và các thùng chứa của chúng phải được xử lý theo cách được cán bộ quản lý hợp đồng chấp thuận theo luật của Tiểu bang và/hoặc quốc gia và ESMP của Dự án. Nhà thầu sẽ lập kế hoạch quản lý địa điểm nếu hoạt động liên quan đến việc sử dụng các vật liệu này để bao gồm số lượng ước tính sẽ tiêu thụ trong quá trình, kế hoạch bảo quản, kế hoạch kiểm soát tràn và các biện pháp xử lý chất thải cần tuân thủ. Bất kỳ kế hoạch nào được yêu cầu phải được cán bộ quản lý hợp đồng chấp thuận.

Các yếu tố của quản lý vật liệu nguy hiểm bao gồm:

- Nhà thầu phải cung cấp kho bảo quản tạm thời tại công trường cho tất cả các chất nguy hiểm hoặc độc hại trong các thùng chứa an toàn có dán nhãn chi tiết về thành phần, tính chất và cách sử dụng, bảo quản các chất này;
- Các chất nguy hiểm phải được đặt trong thùng chứa chống rò rỉ để tránh tràn và thẩm thấu, rò rỉ; và
- Chất thải sẽ được Nhóm MTXH của BQLDA xử lý theo quy cách kỹ thuật nêu trong ESMP cũng như theo luật pháp và chính sách trong nước.

Sử dụng và quản lý thuốc trừ sâu

Bất kỳ việc sử dụng thuốc trừ sâu nào cũng phải được cán bộ quản lý hợp đồng chấp thuận và phải tuân thủ các khuyến nghị của nhà sản xuất về cách sử dụng. Bất kỳ đơn vị/cá nhân nào sử dụng thuốc trừ sâu phải chứng minh rằng họ đã đọc và hiểu các yêu cầu này và có

khả năng tuân thủ các khuyến nghị sử dụng. Tất cả thuốc trừ sâu được sử dụng phải tuân thủ danh sách thuốc trừ sâu được phép sử dụng và không nằm trong danh sách cấm sử dụng của cơ quan có thẩm quyền.

Nếu sử dụng biện pháp xử lý mới, hãy đảm bảo thực hiện các biện pháp quản lý hóa chất thích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm khu vực xung quanh và chỉ sử dụng các chuyên gia kiểm soát dịch hại được cấp phép và đăng ký, đã qua đào tạo và hiểu biết về các phương pháp và kỹ thuật áp dụng phù hợp.

Sử dụng chất nổ

Không được sử dụng chất nổ trong Dự án.

Ổn định công trình và kiểm soát xói mòn

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp tại công trình xây dựng để quản lý xói mòn đất thông qua việc giảm thiểu diện tích đào và thời gian tiếp xúc của các khu vực đào, bảo tồn lớp phủ mặt đất hiện có ở mức có thể, cung cấp lớp phủ mặt đất và sử dụng các bể và hệ thống lọc. Khi đào, nhà thầu phải thực hiện các kỹ thuật ổn định thích hợp để ngăn ngừa sập hoặc lở đất. Các biện pháp phải được cán bộ quản lý hợp đồng chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các biện pháp kiểm soát xói mòn thích hợp như hàng rào chắn bùn (silt fences) được lắp đặt. Hệ thống thoát nước tại công trường phải được thực hiện đúng cách. Bất kỳ cống nào bị tắc nghẽn do vật liệu xây dựng hoặc trầm tích phải được thông tắc càng sớm càng tốt để ngăn ngừa tràn và ngập lụt. Việc sử dụng các kết cấu giữ đất và trồng cỏ có rễ sâu để giữ đất trong và sau khi thi công phải được xem xét. Việc sử dụng các phương pháp kỹ thuật sinh học phải được xem xét như một biện pháp để giảm xói mòn và sạt lở đất. Tất cả các sườn dốc và khu vực đào phải được theo dõi, giám sát để phát hiện sạt lở đất.

Nhà thầu sẽ thiết lập các biện pháp kiểm soát xói mòn và trầm tích thích hợp như kiện rơm, bể lắng và/hoặc hàng rào chắn bùn và bể để ngăn trầm tích di chuyển ra khỏi công trường và gây ra độ đục quá mức ở các suối, sông và vùng đất ngập nước gần đó. Các phương tiện và máy móc xây dựng sẽ chỉ được rửa ở những khu vực được chỉ định, nơi dòng chảy sẽ không gây ô nhiễm các vùng nước mặt tự nhiên.

Chất lượng không khí

Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu của ESMP của Dự án về quản lý bụi bẩn.

Quản lý giao thông

Trong trường hợp các hoạt động xây dựng dẫn đến gián đoạn các dịch vụ vận chuyển trong khu vực, bao gồm mất đường tạm thời, tắc nghẽn do giao hàng và các hoạt động liên quan đến công trường, nhà thầu phải cung cấp cho cán bộ quản lý hợp đồng một kế hoạch quản lý giao thông bao gồm mô tả về các gián đoạn dịch vụ dự kiến, kế hoạch thông tin cộng đồng và chiến lược kiểm soát giao thông cần thực hiện để giảm thiểu tác động đến cộng đồng xung quanh. Kế hoạch này sẽ xem xét thời gian trong ngày cho các gián đoạn đã lên kế hoạch và sẽ bao gồm việc xem xét các tuyến đường tiếp cận thay thế, tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như y tế, sơ tán khi thảm họa xảy ra và các dịch vụ quan trọng khác. Kế hoạch này sẽ cần phải được cán bộ quản lý hợp đồng chấp thuận.

Kế hoạch quản lý giao thông được nhà thầu xây dựng và triển khai phải bao gồm các yếu tố sau:

- Các tuyến đường thay thế sẽ được xác định trong trường hợp thi công đường kéo dài hoặc đường bị chặn;
- Thông báo công khai về mọi sự xáo trộn trên tuyến đường thông thường của họ;
- Biển báo, rào chắn và đường phân luồng giao thông phải được nhìn thấy rõ ràng và công chúng phải được cảnh báo về mọi mối nguy hiểm tiềm ẩn;

- Đảm bảo có lối đi và lối qua đường an toàn cho tất cả người đi bộ khi giao thông thi công cản trở tuyến đường thông thường của họ;
- Quản lý giao thông chủ động bởi đội ngũ nhân viên được đào tạo và có mặt tại công trường hoặc dọc theo các tuyến đường khi cần thiết để đảm bảo việc đi lại an toàn và thuận tiện cho người đi bộ và xe cộ; và
- Điều chỉnh giờ làm việc theo tình hình giao thông địa phương, ví dụ tránh các hoạt động vận chuyển chính vào giờ cao điểm hoặc thời gian di chuyển gia súc.

Chất lượng nước

Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu của ESMP của Dự án về chất lượng nước. Trong mọi trường hợp, nhà thầu không được phép gây ra các vũng nước tù, nước đọng do các hoạt động của nhà thầu để đảm bảo rằng không tạo ra nơi sinh sản cho bất kỳ loài gây hại nào như muỗi.

Quản lý chất thải rắn và rác thải xây dựng

Nhà thầu phải cung cấp một kế hoạch quản lý chất thải rắn phù hợp với các chính sách và quy định quản lý chất thải rắn trong nước và ESMP cụ thể của từng địa bàn dự án để BQLDA và IFAD phê duyệt (xem Phụ lục 3 để biết phác thảo về ESMP cụ thể của từng địa bàn dự án). Kế hoạch quản lý chất thải của từng địa điểm phải bao gồm mô tả về các quy trình xử lý chất thải như thu gom, bảo quản và xử lý thông qua hệ thống quản lý chất thải trong nước. Sẽ không có việc đốt chất thải ngoài trời và nhà thầu phải nỗ lực tái chế chất thải khi thích hợp. Trong mọi trường hợp, nhà thầu không được phép để chất thải xây dựng tích tụ đến mức gây phiền toái hoặc rủi ro cho sức khỏe do sự lây lan của chuột bọ và bệnh dịch.

Quản lý công nhân

Nhà thầu sẽ soạn thảo một Bộ quy tắc ứng xử cụ thể (xem Phụ lục 9), trong đó đưa ra các mong đợi đối với hành vi của công nhân làm việc trong dự án liên quan đến cộng đồng địa phương. Điều này nhằm tránh tạo ra nhu cầu về mại dâm bất hợp pháp, tránh lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục và bạo lực đối với trẻ em, quản lý việc tiêu thụ rượu và tránh sử dụng chất bất hợp pháp, và tuân thủ các chuẩn mực văn hóa và xã hội của cộng đồng địa phương. Nhà thầu phải đảm bảo không có trẻ em (người dưới 18 tuổi) được thuê làm việc trong dự án.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả công nhân người nước ngoài đều được đào tạo về Bộ quy tắc ứng xử của nhân viên. Tất cả người lao động trong dự án sẽ được nâng cao nhận thức về bạo lực trên cơ sở giới và HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm. Bộ NN&PTNT sẽ cung cấp cho Nhà thầu danh sách các nhà cung cấp dịch vụ được chấp thuận, bao gồm các tổ chức phi chính phủ được công nhận và các tổ chức khác để tiến hành các khóa đào tạo về các chủ đề trên.

Nhà thầu phải quy định các điều kiện mà khách có thể đến thăm nơi ở của công nhân, bao gồm cả lệnh giới nghiêm. Nhà thầu phải đảm bảo rằng các không gian nghỉ ngơi và giải trí xã hội/tập thể cơ bản và các hoạt động trong nơi ở của công nhân giúp giảm thiểu tác động mà công nhân sẽ gây ra đối với các cơ sở giải trí và thư giãn của cộng đồng lân cận. Nhà thầu phải tuân thủ các Nguyên tắc về khu lán trại công nhân (Phụ lục 7).

Theo hướng dẫn trong ESMP, Nhà thầu phải đảm bảo rằng khu lán trại công nhân được đặt cách cộng đồng và trường học gần đó ít nhất 500m (xem Phụ lục 7).

PHỤ LỤC 7. NGUYÊN TẮC ĐỐI VỚI KHU LÁN TRẠI CỦA CÔNG NHÂN

Để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về ATSKNN và Khung MTXH, các hướng dẫn này sẽ giúp nhà thầu tuân thủ các nguyên tắc khi dựng khu lán trại cho công nhân.

TỔNG QUAN

Kế hoạch quản lý khu lán trại công nhân sẽ tuân thủ các quy định cụ thể trong ESMP tại các địa điểm cụ thể. Nhà thầu phải đảm bảo rằng trại công nhân được đặt cách cộng đồng và trường học gần đó ít nhất 500m.

TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

Nhà thầu được yêu cầu giảm thiểu số lượng lao động có tay nghề được tuyển dụng từ nước ngoài. Không tuyển dụng lao động phổ thông từ nước ngoài. Trong trường hợp cần tuyển lao động phổ thông thì ưu tiên tuyển dụng lao động phổ thông tại địa phương, bao gồm 15% lao động nữ phổ thông nếu có thể. Nhà thầu sẽ tối đa hóa số lượng lao động có tay nghề và lao động phổ thông được tuyển dụng từ các cộng đồng ở địa bàn dự án.

Nhà thầu sẽ phải cung cấp lý do chính đáng cho bất kỳ công nhân lành nghề nào được tuyển dụng từ nước ngoài và giải thích lý do tại sao vị trí này không thể tuyển dụng được tại địa phương.

HẠ TẦNG LÁN TRẠI CÔNG NHÂN

Tất cả các tiện nghi trong khu lán trại công nhân phải tuân thủ các quy định của ESMP. Khu lán trại công nhân sẽ phải có các tiện nghi tối thiểu sau:

- Không gian ăn uống và ký túc xá theo yêu cầu phải được xây dựng bằng vật liệu phù hợp để cung cấp môi trường an toàn cho người lao động; phải được vệ sinh thường xuyên và cung cấp thông gió, chiếu sáng.
- Ít nhất một nhà vệ sinh, một bồn tiểu và một vòi hoa sen cho 10 người lao động lâu dài hoặc tạm thời trong dự án. Nhà vệ sinh và phòng tắm riêng biệt cho lao động nam và nữ, và đảm bảo rằng nhà vệ sinh gần nơi làm việc/khu vực đường nơi phụ nữ làm việc.
- Phòng y tế và trạm sơ cứu.
- Cơ sở thu gom nước thải để xử lý nước thải đen và xám từ nhà vệ sinh, phòng vệ sinh, phòng tắm, nhà bếp, phòng giặt, v.v... Việc quản lý tất cả nước thải của trại phải theo quy định trong ESMP.
- Mọi khu vực lán trại phải được duy trì ở điều kiện an toàn, sạch sẽ và phù hợp trong suốt thời gian xây dựng.
- Trong thời hạn hợp đồng, đảm bảo rằng người sử dụng lao động, kỹ sư hoặc đại diện của họ có thể ra vào khu lán trại để thanh kiểm tra thường xuyên tất cả các tòa nhà, cơ sở hoặc công trình lắp đặt nhằm đảm bảo các bên tuân thủ quy định này.

VẬN HÀNH LÁN TRẠI CÔNG NHÂN

- Nhà thầu sẽ phải cung cấp đầy đủ nhu yếu phẩm cho công nhân trong suốt thời gian thực hiện dự án để không gây gánh nặng cho an ninh lương thực hoặc nước của các cộng đồng xung quanh. Nhà thầu sẽ cố gắng thuê lao động địa phương để cung cấp dịch vụ vệ sinh và lương thực thực phẩm.
- Nước thải, chất thải rắn, sử dụng nước ngọt, mức độ tiếng ồn, xử lý và bảo quản vật liệu nguy hiểm đều phải tuân theo quy định trong ESMP.

QUẢN LÝ NHÂN VIÊN NGOÀI GIỜ LÀM VIỆC

- Nhà thầu sẽ đảm bảo tất cả nhân viên ký và tuân thủ Quy tắc ứng xử của người lao động; Quy tắc ứng xử này đưa ra các mong đợi đối với hành vi của công nhân làm việc trong dự án liên quan đến cộng đồng địa phương.
- Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả người lao động trong dự án hiện đang ở nước ngoài (chưa sống tại Việt Nam) đều phải tham gia buổi giới thiệu về văn hóa như một phần không thể thiếu trong hoạt động giới thiệu về dự án với người lao động mới. Mục đích của buổi này là giới thiệu cho nhân viên dự án về sự nhạy cảm văn hóa của cộng đồng địa phương và các mong đợi đối với hành vi của công nhân dự án trong quá trình tương tác với các cộng đồng địa phương.
- Nhà thầu phải quy định các điều kiện mà khách có thể đến thăm khu lán trại của công nhân. Giờ thăm viếng nghiêm ngặt phải được thực thi và tất cả khách phải ký tên khi vào và ra khu lán trại của công nhân. Không được phép cho khách vào khu lán trại qua đêm.
- Nhà thầu phải đảm bảo rằng các không gian nghỉ ngơi tập thể trong khu lán trại của công nhân được trang bị chỗ ngồi để giúp giảm thiểu tác động mà công nhân sẽ gây ra đối với các cơ sở nghỉ ngơi/giải trí của cộng đồng lân cận. Cũng nên có các quy định để cung cấp cho công nhân một không gian nghỉ ngơi/ thư giãn trong khu lán trại.

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHU LÁN TRẠI CÔNG NHÂN

Nhà thầu sẽ nộp Kế hoạch quản lý khu lán trại công nhân cho BQLDA tỉnh, trong đó nêu rõ các nội dung sau:

- Chiến lược tuyển dụng công nhân
- Chỗ ở cho công nhân
- Khu vực ăn uống và căng tin
- Khu vực vệ sinh cá nhân
- Nước
- Hệ thống xử lý nước thải
- Điện
- Quy tắc ứng xử cho công nhân
- Cơ sở giải trí/thư giãn cho công nhân
- Khách đến khu lán trại công nhân
- Tương tác với cộng đồng địa phương

PHỤ LỤC 8. HƯỚNG DẪN CHUNG CỦA NHÀ THẦU VỀ CÁC LƯU Ý ĐỐI VỚI COVID-19 TẠI CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mục tiêu của Hướng dẫn chung dành cho nhà thầu về các cân nhắc liên quan đến COVID-19 trong công trình xây dựng là cung cấp hướng dẫn về các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp có thể mắc COVID-19 theo hướng dẫn mới nhất của Bộ Y tế.

Biện pháp phòng ngừa:

- Phổ biến các biện pháp phòng ngừa COVID-19 cho nhân viên và công nhân thông qua hoạt động truyền thông, phát tờ rơi, bố trí áp phích /bảng thông tin tại mỗi công trường xây dựng và khu lán trại công nhân
- Kiểm tra nhiệt độ hàng ngày của nhân viên và công nhân trước khi bắt đầu làm việc
- Nhân viên và công nhân luôn đeo khẩu trang
- Không dùng chung đồ dùng cá nhân như điện thoại, bút, sổ tay, dụng cụ, v.v...
- Tránh chào hỏi tiếp xúc trực tiếp, chẳng hạn như bắt tay
- Duy trì khoảng cách vật lý tối thiểu một mét với người khác nếu có thể
- Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng và nước trong ít nhất 20 giây sau khi sử dụng phòng vệ sinh, trước khi chế biến thực phẩm, sau khi xì mũi, ho hoặc hắt hơi và trước khi hút thuốc. Nếu tay không bị bẩn và không có xà phòng và nước, có thể sử dụng cồn sát khuẩn tay
- Tất cả các văn phòng và công trường đều thực hiện các biện pháp vệ sinh bổ sung cho các khu vực chung. Tất cả tay nắm cửa, lan can, thang, công tắc, điều khiển, bề mặt ăn uống, dụng cụ và thiết bị dùng chung, vòi nước, nhà vệ sinh và khu vực làm việc cá nhân đều được lau sạch ít nhất hai lần một ngày bằng chất sát khuẩn, chẳng hạn như khăn lau sát khuẩn. Các cá nhân có trách nhiệm vệ sinh và khử trùng nơi làm việc của mình
- Các bề mặt thường xuyên chạm vào trên xe và thiết bị được vệ sinh và khử trùng kỹ lưỡng vào cuối ca làm việc và khi thay đổi người dùng
- Ho hoặc hắt hơi vào khăn giấy hoặc khuỷu tay, không phải vào bàn tay; vứt khăn giấy đã sử dụng vào thùng rác có lót càng sớm càng tốt và rửa tay sau đó
- Thực hiện theo mọi hướng dẫn do Bộ Y tế ban hành

Ứng phó với các trường hợp có thể mắc COVID-19

- Những cá nhân có khả năng tiếp xúc với vi-rút hoặc có các triệu chứng giống cúm như sốt, mệt mỏi, ho hoặc nghẹt mũi được hướng dẫn:
 - Không đến làm việc;
 - Liên hệ với người giám sát và/hoặc phòng nhân sự của họ;
 - Ở nhà và tự cách ly; và
 - Liên hệ với cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn thêm.
- Những cá nhân như vậy phải tuân theo hướng dẫn của cơ quan y tế địa phương và không được quay lại làm việc cho đến khi được cơ quan y tế có thẩm quyền chấp thuận;
- Những cá nhân bắt đầu có các triệu chứng giống cúm tại nơi làm việc được hướng dẫn tránh chạm vào bất cứ thứ gì, đặc biệt chú ý không ho và hắt hơi, và trở về nhà ngay lập tức để tự cách ly theo chỉ dẫn của cơ quan y tế địa phương;

Tất cả các khu vực tại chỗ có khả năng bị nhiễm bệnh do ca bệnh đã xác nhận hoặc có khả năng mắc bệnh đều được phong tỏa để giữ khoảng cách 02 mét cho đến khi khu vực đó được vệ sinh và khử trùng đúng cách.

PHỤ LỤC 9. QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hướng dẫn: Bộ Quy tắc ứng xử này phải được đưa vào hồ sơ đấu thầu cho nhà thầu xây dựng và hợp đồng thuê nhà thầu. Bộ Quy tắc ứng xử này phải được ký bởi tất cả nhà thầu, bao gồm cả nhà thầu phụ (nếu có), bên quản lý nhà thầu và nhà thầu phụ làm việc trong dự án RECAF.

Tôi, _____, thừa nhận rằng việc tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội, sức khỏe và an toàn (ESHS), tuân thủ các yêu cầu về an toàn vệ sinh lao động (ATSKNN) của dự án và ngăn ngừa lạm dụng /quấy rối tình dục là điều quan trọng.

Nhà thầu/DDIS cho rằng việc không tuân thủ các tiêu chuẩn ESHS và ATSKNN, hoặc việc tham gia vào các hành vi lạm dụng /quấy rối tình dục tại công trường, khu vực xung quanh công trường, khu lán trại của công nhân hay cộng đồng xung quanh cấu thành hành vi sai trái nghiêm trọng và do đó là cơ sở để xử phạt hoặc có khả năng chấm dứt hợp đồng lao động. Cảnh sát có thể truy tố những người có hành vi bạo hành trẻ em; lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục nếu thấy phù hợp.

Tôi đồng ý rằng: Khi thực hiện dự án, tôi sẽ:

- Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng và chính quyền địa phương.
- Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách có trách nhiệm;
- Tuân thủ Quy tắc Ứng xử này, luật pháp, quy định và yêu cầu hiện hành khác, bao gồm các yêu cầu về bảo vệ sức khỏe và an sinh của nhân viên nhà thầu khác và bất kỳ người nào khác;
- Duy trì môi trường làm việc an toàn, bao gồm:
 - Đảm bảo nơi làm việc, máy móc, thiết bị và quy trình thuộc sự kiểm soát của mỗi người đều an toàn và không gây nguy hiểm cho sức khỏe;
 - Sử dụng các biện pháp thích hợp liên quan đến các chất và tác nhân hóa học, vật lý và sinh học; và
- Thực hiện theo các quy trình vận hành khẩn cấp hiện hành.
- Báo cáo tình huống làm việc được nhận định là không an toàn và tự mình rời khỏi tình huống làm việc được nhận định rằng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe;
- Đồng ý kiểm tra lý lịch tại bất kỳ nơi nào tôi đã làm việc hơn sáu tháng.
- Tích cực tham gia các khóa đào tạo liên quan đến ESHS; ATSKNN; bạo hành trẻ em; lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục theo yêu cầu của công ty.
- Luôn sử dụng thiết bị bảo hộ lao động cá nhân (PPE) khi ở công trường hoặc tham gia vào các hoạt động liên quan đến dự án.
- Thực hiện mọi bước cần thiết để thực hiện ESMP
- Thực hiện Kế hoạch Quản lý ATSKNN.

- Tuân thủ chính sách không sử dụng rượu bia trong khi làm việc và tránh sử dụng chất gây nghiện hoặc các chất khác có thể làm suy giảm khả năng làm việc.
- Tôn trọng phụ nữ, trẻ em (người dưới 18 tuổi) và nam giới bất kể chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia, dân tộc hoặc xã hội, tài sản, tình trạng khuyết tật, xuất thân hoặc tình trạng khác.
- Không sử dụng ngôn ngữ hoặc hành vi không phù hợp, quấy rối, lạm dụng, khiêu dâm, hạ thấp phẩm giá hoặc không phù hợp về mặt văn hóa đối với phụ nữ, trẻ em hoặc nam giới.
- Không bóc lột hoặc lạm dụng tình dục những người thụ hưởng dự án và các thành viên trong cộng đồng xung quanh.
- Không có hành vi quấy rối tình dục - ví dụ, những hành vi tán tỉnh, đề nghị quan hệ tình dục không mong muốn và các hành vi bằng lời nói hoặc hành động khác mang tính chất tình dục đều bị nghiêm cấm, ví dụ: nhìn ai đó từ trên xuống dưới; hôn, hú hét hoặc đập tay; lãng vãng gần ai đó; huýt sáo; trong một số trường hợp, tặng quà cá nhân.
- Không tham gia vào các hoạt động tình dục giao dịch hay tình dục trao đổi/ đổi chác - ví dụ, hứa hẹn sẽ được đối xử tốt/ thăng chức, đe dọa sẽ bị đối xử bất lợi (ví dụ sa thải) hoặc trả tiền bằng hiện vật hoặc tiền mặt, tùy thuộc vào hành vi tình dục—hoặc các hình thức làm nhục, hạ nhục hoặc bóc lột khác.
- Không mua dâm dưới bất kỳ hình thức nào vào bất kỳ thời điểm nào.
- Không tham gia hoạt động tình dục với trẻ em dưới 18 tuổi - bao gồm dụ dỗ hoặc tiếp xúc qua phương tiện kỹ thuật số. Không biết về độ tuổi của trẻ không phải là một biện hộ. Sự đồng thuận của trẻ em cũng không phải là một biện hộ hoặc lời bào chữa.
- Nếu không có sự đồng thuận hoàn toàn²⁰bởi tất cả các bên liên quan, tôi sẽ không quan hệ tình dục với các thành viên của cộng đồng xung quanh. Điều này bao gồm các mối quan hệ do việc giữ lại lợi ích hoặc hứa hẹn lợi ích thực tế (bằng tiền hoặc không bằng tiền) cho các thành viên cộng đồng để đổi lấy quan hệ tình dục (bao gồm cả mại dâm). Hoạt động tình dục như vậy được coi là "không có sự đồng thuận" trong phạm vi của Bộ Quy tắc Ứng xử này.
- Cân nhắc báo cáo thông qua Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) hoặc với người quản lý của tôi về bất kỳ hành vi lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục nào mà tôi nghi ngờ hoặc thực tế gây ra bởi một đồng nghiệp, bất kể có phải do công ty tôi tuyển dụng hay không, hoặc bất kỳ hành vi vi phạm nào đối với Quy tắc ứng xử này.
- Hoàn thành các khóa đào tạo có liên quan đến các khía cạnh MTXH của Hợp đồng, bao gồm các vấn đề về sức khỏe và an toàn, cũng như bóc lột và xâm hại tình dục;
- Báo cáo các hành vi vi phạm Quy tắc Ứng xử này; và

Đối với trẻ em dưới 18 tuổi:

- Báo cho người quản lý biết về sự hiện diện của bất kỳ trẻ em nào ở công trường xây dựng hoặc các hoạt động nguy hiểm.

²⁰ Đồng thuận được định nghĩa là sự lựa chọn của một cá nhân trên cơ sở cá nhân đó được cung cấp thông tin đầy đủ để tự do và tự nguyện chấp thuận hoặc đồng ý làm một việc gì đó. Không thể tìm thấy đồng thuận khi sự chấp thuận hoặc đồng ý đó được thực hiện bằng cách đe dọa, vũ lực hoặc các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa dối hoặc trình bày sai sự thật khác. Theo Công ước của LHQ về Quyền trẻ em, WB cho rằng trẻ em dưới 18 tuổi không thể đồng thuận, ngay cả khi luật pháp của quốc gia mà Bộ quy tắc ứng xử được đưa vào có độ tuổi thấp hơn. Không biết độ tuổi và sự đồng thuận của trẻ em không phải là một biện hộ.

- Bất cứ khi nào có thể, hãy đảm bảo có người lớn khác ở gần khi bạn làm việc gần trẻ em.
- Không mời trẻ em không có người đi kèm và không có quan hệ họ hàng với gia đình tôi vào nhà tôi, trừ khi trẻ em đó có nguy cơ bị thương hoặc gặp nguy hiểm về thể chất.
- Không sử dụng bất kỳ máy tính, điện thoại di động, máy quay phim và máy quay kỹ thuật số hoặc bất kỳ phương tiện nào khác để khai thác hoặc quấy rối trẻ em hoặc truy cập nội dung khiêu dâm trẻ em (xem thêm phần “Sử dụng hình ảnh trẻ em cho mục đích liên quan đến công việc” bên dưới).
- Không trừng phạt hoặc kỷ luật trẻ em về mặt thể chất.
- Không tuyển dụng trẻ em vào bất kỳ hoạt động nào của dự án RECAF (không tuyển dụng người dưới 18 tuổi).
- Tuân thủ mọi luật pháp địa phương có liên quan, bao gồm luật lao động liên quan đến lao động trẻ em và các chính sách MTXH của WB về lao động trẻ em và độ tuổi tối thiểu.
- Hãy thận trọng khi chụp ảnh hoặc quay phim trẻ em (xem x-bb bên dưới). Nhìn chung, không nên chụp ảnh hoặc quay phim trẻ em trong khuôn khổ dự án RECAF, ngoại trừ những trường hợp cho thấy lợi ích hoặc tác động của chương trình đào tạo về an toàn trường học hoặc công trình đường bộ đối với học sinh.

Sử dụng hình ảnh trẻ em cho mục đích liên quan đến công việc

Khi chụp ảnh hoặc quay phim trẻ em vì mục đích công việc, tôi phải:

- Đánh giá và cố gắng tuân thủ các truyền thống hoặc hạn chế tại địa phương về việc sao chép hình ảnh cá nhân trước khi chụp ảnh hoặc quay phim trẻ em.
- Tìm kiếm sự đồng thuận của trẻ em và cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ của trẻ với điều kiện họ đã được cung cấp đầy đủ thông tin. Tôi phải giải thích và đảm bảo họ hiểu cách ảnh hoặc phim sẽ được sử dụng.
- Đảm bảo hình ảnh, phim, video và DVD thể hiện trẻ em theo cách tôn trọng chứ không phải theo cách trẻ là đối tượng dễ bị tổn thương hoặc phục tùng. Trẻ em trong phim ảnh phải mặc quần áo đầy đủ và không ở tư thế có thể bị coi là gợi dục.
- Đảm bảo hình ảnh phản ánh trung thực bối cảnh và sự kiện.
- Đảm bảo tên tệp không tiết lộ thông tin nhận dạng về trẻ khi gửi hình ảnh qua đường điện tử.

Báo cáo mối quan ngại

Nếu bất kỳ người nào quan sát thấy hành vi mà họ tin rằng có thể vi phạm Quy tắc ứng xử này hoặc khiến họ quan ngại, họ nên báo cáo mối quan ngại đó ngay lập tức theo một trong các cách sau:

- Liên hệ [nhập tên Chuyên gia xã hội của Nhà thầu – người có kinh nghiệm liên quan trong việc xử lý bạo lực trên cơ sở giới; trong trường hợp người đó không có theo Hợp đồng thì liên hệ với một cá nhân khác do Nhà thầu chỉ định để xử lý những vấn đề này] bằng văn bản tại địa chỉ này [] hoặc qua số điện thoại [] hoặc trực tiếp tại []; hoặc
- Gọi [] để liên hệ với đường dây nóng của Nhà thầu (nếu có) và để lại tin nhắn.

Danh tính của người đó sẽ được bảo mật, trừ khi luật pháp trong nước yêu cầu có danh tính người cáo buộc. Khiếu nại hoặc cáo buộc ẩn danh cũng có thể được gửi và sẽ được xem xét theo đúng quy định. Chúng tôi coi trọng mọi báo cáo về hành vi sai trái có thể xảy ra và sẽ điều tra và thực hiện hành động thích hợp. Chúng tôi sẽ cung cấp dịch vụ chuyển gửi đến các nhà cung cấp dịch vụ có thể giúp hỗ trợ người đã bị cáo buộc, nếu phù hợp.

Sẽ không có hành vi trả thù đối với bất kỳ người nào nêu lên mối quan ngại một cách thiện chí về bất kỳ hành vi nào bị cấm theo Quy tắc Ứng xử này. Hành vi trả thù như vậy sẽ là hành vi vi phạm Quy tắc ứng xử này.

Trừng phạt

Tôi hiểu rằng nếu tôi vi phạm Bộ Quy tắc Ứng xử này, chủ lao động của tôi sẽ có hành động kỷ luật đối với tôi, bao gồm:

- Cảnh báo không chính thức;
- Cảnh cáo chính thức;
- Đào tạo bổ sung;
- Mất đi một tuần lương;
- Tạm nghỉ việc (không trả lương) trong thời gian tối thiểu là 1 tháng và tối đa là 6 tháng;
- Nghỉ việc hẳn;
- Báo cáo với cảnh sát nếu cần thiết.

Tôi hiểu rằng tôi có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội, sức khỏe và an toàn (ESHS). Tôi sẽ tuân thủ kế hoạch quản lý ATSKNN. Tôi sẽ tránh các hành vi có thể được hiểu là bạo hành trẻ em hoặc lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục. Bất kỳ hành động nào như vậy sẽ được coi là vi phạm Bộ Quy tắc Ứng xử của Người lao động này. Tôi thừa nhận rằng tôi đã đọc Bộ quy tắc ứng xử của Người lao động nêu trên, đồng ý tuân thủ các tiêu chuẩn có trong đó và hiểu vai trò và trách nhiệm của mình trong việc ngăn ngừa và ứng phó với các vấn đề về ESHS, ATSKNN, bạo hành trẻ em hoặc lạm dụng, bóc lột/quấy rối tình dục. Tôi hiểu rằng bất kỳ hành động nào không phù hợp với Bộ Quy tắc Ứng xử này hoặc không hành động theo yêu cầu của Bộ Quy tắc này đều có thể dẫn đến kỷ luật và ảnh hưởng đến việc làm hiện tại của tôi.

Chữ ký: _____

Tên đầy đủ: _____

Vị trí: _____

Ngày: _____

PHỤ LỤC 10. HƯỚNG DẪN CHUNG CỦA NHÀ THẦU VỀ COVID-19 TRONG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

TÊN CỦA CÔNG TRÌNH CSHT:		VỊ TRÍ:	
NGÀY:		NHÀ THẦU:	
ĐƯỢC CHUẨN BỊ BỞI:		TỰ VẤN GIÁM SÁT	

Người tham gia thanh kiểm tra: (thêm tên và chức vụ)

Các mục ESMP	Áp dụng		Tuân thủ			Vấn đề	Trạng thái (R)/ (O)	Hành động cần thiết/đã thực hiện	Ngày theo kế hoạch/ Ngày thực tế
	Có	Không							
Biện pháp giảm thiểu và quản lý: Giai đoạn xây dựng									
<i>Biện pháp giảm thiểu từ ESMP</i>									
Biện pháp giảm thiểu và quản lý: Giai đoạn vận hành và bảo trì									

Tuân thủ, Không tuân thủ, Rất không tuân thủ

Trạng thái: (R) Các vấn đề đã giải quyết, (O) Các vấn đề đang diễn ra

PHỤ LỤC 11. MẪU ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO VỊ TRÍ CHUYÊN GIA MÔI TRƯỜNG VÀ KHÍ HẬU

BỐI CẢNH: [Phần này bao gồm bối cảnh dự án, lý tưởng nhất là viết sao cho phù hợp với từng BQLDA của từng tỉnh]

MỤC TIÊU:

Chuyên gia Môi trường và Khí hậu sẽ chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và báo cáo tất cả các biện pháp bảo vệ liên quan đến môi trường và khí hậu cho dự án. Điều này sẽ bao gồm việc thực hiện Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) của dự án và bất kỳ mục nào được liệt kê trong Khung quản lý môi trường, xã hội và khí hậu (ESCMF). Bạn sẽ làm việc chặt chẽ với Chuyên gia Giới và Xã hội cũng như Chuyên gia Giám sát và Báo cáo của dự án. Bạn sẽ báo cáo cho người đứng đầu BQLDA cấp tỉnh.

TRÁCH NHIỆM:

- Chuẩn bị, thực hiện và giám sát các văn bản BVMT, bao gồm các khía cạnh rủi ro về môi trường và khí hậu của ESMP và bất kỳ Kế hoạch Quản lý ĐDSH nào.
- Biên soạn dữ liệu cơ sở môi trường cho các ESMP và Kế hoạch Quản lý ĐDSH (nếu có) tại các địa bàn tiểu dự án dựa trên các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, IFAD và GCF
- Xác định các vấn đề chính và cách quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường và khí hậu.
- Tiến hành tham vấn, phối hợp với Chuyên gia về Giới và Xã hội, với các cộng đồng mục tiêu trong địa bàn dự án để đánh giá (i) tình hình môi trường hiện tại (ở cấp địa phương, bao gồm nhận thức của người dân về tình hình); (ii) tác động liên quan đến môi trường và khí hậu của các tiểu dự án; và (iii) các biện pháp giảm thiểu (bao gồm các khuyến nghị/giải pháp của cộng đồng) có thể được thực hiện liên quan đến bất kỳ tác động tiêu cực nào về môi trường/khí hậu.
- Thu thập dữ liệu, nâng cao nhận thức và giải thích rõ ràng cho các cán bộ nhà nước có liên quan (hoặc các tổ chức xã hội dân sự/đối tác, v.v...) về dữ liệu, M&E và các yêu cầu tuân thủ về BVMT và cân nhắc rủi ro khí hậu trong quá trình thực hiện dự án.
- Cùng với Chuyên gia về giới và xã hội quản lý GRM của dự án.

YÊU CẦU TỐI THIỂU:

- Cùng với Chuyên gia về giới và xã hội quản lý GRM của dự án.
- Có bằng đại học chuyên ngành Khoa học Môi trường, Sinh học, Kỹ thuật Môi trường/Xây dựng hoặc bất kỳ lĩnh vực liên quan nào.
- Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoạt động có liên quan và thành tích đã được chứng minh trong các hoạt động nông nghiệp, quản lý rừng và xây dựng, bao gồm tuân thủ các tiêu chuẩn MTXH
- Quen thuộc với khoa học khí hậu và quản lý rủi ro khí hậu
- Có năng lực sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt cho công việc.
- Quốc tịch Việt Nam.

NĂNG LỰC CỐT LÕI:

- Tập trung vào kết quả
- Làm việc theo nhóm
- Giao tiếp
- Xây dựng mối quan hệ hiệu quả
- Chia sẻ kiến thức và cải tiến liên tục

KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN:

- Kinh nghiệm thực hiện và quản lý các tiêu chuẩn MTXH quốc tế liên quan đến hoạt động môi trường, khí hậu và nông lâm kết hợp.
- Kiến thức về các vấn đề liên quan đến môi trường, khí hậu và ĐDSH.
- Kiến thức về các chương trình thiết kế bằng máy tính, AutoCAD và các chương trình Phân tích Cấu trúc.
- Kiến thức và hiểu biết về các tiêu chuẩn và thông lệ MTXH quốc tế

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN:

- Chứng minh có năng lực trong việc giám sát các hoạt động nông nghiệp, quản lý rừng và xây

- dựng, bao gồm tuân thủ các tiêu chuẩn về MTXH
- Chứng minh được khả năng xây dựng, duy trì mối quan hệ với nhiều cơ quan và nhà thầu, nâng cao hiểu biết và quan hệ đối tác với các cơ quan khác của LHQ, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan chính phủ và nhà thầu
 - Khả năng lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và báo cáo
 - Kỹ năng giao tiếp, viết và thuyết trình hiệu quả bằng tiếng Anh và tiếng Việt
 - Tinh thần làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập
 - Khả năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế trong môi trường làm việc đa ngành, đa văn hóa
 - Chứng minh có kỹ năng giao tiếp và đàm phán
 - Kỹ năng và kinh nghiệm phân tích.
 - Khả năng bảo mật thông tin nhạy cảm.

PHỤ LỤC 12. MẪU ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO VỊ TRÍ CHUYÊN GIA VỀ GIỚI VÀ XÃ HỘI

BỐI CẢNH: [Phần này bao gồm bối cảnh dự án, lý tưởng nhất là viết sao cho phù hợp với từng BQLDA của từng tỉnh]

MỤC TIÊU:

Chuyên gia về Xã hội và Giới sẽ chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và báo cáo tất cả các biện pháp bảo vệ liên quan đến môi trường và khí hậu cho dự án. Điều này sẽ bao gồm, khi có liên quan, việc thực hiện Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) của dự án và bất kỳ mục nào được liệt kê trong Khung Quản lý Môi trường, Xã hội và Khí hậu (ESCMF). Bạn sẽ làm việc chặt chẽ với Chuyên gia về Xã hội và Giới cũng như chuyên gia Giám sát & Báo cáo của dự án. Bạn sẽ báo cáo với người đứng đầu BQLDA tỉnh.

TRÁCH NHIỆM:

- Chuẩn bị, thực hiện và giám sát các văn bản về xã hội, bao gồm các khía cạnh xã hội trong ESMP, Kế hoạch quản lý lao động và IPP.
- Biên soạn dữ liệu cơ sở về xã hội cho các ESMP, LMP và IPP tại các địa bàn dự án với thông tin về nhân khẩu học, DTTS/tôn giáo, dân số nói chung, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, ngôn ngữ, tôn giáo và bất kỳ lĩnh vực nào khác được yêu cầu dựa trên hướng dẫn của IFAD và GCF
- Xác định các vấn đề chính và cách quản lý các vấn đề liên quan đến giới, DTTS và hòa nhập xã hội.
- Tiến hành tham vấn, phối hợp với Chuyên gia Môi trường và Khí hậu, với các cộng đồng mục tiêu trong địa bàn dự án để đánh giá (i) tình hình xã hội hiện tại (ở cấp địa phương, bao gồm nhận thức của người dân về tình hình); (ii) tác động xã hội của các tiểu dự án; và (iii) các biện pháp giảm thiểu (bao gồm các khuyến nghị/giải pháp của cộng đồng) có thể được thực hiện liên quan đến bất kỳ tác động xã hội tiêu cực nào.
- Thu thập dữ liệu, nâng cao nhận thức và giải thích rõ ràng cho các cán bộ nhà nước có liên quan (hoặc các tổ chức xã hội dân sự/đối tác, v.v...) về dữ liệu, M&E và các yêu cầu tuân thủ về xã hội & giới/ DTTS/ hòa nhập xã hội trong quá trình thực hiện dự án.
- Cùng với Chuyên gia BVMT và Khí hậu quản lý GRM của dự án.

YÊU CẦU TỐI THIỂU:

- Bằng đại học chuyên ngành Khoa học Xã hội, Nghiên cứu giới, Phát triển Quốc tế hoặc bất kỳ lĩnh vực nào liên quan đến xã hội/giới.
- Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực có liên quan và chứng minh có kinh nghiệm làm việc trong các dự án phát triển về lĩnh vực nông lâm nghiệp.
- Có năng lực sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt cho công việc.
- Quốc tịch Việt Nam.

NĂNG LỰC CỐT LÕI:

- Tập trung vào kết quả
- Làm việc theo nhóm
- Giao tiếp
- Xây dựng mối quan hệ hiệu quả
- Chia sẻ kiến thức và cải tiến liên tục

KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN:

- Kinh nghiệm làm việc trong việc thực hiện và quản lý các hoạt động về giới và hòa nhập xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Kiến thức về các vấn đề liên quan đến DTTS, giới, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương khác.
- Kiến thức và hiểu biết về các tiêu chuẩn và thực hành quốc tế về MTXH

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN:

- Chứng minh có năng lực trong việc giám sát các hoạt động nông nghiệp, quản lý rừng và xây dựng, bao gồm tuân thủ các tiêu chuẩn về MTXH
- Chứng minh được khả năng xây dựng, duy trì mối quan hệ với nhiều cơ quan và nhà thầu, nâng cao hiểu biết và quan hệ đối tác với các cơ quan khác của LHQ, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan chính phủ và nhà thầu
- Khả năng lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và báo cáo
- Kỹ năng giao tiếp, viết và thuyết trình hiệu quả bằng tiếng Anh và tiếng Việt
- Tinh thần làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập
- Khả năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế trong môi trường làm việc đa ngành, đa văn hóa
- Chứng minh có kỹ năng giao tiếp và đàm phán
- Kỹ năng và kinh nghiệm phân tích.
- Khả năng bảo mật thông tin nhạy cảm.

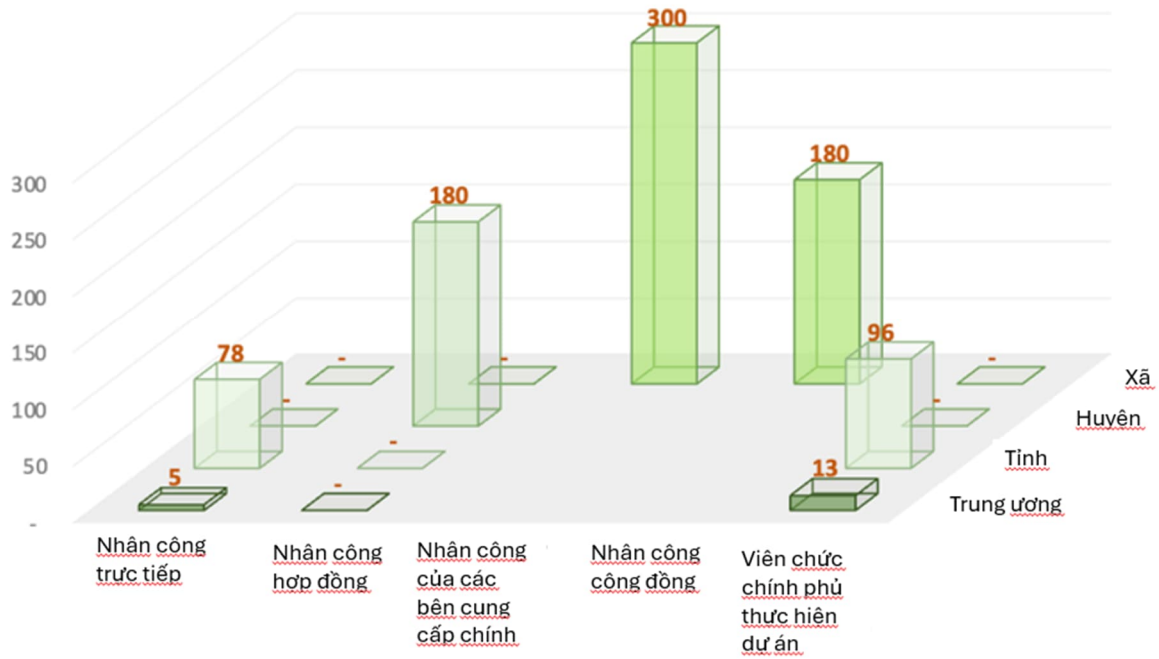
PHỤ LỤC 13. ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG CÔNG NHÂN TRONG DỰ ÁN

Dự án RECAF dự kiến sẽ có 04 loại nhân công: nhân công trực tiếp, nhân công hợp đồng, nhân công cộng đồng và nhân công của các nhà cung cấp chính.

- Nhân công trực tiếp – những người được các BQLDA tỉnh tuyển dụng hoặc thuê trực tiếp, bao gồm cả đơn vị đề xuất dự án và các cơ quan thực hiện dự án để làm việc cụ thể liên quan đến dự án.
- Nhân công hợp đồng – những người được thuê thông qua nhà thầu xây dựng và nhà thầu phụ để thực hiện các hoạt động liên quan đến việc xây dựng các công trình dân dụng. Lao động theo hợp đồng cũng bao gồm những người được huy động theo nhiệm vụ tư vấn.
- Nhân công của các nhà cung cấp – những cá nhân được các nhà thầu của BQLDA thuê làm nhà cung cấp dịch vụ, bao gồm những người được thuê bởi các nhà cung cấp vật liệu và hàng hóa xây dựng cho dự án.
- Nhân công cộng đồng – người dân địa phương tham gia đóng góp ngày công lao động cho dự án trên cơ sở tự nguyện, chẳng hạn như tình nguyện viên thôn bản.

Tổng số công nhân ước tính của dự án là 852 người. Mỗi công trình CSHT thường có đến 14 công nhân (trung bình sẽ được thuê bởi các nhà thầu xây dựng). Những công nhân này đến từ bốn loại hình như đã đề cập ở trên và từ bốn cấp dự án: trung ương, tỉnh, huyện và xã.

LOẠI HÌNH LAO ĐỘNG	Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã	TỔNG	Tỷ lệ %
Nhân công trực tiếp	5	78	-	-	83	9,7%
Nhân công hợp đồng	-	-	180	-	180	21,1%
Nhân công thuộc các nhà cung cấp chính	-	-	-	300	300	35,2%
Nhân công cộng đồng	-	-	-	180	180	21,1%
Cán bộ công chức nhà nước làm việc liên quan đến dự án	13	96	-	-	109	12,8%
	18	174	180	480	852	100%



PHỤ LỤC 14. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG QUY TRÌNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

1. GIỚI THIỆU
 - 1.1 Bối cảnh dự án
 - 1.2 Mô tả dự án
 - 1.3 Mục đích của Quy trình Quản lý Lao động (LMP)
2. TỔNG QUAN VỀ VIỆC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG THEO DỰ ÁN
 - 2.1 Loại nhân công
 - 2.2 Nhân công trực tiếp
 - 2.3 Nhân công hợp đồng
 - 2.4 Nhân công thuộc nhà cung ứng chính
 - 2.5 Nhân công cộng đồng
 - 2.6 Các bên liên quan khác làm việc liên quan đến dự án
 - 2.7 Số lượng lao động ước tính
3. ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO LAO ĐỘNG CHÍNH TIỀM ẨN
 - 3.1 Hoạt động dự án liên quan đến lao động
 - 3.2 Rủi ro lao động chính
4. TỔNG QUAN VỀ LUẬT LAO ĐỘNG: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN
5. TỔNG QUAN VỀ LUẬT AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
6. NHÂN SỰ LIÊN QUAN
 - 6.1 Trách nhiệm của Bộ NN&PTNT
 - 6.2 Trách nhiệm của BQLDA tỉnh
7. CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH
8. TUỔI LAO ĐỘNG
9. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN
10. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI
11. QUẢN LÝ NHÀ THẦU

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 - Văn bản liên quan đến quản lý rủi ro lao động phải có trong a) Tài liệu đấu thầu và b) Hợp đồng thi công đối với Nhà thầu xây dựng.

PHỤ LỤC 15. KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ VÀ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP (EPRP)

Danh sách các hình
Danh sách các bảng
Danh mục từ viết tắt

1. GIỚI THIỆU
2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
3. ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐẬP
 - 3.1 Thông tin chung
 - 3.2 Đặc điểm của đập và các công trình phụ trợ
4. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THỰC THỂ CHÍNH CÓ LIÊN QUAN
 - 4.1 Đơn vị chủ quản
 - 4.2 Đơn vị vận hành
 - 4.3 Các cơ quan chính phủ (quản lý thiên tai, các bộ, v.v...)
5. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP
 - 5.1 Giới thiệu chung
 - 5.2 Quy trình đánh giá và xác định tình trạng khẩn cấp
 - 5.3 Phân loại mức độ khẩn cấp
 - 5.3.1 Xả lũ lớn (không gây vỡ đập)
 - 5.3.2 Cảnh báo nội bộ
 - 5.3.3 Khả năng xảy ra tình trạng khẩn cấp/sự cố
 - 5.3.4 Sự cố sắp xảy ra hoặc đang xảy ra
6. QUY TRÌNH THÔNG BÁO VÀ DANH SÁCH LIÊN HỆ
 - 6.1 Sơ đồ và quy trình thông báo
 - 6.2 Danh sách liên lạc của những người chủ chốt
7. CÁC HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA VÀ KHẨN CẤP
 - 7.1 Các hành động phòng ngừa và giảm thiểu
 - 7.2 Hành động khẩn cấp (cảnh báo, sơ tán)
8. CÁC HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ
 - 8.1 Tiếp cận địa bàn trong thời gian và điều kiện khác nhau
 - 8.2 Hệ thống thông tin liên lạc và cảnh báo
 - 8.3 Vật tư, vật liệu và hỗ trợ khẩn cấp
9. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI LIỆU HÓA
 - 9.1 Quy trình chấm dứt
 - 9.2 Tài liệu hóa/báo cáo
10. ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT VÀ ĐÀO TẠO VỀ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 - 10.1 Đánh giá và cập nhật định kỳ
 - 10.2 Đào tạo và nâng cao nhận thức
11. MÔ PHỎNG VỠ ĐẬP VÀ LŨ LỤT VÀ ĐÁNH GIÁ HẬU QUẢ
 - 11.1 Phân tích và mô hình hóa vỡ đập
 - 11.2 Mô phỏng và lập bản đồ ngập lụt
 - 11.3 Đánh giá hậu quả

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1. Sơ đồ mặt bằng chung và tuyến đường tiếp cận
- Phụ lục 2. Ma trận ứng phó khẩn cấp
- Phụ lục 3. Danh sách liên hệ khẩn cấp
- Phụ lục 4. Sơ đồ quy trình khẩn cấp
- Phụ lục 5. Báo cáo phân tích vỡ đập và bản đồ ngập lụt

PHỤ LỤC 16. MÔ TẢ MỘT SỐ RỦI RO ĐƯỢC ĐỀ CẬP Ở MỤC 4.3

LAO ĐỘNG TRẺ EM

Theo Điều tra Quốc gia về Lao động Trẻ em Việt Nam năm 2018, hai phần ba lao động trẻ em diễn ra trong 21 loại công việc - 08 loại công việc thuộc lĩnh vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản và 06 loại trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng. Gần 20,1% trẻ em lao động làm việc nhiều giờ, thường là 40 giờ một tuần hoặc hơn. Tỷ lệ trẻ em lao động và trẻ em làm công việc nguy hiểm, làm việc hơn 40 giờ một tuần lần lượt là 34,2% và 40,6%.

Môi trường và điều kiện làm việc của trẻ em về mặt an toàn và sức khỏe chưa được đảm bảo. Nhiều nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em, đặc biệt là ở những nơi làm việc mà các điều kiện như làm việc trên cao, làm việc dưới nước, tiếp xúc với hóa chất độc hại, nâng vật nặng, vận hành máy móc và làm việc với các thiết bị không phù hợp với độ tuổi tương đối của trẻ em. Trẻ em làm công nhân hưởng lương có thể kiếm được mức lương từ 2,5 đến 3,5 triệu đồng mỗi tháng (108 - 151 đô la Mỹ).

So với kết quả Điều tra Quốc gia về Lao động Trẻ em năm 2012, Điều tra năm 2018 cho thấy tình hình lao động trẻ em tại Việt Nam đã có sự thay đổi tích cực, cụ thể là đã giảm mạnh từ 15,5% năm 2012 xuống còn 9,1% năm 2018. Tuy nhiên, vẫn cần lưu ý rằng, trên toàn quốc, có 519.805 trẻ em làm việc trong điều kiện nguy hiểm, độc hại, chiếm 2,7% dân số trẻ em trong độ tuổi đó và chiếm 29,6% tổng số trẻ em lao động trong nhóm tuổi đó và 50,4% tổng số trẻ em lao động.

Theo kết quả Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam (SDG CW) Việt Nam 2020-2021, ở cấp quốc gia, khoảng 6,9% trẻ em trong độ tuổi từ 5-17 tuổi tham gia lao động. Trẻ em tham gia vào cả hoạt động kinh tế và công việc gia đình²¹. Báo cáo lưu ý rằng trong sáu vùng trọng điểm của Việt Nam, tỷ lệ lao động trẻ em ở Tây Nguyên (nơi có RECAF) là cao nhất - 13,8%. Tỷ lệ lao động trẻ em trong các nhóm dân tộc cao hơn so với nhóm dân tộc Kinh.

Cuộc khảo sát ghi nhận rằng tỷ lệ trẻ em nông thôn tham gia lao động trẻ em (8,1%) cao hơn trẻ em thành thị (4,6%). Trẻ em không đi học có khả năng tham gia lao động cao gấp 05 lần so với trẻ em đi học (lần lượt là 26,2% so với 5,7%). Trẻ em trong các HGD nghèo hơn, trẻ mà mẹ có trình độ học vấn thấp hơn và trẻ em DTTS có xu hướng tham gia lao động trẻ em và có nhiều khả năng làm công việc nguy hiểm hơn.

Điều tra cũng phát hiện thấy tỷ lệ trẻ em (từ 5-17 tuổi) làm việc trong điều kiện nguy hiểm là cao (3,9%), trong đó phổ biến nhất là mang vác vật nặng (1,7%), tiếp theo là làm việc trong điều kiện khiến trẻ phải chịu nhiệt độ cực lạnh, cực nóng hoặc độ ẩm cao (1,4%), tiếp xúc với bụi, khói hoặc khí (1,2%) và sử dụng các công cụ nguy hiểm hoặc vận hành máy móc hạng nặng (1,2%).

Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất:

- Mọi nhà thầu (thi công công trình dân dụng) đều phải kiểm tra độ tuổi và đảm bảo không giao việc cho những người dưới 18 tuổi.
- Trước khi thuê lao động, các nhà thầu sẽ yêu cầu tất cả những người lao động tiềm năng xuất trình thẻ căn cước hoặc giấy khai sinh để xác minh độ tuổi. Trong trường hợp không có các giấy tờ tùy thân này, các phương pháp thay thế sẽ được sử dụng để xác minh độ tuổi, chẳng hạn như lời khai/tuyên thệ từ cấp thôn bản - nơi người

²¹ Hoạt động kinh tế bao gồm công việc được trả lương hoặc không được trả lương cho người không phải là thành viên trong hộ gia đình, làm việc cho trang trại hoặc doanh nghiệp gia đình. Công việc nhà bao gồm các hoạt động trong nhà như nấu ăn, dọn dẹp hoặc chăm sóc trẻ em.

lao động tiềm năng sinh ra hoặc hiện đang sống. BQLDA cấp tỉnh sẽ kiểm tra tất cả các giấy tờ liên quan để xác minh độ tuổi của người đó. Một bản sao của giấy tờ được sử dụng để xác minh độ tuổi sẽ được lưu trong hồ sơ của Nhà thầu.

- Nếu phát hiện một công nhân dưới 18 tuổi thì hợp đồng lao động phải dừng công việc của công nhân đó. Nhà thầu phải giải thích với công nhân và yêu cầu công nhân dừng công việc ngay lập tức. Sau đó, Nhà thầu sẽ thỏa thuận với công nhân về cách trả tiền bồi thường cho thời gian công nhân đã làm, bao gồm cả việc thanh toán bất kỳ công việc làm thêm giờ nào chưa được trả lương và các phúc lợi khác. Hợp đồng phải được chấm dứt ngay lập tức vào ngày hoàn tất xác minh độ tuổi.

LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC

Ở Việt Nam, lao động cưỡng bức vẫn đang là tình trạng phổ biến. Hình thức lao động cưỡng bức phổ biến nhất liên quan đến lao động di cư. Mỗi năm, tổng cộng 80.000 người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài²² và 450.000 người khác đang cư trú ở nước ngoài với tư cách là công nhân tạm thời²³. Để tăng cường cam kết phòng ngừa lao động cưỡng bức, Quốc hội Việt Nam đã bỏ phiếu phê chuẩn Công ước Xóa bỏ Lao động Cưỡng bức năm 1957 (số 105) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020. Công ước số 105 là Công ước Cơ bản thứ bảy của ILO mà Việt Nam đã phê chuẩn và là minh chứng cho cam kết của Việt Nam trong việc thúc đẩy các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc và mở đường cho việc phê chuẩn cả tám Công ước cơ bản của ILO.

Trong bối cảnh của dự án RECAF, lao động cưỡng bức được dự đoán có thể xảy ra, nhưng có khả năng dưới hình thức các HGD địa phương gửi trẻ nhỏ và các thành viên trẻ tuổi (người lớn) trong gia đình đến làm việc tại các công trình của dự án (do các nhà thầu địa phương thực hiện) để kiếm thu nhập trả nợ hoặc tương tự.

Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất:

- Tất cả các nhà thầu (công trình dân dụng) đều phải tiến hành kiểm tra bằng cách hỏi những người lao động tiềm năng về a) lý do họ nộp đơn xin việc, b) họ có thể quyết định cách sử dụng tiền lương của mình không? Và c) mục đích sử dụng thu nhập của họ là gì.
- Nếu một công nhân tiềm năng có khả năng là lao động cưỡng bức, nhà thầu sẽ cần xác minh thông tin thu thập được từ công nhân tiềm năng trước khi quyết định thuê công nhân đó.

TAI NẠN NƠI LÀM VIỆC

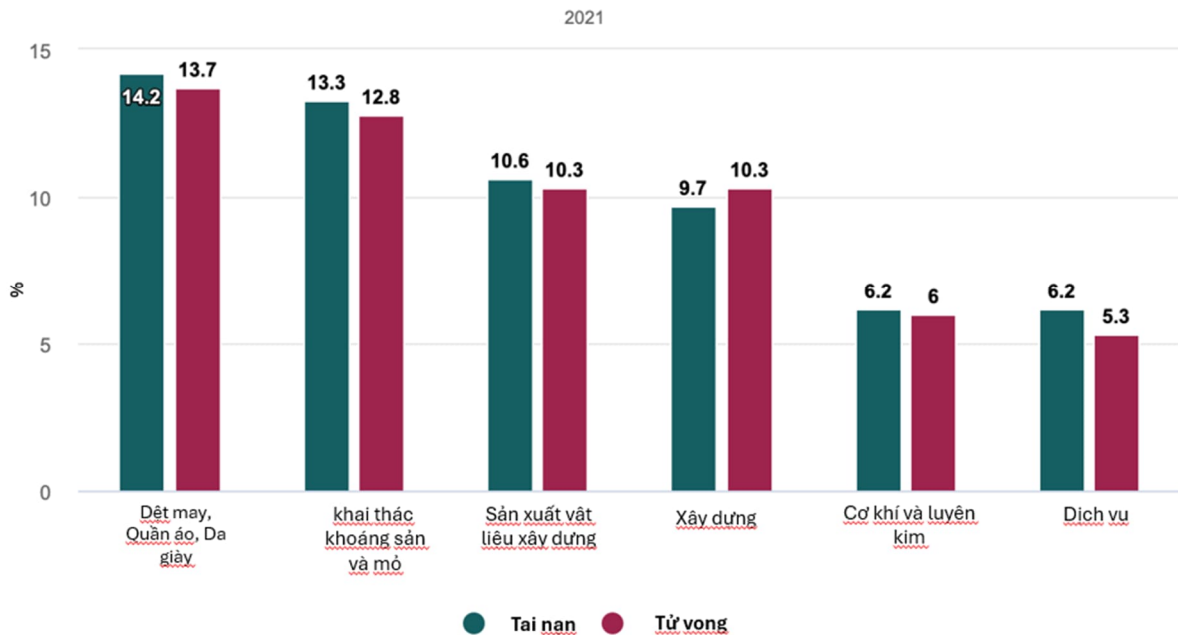
Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội²⁴, riêng năm 2022, cả nước xảy ra tổng cộng 7.718 vụ tai nạn lao động, làm 7.923 người bị thương và thiệt hại đáng kể hơn 14,1 nghìn tỷ đồng. Số liệu năm 2021 (xem biểu đồ bên dưới) cho thấy tai nạn lao động trong xây dựng đứng thứ tư. Theo VNExpress (2019), xây dựng được coi là công việc nguy hiểm nhất tại Việt Nam và 46% tai nạn lao động là do lỗi của người sử dụng lao động (ví dụ không tuân thủ quy trình làm việc).

²² ILO 2020. Lao động di cư tại Việt Nam. Trang web được truy cập ngày 28.01.2020.

²³ Trang web quốc gia của IOM được tham khảo vào ngày 28.01.2020.

²⁴ ???????? (bản gốc để trống footnote này)

Các ngành có nhiều tai nạn lao động nhất



Nguồn. <https://e.vnexpress.net/news/news/workplace-accidents-highest-in-labor-tensy-industry-grouping-4448787.html> (truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2024).

Ở Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào về tai nạn lao động cụ thể trong ngành lâm nghiệp. Tuy nhiên, mức độ an toàn lao động được coi là thấp trong lĩnh vực lâm nghiệp và có thể tương tự ở các nước Đông Nam Á, nơi các khía cạnh về sức khỏe và an toàn thường không được coi trọng²⁵.

Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất:

- Vui lòng xem các biện pháp giảm thiểu rủi ro được đề xuất liên quan đến ATSKNN trong Bảng 4 của Mục 4.3 (Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất).
- Vui lòng xem phác thảo đề xuất về Quy trình Quản lý Lao động (cấp dự án) sẽ được chuẩn bị vào năm 1 triển khai dự án.

Vật liệu nổ chưa nổ (UXO)

Rủi ro về sự hiện diện của UXO trong khu vực tiểu dự án được xác định và ban đầu được đánh giá ở mức độ thấp vì dự án sẽ chủ yếu phục hồi các kênh đào hiện có. Việc đào đất diễn ra ở mức độ tối thiểu ngoại trừ các trường hợp cần mở rộng kênh đào hiện có hoặc đường nối từ cánh đồng/nông trại ra đường chính. Các bước sau sẽ được thực hiện để sàng lọc rủi ro UXO cho tiểu dự án liên quan đến việc đào đất:

- BQLDA tỉnh sẽ tiến hành tham vấn với chính quyền địa phương về khu vực tiểu dự án nơi có tiềm năng thi công xây dựng liên quan đến việc đào đất. Tham vấn nhằm mục đích kiểm tra xem có nguy cơ UXO trong khu vực tiểu dự án hay không và có nên tiến hành rà phá hay không.
- Nếu chính quyền địa phương khuyến nghị nên tiến hành rà phá, một dịch vụ rà phá chuyên nghiệp sẽ được thuê để rà phá và dọn sạch UXO nếu tìm thấy UXO trong khu vực tiểu dự án.

²⁵ Kaakkurivaara, T.; Borz, SA; Kaakkurivaara, N. Các yếu tố rủi ro và sự cố an toàn nghề nghiệp trong công việc lâm nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. *Forests* 2022, 13, 2034. <https://doi.org/10.3390/f13122034>

- Sau khi hoàn tất công tác rà phá địa bàn dự án, cơ quan chuyên môn sẽ cấp giấy chứng nhận rà phá bom mìn trước khi bàn giao địa bàn dự án cho nhà thầu thi công.

CHÁY RỪNG

Trong số 5 tỉnh dự án, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận là địa bàn dự án duy nhất có cấp độ cháy rừng cao nhất (cấp V), tức là “rất nguy hiểm”, theo Cục Kiểm lâm.

Tỉnh	Quận / huyện	Mức báo động
Đắk Lắk	Huyện Buôn Đôn	I
Đắk Lắk	Huyện Ea H'leo	I
Đắk Lắk	Huyện Ea Súp	I
Đắk Lắk	Huyện Lắk	I
Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	I
Đắk Nông	Huyện Cư Jút	I
Đắk Nông	Huyện Đắk Glong	I
Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	I
Đắk Nông	Huyện Đắk R'Lấp	I
Đắk Nông	Huyện Đắk Song	I
Gia Lai	Huyện Păh	I
Gia Lai	Huyện Chư Prông	I
Gia Lai	Huyện Chư Sê	I
Gia Lai	Huyện Đức Cơ	I
Gia Lai	Huyện Krông Pa	I
Gia Lai	Huyện Mang Yang	I
Gia Lai	Thị xã Ayun Pa	I
Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	I
Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	I
Lâm Đồng	Huyện Đạ Huoai	I
Lâm Đồng	Huyện Đạ Tẻh	I
Lâm Đồng	Huyện Di Linh	I
Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	I
Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	I
Lâm Đồng	Huyện Lạc Dương	I
Lâm Đồng	Huyện Lâm Hà	I
Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	I
Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	I
Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước	IV
Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	I

PHỤ LỤC 17. QUY TRÌNH HIẾN TẶNG TỰ NGUYỆN

1. Nguyên tắc

Các nguyên tắc sau đây được áp dụng cho dự án:

- Khi một chương trình CSHT ảnh hưởng đến tài sản của người dân địa phương ở mức độ nhỏ và người bị ảnh hưởng muốn tự nguyện hiến tặng tài sản bị ảnh hưởng mà không nhận bồi thường thì khoản hiến tặng của họ là chấp nhận được.
- Các BQLDA cấp tỉnh phải thông báo cho những người bị ảnh hưởng về quyền được bồi thường của họ - dựa trên giá trị tiền tệ của toàn bộ gói bồi thường, trước khi những người bị ảnh hưởng được tiếp cận để tìm hiểu xem họ có muốn hiến tặng một phần hay toàn bộ tài sản bị ảnh hưởng của mình hay không. Những người bị ảnh hưởng có quyền từ chối hiến tặng.
- Các khoản hiến tặng được thực hiện thông qua áp lực không chính thức hoặc, trong trường hợp nghiêm trọng, cưỡng ép đều không được dự án tiếp nhận.

2. Điều kiện để hiến tặng

Các hộ gia đình (HGD) sau đây KHÔNG đủ điều kiện tham gia hiến tặng trong khuôn khổ dự án này:

- HGD đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau: a) **Hộ DTTS**; b) **Hộ nghèo, cận nghèo** (căn cứ theo giấy chứng nhận do Nhà nước cấp); c) **Hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ có người phụ thuộc**; d) **Hộ gia đình hưởng trợ cấp thường xuyên của Nhà nước** theo chương trình hỗ trợ nào đó; e) Hộ gia đình không có giấy chứng nhận nghèo, cận nghèo nhưng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn - được cộng đồng dân cư địa phương công nhận.

Các HGD sau đây đủ điều kiện được tham gia hiến tặng:

- Là **HGD hưởng lợi trực tiếp** từ chương trình CSHT được quy hoạch.
- Có **quyền sở hữu hoàn toàn** đối với phần đất và/hoặc tài sản bị ảnh hưởng dự định sẽ được hiến tặng.
- **Không có tranh chấp pháp lý** liên quan đến đất được tặng và tài sản không phải là đất.
- **Có tổng diện tích đất sản xuất** hơn 300m².
- Diện tích đất có khả năng hiến tặng **không vượt quá 5% tổng diện tích đất đang sở hữu** (bao gồm đất sản xuất và đất ở) của HGD hiến tặng;
- Phần đất (dự định hiến tặng cho chương trình CSHT) **không có nhà cửa, công trình kiến trúc hoặc tài sản cố định khác**.
- Hộ gia đình hiến đất **không được tái định cư** do hiến đất.
- **Sẽ không phải đối mặt với bất kỳ rủi ro sự cố nào** trong việc duy trì sinh kế của họ do hiến tặng.

3. Lợi ích của các HGD tham gia hiến tặng

- **Được miễn mọi loại thuế và phí giao dịch** có thể liên quan đến phần đất được hiến tặng. Nếu phát sinh chi phí như vậy, dự án sẽ chi trả tất cả các chi phí đó.

- **Được chính quyền địa phương công nhận** vì sự đóng góp của họ.

4. Các bước cần thực hiện của các BQLDA tỉnh để nhận được sự đóng góp tự nguyện

Bước 1. Chuẩn bị kiểm kê tổn thất

- Thông báo cho tất cả những người bị ảnh hưởng về kế hoạch xây dựng CSHT (ví dụ mục đích, tác động và rủi ro, biện pháp giảm thiểu, quy trình giải quyết khiếu nại).
- Tiến hành khảo sát để lập Biên bản kiểm kê thiệt hại nhằm chỉ ra vị trí và diện tích đất, và/hoặc tài sản bị ảnh hưởng ở cấp HGD.
- Tính giá trị tiền tệ của tài sản bị ảnh hưởng của mỗi HGD bị ảnh hưởng.

Bước 2. Tiến hành sàng lọc ban đầu để đủ điều kiện hiến tặng tự nguyện

- Thu thập thông tin nhân khẩu học cần thiết về cá nhân/HGD bị ảnh hưởng.
- Tiến hành tham vấn với người dân bị ảnh hưởng về chính sách bồi thường của dự án; giới thiệu cho người dân về hình thức hiến tặng.
- Sàng lọc, đánh giá các HGD đủ điều kiện tham gia hiến tặng bằng cách sử dụng Biểu mẫu Sàng lọc bên dưới
- Chuẩn bị danh sách các HGD đủ điều kiện tham gia hiến tặng.

Bước 3. Tham vấn ý kiến của HGD có khả năng hiến tặng

- BQLDA cấp huyện sẽ đảm bảo rằng chỉ những HGD đáp ứng các tiêu chí hiến tặng nêu trên mới được tiếp cận để thông báo về quy trình nhận hiến tặng của dự án.
- Tham khảo ý kiến các HGD đủ tiêu chuẩn tham gia hiến tặng để giải thích về chính sách bồi thường của dự án và hình thức hiến tặng là một phương án cho các HGD bị ảnh hưởng lựa chọn.
- Khi tham khảo ý kiến các HGD có khả năng hiến tặng, hãy nhấn mạnh rằng những người bị ảnh hưởng có quyền nhận bồi thường hoặc hiến tặng một phần hoặc toàn bộ tài sản bị ảnh hưởng của họ.
- Hoàn thiện danh sách những người muốn hiến tặng tài sản bị ảnh hưởng.
- Tham khảo ý kiến của Sở TNMT địa phương trước khi thực hiện Bước 3.
- Xác định xem có ai đang sử dụng phần đất dự định hiến tặng hay không; nếu có, hãy tham khảo ý kiến của họ để có được sự đồng ý liên quan đến kế hoạch hiến tặng.
- Nộp tất cả các tài liệu, giấy tờ liên quan đến hiến tặng cho IFAD để xem xét trước khi tiến hành Bước 3.

Bước 4. Bắt đầu quá trình hiến tặng

- Lập biên bản chính thức về việc hiến tặng có chữ ký của từng HGD hiến tặng.
- Tìm kiếm sự đồng thuận chính thức của các bên liên quan với điều kiện họ đã được cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết trước khi họ đưa ra quyết định đồng thuận; đồng thời xác nhận rằng không có tranh chấp nào về quyền sở hữu phần đất/tài sản được hiến tặng, và không có khiếu nại nào từ người thuê, người sử dụng, người chiếm đất hoặc người lấn chiếm.
- Tiến hành các quy trình chính thức để hiến tặng phần đất/tài sản theo quy trình hiến tặng của chính phủ.

- BQLDA tỉnh sẽ lưu giữ tất cả hồ sơ về tài sản và đất hiến tặng được công chứng để tránh tranh chấp trong tương lai. Đảm bảo có đầy đủ các tài liệu liên quan khác để xem xét trong trường hợp phát sinh khiếu nại.
- BQLDA tỉnh đảm bảo các bước tài liệu hóa cần thiết và hoàn tất quy trình hiến tặng.

Bước 5. Bàn giao đất hiến tặng cho dự án.

5. Trách nhiệm của các BQLDA tỉnh

Các BQLDA tỉnh chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình và kết quả hiến tặng. BQLDA tỉnh phối hợp với các cơ quan chính phủ có liên quan, ví dụ Sở TNMT để:

- Xây dựng các quy trình minh bạch liên quan đến hiến tặng sau khi tham vấn các HGD bị ảnh hưởng.
- Hướng dẫn nhân viên địa phương và đảm bảo các cơ quan chính quyền địa phương có liên quan tham gia lập Báo cáo hiến đất tự nguyện. Mục đích của báo cáo này là chỉ ra rằng tất cả những người bị ảnh hưởng đã được thông báo đầy đủ về chương trình CSHT và quyền từ chối hiến đất và/hoặc tài sản khác của họ;
- Sàng lọc/ đánh giá các HGD đáp ứng các tiêu chí hiến tặng để tìm hiểu xem họ có muốn hiến tặng dựa trên nguyên tắc hiến tặng hay không.
- Đảm bảo các HGD đủ điều kiện hiến tặng được thông báo đầy đủ²⁶rằng: Bằng cách hiến tặng đất đai và/hoặc tài sản bị ảnh hưởng cho mục đích xây dựng CSHT, họ đang từ bỏ quyền được bồi thường.
- Đảm bảo các HGD bị ảnh hưởng đã có đủ thời gian để cân nhắc việc xử lý tài sản của mình và đã chủ đích từ chối quyền hủy bỏ quyết định của mình.
- Đảm bảo rằng tài sản được hiến tặng thuộc quyền sở hữu và được chủ sở hữu sử dụng, và nếu người khác sử dụng tài sản đó, người sử dụng đất hoặc tài sản đó sẽ được chủ sở hữu tài sản tham khảo đầy đủ về khả năng hiến tặng tài sản đó.²⁷;
- Đảm bảo rằng HGD hiến đất/tài sản không phải trả bất kỳ khoản phí nào liên quan đến việc hiến tặng đất của họ. Bất kỳ khoản phí hoặc thuế nào phát sinh do hiến đất và bất kỳ việc cập nhật nào về giấy tờ sở hữu đất đều do các BQLDA của tỉnh chi trả.
- Phải có được sự đồng ý của cộng đồng liên quan, bao gồm cả những cá nhân đang sử dụng hoặc chiếm giữ đất trong trường hợp đất cộng đồng hoặc đất tập thể được đề xuất hiến tặng.
- Cập nhật thông tin kịp thời và đầy đủ cho HGD bị ảnh hưởng về quy trình hiến tặng, bao gồm quyền lợi của họ và quy trình giải quyết khiếu nại của dự án.
- Thông báo cho các HGD hiến tặng tiềm năng về quyền của họ trong việc quyết định mức độ hiến tặng của họ (so với tổng tác động mà dự án có thể gây ra cho họ).
- Giải quyết mọi khiếu nại có thể xảy ra liên quan đến quy trình hiến tặng đất; và
- Đảm bảo toàn bộ quá trình và kết quả hiến tặng được BQLDA tỉnh văn bản hóa đầy đủ, kịp thời và nộp cho IFAD để xem xét.

²⁶ “Được thông báo phù hợp” có nghĩa là bên hiến tặng tiềm năng có tất cả thông tin liên quan đến hoạt động dự án được đề xuất và tác động của hoạt động đó, các yêu cầu về đất đai và các địa điểm thay thế, cũng như các quyền của bên hiến tặng tiềm năng đối với việc bồi thường theo quy định của địa phương. Bên hiến tặng tiềm năng cũng đã được cung cấp đủ thời gian để xem xét việc xử lý tài sản bị ảnh hưởng và đã chủ ý từ chối quyền từ chối quyết định của mình.

²⁷ Ví dụ, nếu một phần gian hàng kinh doanh đã được cho thuê và được chủ sở hữu hiến tặng, bạn cũng nên tham khảo ý kiến của người thuê gian hàng.

- BQLDA tỉnh sẽ văn bản hóa đầy đủ và cẩn thận toàn bộ quá trình hiến tặng và chuẩn bị báo cáo bao gồm các nội dung sau:
 - Tên hạng mục CSHT, vị trí, khu vực địa lý (bao gồm thời gian báo cáo và thông tin công bố).
 - Mô tả hạng mục CSHT: địa điểm xây dựng, khu vực ảnh hưởng và mức độ tác động đến tài sản của cộng đồng địa phương.
 - Mô tả các hoạt động và quy trình tham vấn đã được thực hiện để đảm bảo các bên hiến tặng được thông báo đầy đủ về các quy trình và yêu cầu hiến tặng của dự án, bao gồm quyền lựa chọn thanh toán bồi thường hoặc lựa chọn hiến tặng.
 - Danh sách chi tiết các tài sản được hiến tặng tự nguyện và các bên hiến tặng tương ứng.
 - Biên bản tham vấn, bao gồm quá trình tham vấn và kết quả tham vấn về việc hiến tặng tài sản và cơ chế giải quyết khiếu nại.
 - Đảm bảo quy trình hiến tặng được giám sát thường xuyên như một phần trong các biện pháp giám sát nội bộ của BQLDA.

Phiếu sàng lọc/ đánh giá hiến tặng

A. Thông tin về HGD bị ảnh hưởng					
Tỉnh:	Huyện:	Xã:	Thôn:		
Tên của hạng mục CSHT	Tên đại diện UBND xã				
Tên của những người có khả năng hiến tặng	Tên người chồng:	Nghề nghiệp:	Số CMND:	Tuổi:	
	Tên người vợ:	Nghề nghiệp:	Số CMND:	Tuổi:	
Địa chỉ:					
B. Sàng lọc đủ điều kiện hiến tặng				Có	Không
1. Gia đình bạn có thuộc nhóm dễ bị tổn thương/yếu thế không?					
1. Gia đình bạn có Giấy chứng nhận hộ nghèo hợp lệ không?					
2. Gia đình bạn có Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hợp lệ không?					
3. Gia đình bạn có thuộc nhóm DTTS không?					
4. Gia đình bạn có phải là HGD do phụ nữ làm chủ hộ và có người phụ thuộc không?					
5. Gia đình bạn có nhận được trợ cấp thường xuyên từ chính phủ theo chương trình hỗ trợ nào không?					
6. Gia đình bạn có đang sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không?					
Nếu câu trả lời cho các câu hỏi trên là "Có", vui lòng yêu cầu thu thập bằng chứng hỗ trợ để xác nhận.					
C. Sàng lọc tổng tài sản đất đai					
1. Tổng diện tích (m ²) đất ở (bao gồm nhà và đất xung quanh):					
2. Tổng diện tích (m ²) đất trồng cây hàng năm (ví dụ đất lúa và các loại đất khác):					
3. Tổng diện tích (m ²) đất trồng cây lâu năm (ví dụ cây ăn quả, cây công nghiệp):					
4. Tổng diện tích (m ²) đất nuôi trồng thủy sản:					
5. Tổng diện tích (m ²) đất chăn nuôi:					
6. Tổng diện tích (m ²) đất khác:					
7. Bạn có toàn quyền sở hữu những diện tích đất nêu trên không?				Có/	Không

Bằng cách ký hoặc cung cấp dấu vân tay trên mẫu đơn này, HGD xác nhận tính chính xác của thông tin được cung cấp để cho phép dự án tiến hành bước tiếp theo của quy trình hiến đất theo quy định của địa phương.

Đơn vị thực hiện cấp huyện

Người bị ảnh hưởng

Ngày:
Chữ ký
người chồng

Ngày:
Chữ ký của người vợ và

UBND xã (Người làm chứng)

Ngày:
Chữ ký